**180 câu hỏi - đáp pháp luật về phòng, chống tra tấn**

**I. Tìm hiểu một số quy định của Hiến pháp, pháp luật hình sự, tố tụng hình sự liên quan đến phòng, chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người**

***1. Xin hỏi, quyền không bị tra tấn có phải là một trong các quyền cơ bản của con người được pháp luật quốc tế công nhận hay không?***

Vấn đề bạn nêu xin được trả lời như sau:

Theo Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 10/12/1948 tại Pa-ri, Cộng hòa Pháp, các quyền cơ bản của con người gồm: quyền tự do, bình đẳng về phẩm giá và các quyền không bị phân biệt, đối xử về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính trị hay quan điểm khác, dân tộc hay nguồn gốc xã hội, tài sản, nòi giống hay các vấn đề khác; quyền được sống, không bị bắt làm nô lệ và nô dịch; không bị tra tấn, đối xử tàn bạo, vô nhân đạo và hạ nhục; quyền được thừa nhận tư cách như một con người trước pháp luật ở bất cứ nơi nào; quyền được xét xử theo pháp luật; quyền được tự do không bị bắt giữ vô cớ, bị giam cầm hoặc đầy ải; quyền được xét xử công bằng và công khai bởi một tòa án độc lập, không thiên vị; quyền được coi là vô tội cho đến khi hành vi phạm tội được chứng minh; tự do không bị can thiệp vô cớ vào đời tư, gia đình, nhà cửa hoặc thư tín; tự do cư trú và thay đổi nơi ở; quyền được tỵ nạn; quyền có quốc tịch; quyền được kết hôn và xây dựng gia đình; quyền được sở hữu tư nhân về tài sản; tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo; tự do ý kiến và biểu đạt; quyền được lập hội và hội họp hòa bình…

Như vậy, quyền không bị tra tấn được pháp luật quốc tế công nhận là một trong các quyền cơ bản của con người.

***2. Xin cho hỏi, hành vi tra tấn theo pháp luật quốc tế được hiểu như thế nào?***

Theo khoản 1 Điều 1 Công ước chống tra tấn thì thuật ngữ “tra tấn” được hiểu là bất kỳ hành vi cố ý gây ra sự đau đớn hoặc khổ sở đối với một người về thể xác hoặc tinh thần, nhằm những mục đích thu thập thông tin hoặc sự nhận tội từ người đó hoặc một người thứ ba, trừng phạt người đó về một hành vi mà người đó hay người thứ ba đã thực hiện hoặc nghi ngờ đã thực hiện, đe dọa hoặc ép buộc người đó hay người thứ ba, hoặc vì bất kỳ lý do gì khác dựa trên sự phân biệt đối xử dưới mọi hình thức, khi mà sự đau đớn hoặc chịu đựng đó được gây ra bởi hoặc với sự xúi giục hoặc với sự đồng ý hoặc sự chấp thuận của một nhân viên công quyền hoặc người khác đang thực hiện công vụ. Khái niệm này không bao gồm sự đau đớn hoặc khổ sở là kết quả đương nhiên hoặc ngẫu nhiên của các hình phạt hợp pháp”.

Như vậy, theo khái niệm nêu trên thì về chủ thể thực hiện hành vi tra tấn là hành vi do một nhân viên công quyền thực hiện; hoặc được một người khác thực hiện, người này có thể là không phải là một nhân viên công quyền nhưng đang thực hiện nhiệm vụ công, hay nói cách khác là có quyền lực như nhân viên công quyền hoặc thực hiện dưới sự cho phép/đồng ý/chứng kiến của nhân viên công quyền.

***3. Qua báo đài, tôi được biết Việt Nam đã gia nhập Công ước quốc tế về chống tra tấn. Vậy xin hỏi, việc nội luật hóa các quy định của Công ước được thể hiện như thế nào?***

Việt Nam gia nhập Công ước chống tra tấn từ năm 1982, từ đó đến nay, Việt Nam đã nỗ lực nội luật hóa các văn bản quy phạm pháp luật trong nước để phù hợp với quy định của Công ước chống tra tấn.

Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định mọi người không bị tra tấn, bạo lực với việc bổ sung nội dung này trong quy định tại Khoản 1 Điều 20, theo đó: *“Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm”*.

Cụ thể hóa quy định của Hiến pháp, tại một số văn bản Luật được ban hành trong thời gian qua đã sự sửa đổi, bổ sung đáng kể để phù hợp với tinh thần của Công ước chống tra tấn. Như trong Bộ luật hình sự năm 2015 năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã tiếp tục quy định về hành vi dùng nhục hình, bức cung trong hoạt động tư pháp, đồng thời đã có sự sửa đổi, bổ sung đáng kể để phù hợp với tinh thần của Công ước chống tra tấn.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định các nguyên tắc: nghiêm cấm tra tấn, bức cung, dùng nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, tính mạng, sức khỏe con người (Điều 10); bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân (Điều 11).

Luật thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 quy định về việc cấm tra tấn, truy bức, dùng nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, người bị tạm giam (Điều 4 và Điều 8).

Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 quy định nghiêm cấm bức cung, dùng nhục hình và các hình thức tra tấn hoặc đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người hay bất kỳ hình thức nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân (Điều 14)...

***4. Xin cho biết, việc bắt người được tiến hành trong trường hợp nào và ai có thẩm quyền ra lệnh bắt người trong tố tụng hình sự?***

Việc bắt người được tiến hành để kịp thời ngăn chặn tội phạm hoặc khi có căn cứ chứng tỏ người bị buộc tội sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc sẽ tiếp tục phạm tội hoặc để bảo đảm thi hành án, pháp luật quy định cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong phạm vi thẩm quyền của mình có thể áp dụng biện pháp ngăn chặn có tính cưỡng chế như giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam, bảo lĩnh, đặt tiền để bảo đảm, cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh.

Tuy nhiên, để chống lại sự lạm quyền hoặc cố ý vi phạm tới quyền con người được pháp luật bảo hộ, pháp luật đã quy định rất cụ thể, chặt chẽ việc áp dụng những biện pháp ngăn chặn nhất định, phù hợp trong từng trường hợp. Khoản 2 Điều 109 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 có quy định các trường hợp bắt người gồm bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang, bắt người đang bị truy nã, bắt bị can, bị cáo để tạm giam, bắt người bị yêu cầu dẫn độ.

Thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn này được quy định cụ thể tại Mục 1 Chương VII Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

*Ví dụ:* Theo Điều 113 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 thì người có quyền ra lệnh, quyết định bắt bị can, bị cá gồm: Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp (trường hợp này, lệnh bắt phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành); Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự các cấp; Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân và Chánh án, Phó Chánh án Tòa án quân sự các cấp; Hội đồng xét xử. Khi bắt, người thi hành lệnh, quyết định phải đọc lệnh, quyết định; giải thích lệnh, quyết định, quyền và nghĩa vụ của người bị bắt và phải lập biên bản về việc bắt; giao lệnh, quyết định cho người bị bắt. Khi tiến hành bắt người tại nơi người đó cư trú phải có đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn và người khác chứng kiến. Khi tiến hành bắt người tại nơi người đó làm việc, học tập phải có đại diện cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập chứng kiến. Khi tiến hành bắt người tại nơi khác phải có sự chứng kiến của đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn nơi tiến hành bắt người. Không được bắt người vào ban đêm, trừ trường hợp phạm tội quả tang hoặc bắt người đang bị truy nã.

Bên cạnh đó, để bảo đảm việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn này được thực hiện đúng quy định, trình tự, thủ tục, pháp luật cũng quy định các hành vi bắt, giữ hoặc giam người trái với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 sẽ bị xử lý theo Điều 157 Bộ luật hình sự 2015.

***5. Xin cho biết, quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân được thể hiện trong các bản Hiến pháp của Việt Nam như thế nào?***

Ở Việt Nam, Hiến pháp là [văn bản pháp luật](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_b%E1%BA%A3n_quy_ph%E1%BA%A1m_ph%C3%A1p_lu%E1%BA%ADt) có giá trị cao nhất trong [hệ thống pháp luật](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%87_th%E1%BB%91ng_ph%C3%A1p_lu%E1%BA%ADt_Vi%E1%BB%87t_Nam) của [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam), là văn kiện chính trị pháp lý quan trọng nhất sau [cương lĩnh của Đảng](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C6%B0%C6%A1ng_l%C4%A9nh_ch%C3%ADnh_tr%E1%BB%8B_c%E1%BB%A7a_%C4%90%E1%BA%A3ng_C%E1%BB%99ng_s%E1%BA%A3n_Vi%E1%BB%87t_Nam), là đạo luật gốc, quy định những vấn đề hết sức cơ bản của Nhà nước ta như về thể chế chính trị; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường... Trong các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được Hiến pháp quy định có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, và quy định này ngày càng được hoàn thiện theo tiến trình lịch sử lập hiến ở nước ta; cụ thể:

Điều 11 Hiến pháp năm 1946 lần đầu tiên xác định một nguyên tắc về chống hành vi tùy tiện trong hoạt động tư pháp ở Việt Nam như sau: “tư pháp không quyết định thì không được bắt bớ và giam cầm người công dân Việt Nam. Nhà ở và thư tín của công dân Việt Nam không được ai xâm phạm một cách trái pháp luật”. Quy định này của Hiến pháp năm 1946 có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ người dân trước những vi phạm nhân quyền trước việc thực hiện các hoạt động tư pháp của cơ quan, người có thẩm quyền, bao gồm các hành vi tra tấn, đối xử vô nhân đạo và hạ nhục.

Đến Hiến pháp năm 1959, nguyên tắc này tiếp tục được kế thừa và phát triển; cụ thể tại Điều 27, 28 Hiến pháp năm 1959 quy định: “Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hoà được bảo đảm. Không ai có thể bị bắt nếu không có sự quyết định của Toà án nhân dân hoặc sự phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân.”

- Điều 69 Hiến pháp năm 1980 quy định: “Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể.

Không ai có thể bị bắt, nếu không có quyết định của Toà án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân.

Việc bắt và giam giữ người phải theo đúng pháp luật.

Nghiêm cấm mọi hình thức truy bức, nhục hình.”

- Điều 71 Hiến pháp năm 1992 được sửa đổi và bổ sung năm 2001 quy định: *“Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo vệ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm. Không ai bị bắt bếu không có quyết định của tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt và giam giữ người phải theo đúng pháp luật. Nghiêm cấm mọi hình thức truy bức, nhục hình, xúc phạm dnh dự, nhân phẩm của công dân”*.

Quy định trên của Hiến pháp năm 1992 tiếp tục được kế thừa và bổ sung, hoàn thiện tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 20 Hiến pháp năm 2013. Theo đó, Điều 20 Hiến pháp năm 2013 quy định:

*“1. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm.*

*2. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam, giữ người do luật định.”*

***6. Quyền sống là một quyền tối cao của con người. Vậy xin hỏi, quyền này được thể hiện trong Hiến pháp, pháp luật hình sự như thế nào?***

Quyền sống là một quyền tự nhiên, tất yếu, vốn có của con người; là quyền quan trọng nhất đối với mỗi người, là cơ sở cho tất cả các quyền con người. Ở Việt Nam, ngay Bản Tuyên ngôn độc lập năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định như sau: “*Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống*, *quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.*

Trên thực tiễn, quyền sống được Nhà nước Việt Nam ghi nhận trong các bản Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, 1992 và trong các đạo luật chuyên ngành trước đây thông qua các quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân. Đến Hiến pháp năm 2013, quyền sống đã được nêu trực tiếp tại Điều 19 Hiến pháp năm 2013 về quyền sống của cá nhân: *“Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai được tước đoạt tính mạng trái luật”*.

Trong pháp luật hình sự, quyền này được thể hiện rõ nhất thông qua việc quy định về hình phạt tử hình. Theo đó, các tội danh hiện còn áp dụng hình phạt tử hình theo BLHS 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 bao gồm: Hiếp dâm người dưới 16 tuổi (Điều 142); Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh (Điều 194); Giết người (Điều 123); Tham ô tài sản (Điều 353); Nhận hối lộ (Điều 354); Phá hoại hòa bình, gây chiến tranh xâm lược (Điều 421); Chống loài người (Điều 422); Tội phạm chiến tranh (Điều 423); Phản bội Tổ quốc (Điều 108); Mua bán trái phép chất ma túy (Điều 251); Hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân (Điều 109); Bạo loạn (Điều 112); Gián điệp (Điều 110); Khủng bố (Điều 299); Khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 113); Phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 114); Sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 248); Vận chuyển trái phép chất ma túy (Điều 250).

***7. Xin cho biết, thứ tự người đại diện của người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi được xác định như thế nào?***

Theo khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH ngày 21/12/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội liên tịch quy định về phối hợp thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi (Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH) thì người đại diện của người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi là người từ đủ 18 tuổi trở lên, có đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự và có đủ điều kiện làm người đại diện theo quy định tại các điều 134, 135 và 136 Bộ luật Dân sự.

Người đại diện của người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi được xác định theo thứ tự sau đây:

a) Cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi;

b) Người giám hộ;

c) Người do Tòa án chỉ định.

***8. Ngày 10/5/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh PT ra quyết định khởi tố bị can đối với Vũ Ph về tội giết người. Ngày 13/7/2018, trong khi Cơ quan Cảnh sát điều tra đang tiến hành điều tra vụ án thì Phạm Kh đến Công an tỉnh PT đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi giết bà Lê 5 để cướp tài sản. Đến ngày, 30/8/2018, anh Ph được trả tự do và đã có đơn tố cáo Điều tra viên T của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh PT có hành vi dùng nhục hình đối với mình. Hỏi, nếu tố cáo của anh Ph là đúng thì anh có được bồi thường không?***

Điều 14 Công ước chống tra tấn quy định về quyền được bồi thường thiệt hại của các nạn nhân của hành vi tra tấn như sau:

*“1. Mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm trong hệ thống pháp luật của mình rằng các nạn nhân của hành động tra tấn sẽ được cứu chữa và có quyền khả thi được bồi thường công bằng và thoả đáng, kể cả được cung cấp những điều kiện để phục hồi một cách đầy đủ đến mức có thể. Trường hợp nạn nhân chết do bị tra tấn, những người phụ thuộc vào người đó có quyền hưởng sự bồi thường.*

*2. Không một quy định nào trong điều này ảnh hưởng tới bất kỳ quyền được bồi thường nào của nạn nhân hay của người khác có thể có theo pháp luật quốc gia.”*

Ở Việt Nam, theo quy định tại Khoản 2 Điều 30, Khoản 5 Điều 31 Hiến pháp năm 2013 thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Người bị thiệt hại có quyền được bồi thường về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự theo quy định của pháp luật. Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án trái pháp luật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự. Người vi phạm pháp luật trong việc bắt, giam, giữ, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án gây thiệt hại cho người khác phải bị xử lý theo pháp luật.

Cụ thể hóa quyền được bồi thường về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự của người bị thiệt hại theo Hiến pháp năm 2013, Khoản 1 Điều 584 Bộ luật dân sự năm 2015 đã quy định:*“Người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác”*.

Căn cứ vào quy định trên của pháp luật, nếu việc tố cáo hành vi dùng nhục hình của điều tra viên T là đúng thì anh Ph sẽ được bồi thường theo quy định pháp luật.

***9. Xin cho biết, thông báo về hoạt động tố tụng trong trường hợp có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi được quy định như thế nào?***

Tại Điều 7 Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH quy định về việc thông báo về hoạt động tố tụng như sau:

- Trước khi lấy lời khai, hỏi cung người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thông báo trước trong thời gian hợp lý cho người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ biết về thời gian, địa điểm lấy lời khai, hỏi cung để những người này tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Việc thông báo cho gia đình của người dưới 18 tuổi bị giữ trong trường hợp khẩn cấp được thực hiện theo quy định tại Điều 116 Bộ luật Tố tụng hình sự; việc thông báo cho người đại diện của người dưới 18 tuổi trong trường hợp họ bị bắt, tạm giữ, tạm giam được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 419 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Việc thông báo các hoạt động tố tụng khác được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Việc thông báo phải bằng văn bản, trong đó phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, điện thoại liên lạc của người ra thông báo và người được thông báo. Trường hợp cần bảo đảm sự có mặt kịp thời của người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể thông báo trực tiếp, qua điện thoại hoặc phương tiện điện tử khác nhưng ngay sau đó phải gửi thông báo bằng văn bản.

- Người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi khi nhận được thông báo phải thông tin kịp thời về việc có mặt và tham gia tố tụng của họ cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng biết.

***10. Xin cho biết, trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động tố tụng hình sự được quy định như thế nào?***

Để quy định về quyền được bồi thường của người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự, Điều 18 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 quy định cụ thể các trường hợp Nhà nước có trách nhiệm bồi thường gồm:

(i) Người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp mà không có căn cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và người đó không thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;

(ii) Người bị bắt, người bị tạm giữ mà có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự quyết định trả tự do, hủy bỏ quyết định tạm giữ, không phê chuẩn lệnh bắt, quyết định gia hạn tạm giữ vì người đó không thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;

(iii) Người bị tạm giam mà có bản án, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm hoặc đã hết thời hạn điều tra vụ án mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm;

(iv) Người đã chấp hành xong hoặc đang chấp hành hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân, người đã bị kết án tử hình, người đã thi hành án tử hình mà có bản án, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm;

(v) Người bị khởi tố, truy tố, xét xử, thi hành án không bị tạm giữ, tạm giam, thi hành hình phạt tù mà có bản án, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm hoặc đã hết thời hạn điều tra vụ án mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm;

(vi) Người bị khởi tố, truy tố, xét xử về nhiều tội trong cùng một vụ án, đã chấp hành hình phạt tù mà sau đó có bản án, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định người đó không phạm một hoặc một số tội và hình phạt chung sau khi tổng hợp hình phạt của những tội còn lại ít hơn thời gian đã bị tạm giam, chấp hành hình phạt tù thì được bồi thường thiệt hại tương ứng với thời gian đã bị tạm giam, chấp hành hình phạt tù vượt quá so với mức hình phạt của những tội mà người đó phải chấp hành;

(vii) Người bị khởi tố, truy tố, xét xử về nhiều tội trong cùng một vụ án và bị kết án tử hình nhưng chưa thi hành mà sau đó có bản án, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định người đó không phạm tội bị kết án tử hình và hình phạt chung sau khi tổng hợp hình phạt của những tội còn lại ít hơn thời gian đã bị tạm giam thì được bồi thường thiệt hại tương ứng với thời gian đã bị tạm giam vượt quá so với mức hình phạt chung của những tội mà người đó phải chấp hành;

(viii) Người bị xét xử bằng nhiều bản án, Tòa án đã tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đó mà sau đó có bản án, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định người đó không phạm một hoặc một số tội và hình phạt của những tội còn lại ít hơn thời gian đã bị tạm giam, chấp hành hình phạt tù thì được bồi thường thiệt hại tương ứng với thời gian đã bị tạm giam, chấp hành hình phạt tù vượt quá so với mức hình phạt của những tội mà người đó phải chấp hành;

(ix) Pháp nhân thương mại bị khởi tố, truy tố, xét xử, thi hành án mà sau đó có bản án, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định không có sự việc phạm tội hoặc hành vi của pháp nhân không cấu thành tội phạm hoặc đã hết thời hạn điều tra vụ án mà không chứng minh được pháp nhân đã thực hiện tội phạm và pháp nhân đó không thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;

(x) Cá nhân, tổ chức có tài sản bị thiệt hại do việc thu giữ, tạm giữ, kê biên, tịch thu, xử lý, có tài khoản bị phong tỏa hoặc cá nhân, tổ chức khác có liên quan đến các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 18 bị thiệt hại.

***11. Tháng 11/2017, Phạm Thùy L bị khởi tố, truy tố về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Qua hai cấp xét xử là sơ thẩm của TAND quận T và phúc thẩm của TAND thành phố H. Tháng 6/2018, VKSND thành phố H đã ra quyết định đình chỉ đối với L vì hành vi của L không cấu thành tội phạm. Đến tháng 8/2018, L chính thức được các cơ quan tố tụng xác định bị oan. Hỏi, trong trường hợp bị oan như L, quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại được khôi phục như thế nào?***

Để phù hợp với Điều 14 Công ước chống tra tấn về quyền được yêu cầu bồi thường và được bồi thường, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 quy định các loại thiệt hại được bồi thường cho người bị thiệt hại; cụ thể: về tài sản bị xâm phạm (Điều 23), thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút (Điều 24), thiệt hại về vật chất do người bị thiệt hại chết (Điều 25), thiệt hại về vật chất do sức khỏe bị xâm phạm (Điều 26), thiệt hại về tinh thần (Điều 27) và các chi phí khác như thuê phòng nghỉ, đi lại, in ấn tài liệu gửi đơn thư trong quá trình khiếu nại (Điều 28),… Bên cạnh việc quy định các loại thiệt hại được bồi thường nêu trên, tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 29 của Luật còn quy định về việc khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp khác đối với người bị thiệt hại như sau:

(i) Khôi phục chức vụ (nếu có), việc làm và các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật có liên quan;

(ii) Khôi phục quyền học tập;

(iii) Khôi phục tư cách thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Quy định này không chỉ thể hiện rõ quyền dân sự, chính trị của người bị thiệt hại mà còn bao gồm các quyền về kinh tế, xã hội như quyền được học tập, quyền được tham gia tổ chức xã hội.

Theo đó, quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hạinhư chị L sẽ được khôi phục theo quy định pháp luật nêu trên.

***12. Xin hỏi, pháp luật có quy định gì nhằm tăng cường các biện pháp phòng, chống oan sai và bảo đảm bồi thường cho người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự?***

Để tăng cường các biện pháp phòng, chống oan sai và bảo đảm bồi thường cho người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự, theo Điều 2 Nghị quyết số 96/2015/QH13, một trong các nhiệm vụ, giải pháp Quốc hội giao Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện tốt là chỉ đạo Viện kiểm sát các cấp thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố gắn với hoạt động điều tra và kiểm sát hoạt động tư pháp; phối hợp chặt chẽ, kịp thời với các cơ quan có thẩm quyền điều tra trong xử lý tội phạm; bảo đảm việc khởi tố, bắt, tạm giữ, tạm giam, truy tố có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; không để xảy ra oan, sai; khắc phục tình trạng buông lỏng trách nhiệm, thống nhất một chiều với Cơ quan điều tra trong phân loại, xử lý vụ án; chấn chỉnh việc đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án không đúng pháp luật; tăng cường trách nhiệm công tố, tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự; kịp thời giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là đơn kêu oan, đơn tố cáo bức cung, dùng nhục hình.

***13. Xin cho biết, các biện pháp phòng chống tra trấn trong tố tụng hình sự được quy định như thế nào?***

Các biện pháp phòng chống tra trấn trong tố tụng hình sự được quy định cụ thể trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 như quy định về ghi âm, ghi hình có âm thanh trong tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố (Điều 146), trong hỏi cung bị can (Điều 183), trong lấy lời khai (các điều 187, 188, 442), trong đối chất (Điều 189), trong xét xử (Điều 258); đồng thời quy định về quyền trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội (các điều 58, 59, 60, 61, 435).

Cũng tại Điều 313 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định, trong quá trình xét xử và cần kiểm tra chứng cứ, tài liệu, đồ vật có liên quan đến vụ án hoặc Hội đồng xét xử nhận thấy có khả năng xảy ra hành vi bức cung, dùng nhục hình do lời tố cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử có thể quyết định việc cho nghe, xem nội dung được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh ngay tại phiên tòa.

***14. Xin hỏi, pháp luật quy định như thế nào về điều kiện thụ******lý khiếu nại trong tố tụng hình sự?***

*Khiếu nại trong tố tụng hình sự* là việc cơ quan, tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chung là người khiếu nại), theo thủ tục quy định tại Chương XXXIII của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền xem xét lại quyết định, hành vi tố tụng, quyết định giải quyết khiếu nại khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 02/2018/TTLT-VKSTC-TATC-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT ngày 05/9/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc phối hợp thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về khiếu nại, tố cáo (Thông tư liên tịch số02/2018/TTLT-VKSTC-TATC-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT) quy định cơ quan, người có thẩm quyền thụ lý khiếu nại để giải quyết khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Thứ nhất, nội dung khiếu nại là khiếu nại trong tố tụng hình sự; việc khiếu nại được thực hiện bằng đơn khiếu nại hoặc khiếu nại trực tiếp:

a) Trường hợp khiếu nại được thực hiện bằng đơn thì phải ghi rõ ngày, tháng, năm khiếu nại; tên, địa chỉ của người khiếu nại; tên, địa chỉ của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng bị khiếu nại; nội dung, lý do khiếu nại, tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại và yêu cầu giải quyết của người khiếu nại. Đơn khiếu nại phải do người khiếu nại ký tên hoặc điểm chỉ; nếu nhiều người khiếu nại bằng đơn về một nội dung thì trong đơn có chữ ký của những người khiếu nại và phải cử người đại diện để trình bày khi có yêu cầu của người giải quyết khiếu nại.

b) Trường hợp người khiếu nại đến khiếu nại trực tiếp thì người tiếp nhận khiếu nại hướng dẫn người khiếu nại viết đơn hoặc ghi lại nội dung khiếu nại bằng văn bản và yêu cầu người khiếu nại ký hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản. Nếu nhiều người đến khiếu nại trực tiếp về một nội dung thì cơ quan có thẩm quyền tổ chức tiếp, hướng dẫn người khiếu nại cử đại diện để trình bày nội dung khiếu nại và ghi lại việc khiếu nại bằng văn bản.

- Thứ hai, khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng trong thời hiệu theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Tố tụng hình sự; trường hợp khiếu nại quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu thì thời hiệu khiếu nại là 03 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu.

Trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mà người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu quy định thì người khiếu nại phải có giấy tờ, tài liệu chứng minh hoặc văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

- Thứ ba, khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Thứ tư, người khiếu nại phải có quyền, lợi ích hợp pháp chịu tác động trực tiếp bởi quyết định tố tụng, hành vi tố tụng mà mình khiếu nại.

- Thứ năm, người khiếu nại phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Người khiếu nại có thể tự mình hoặc thông qua người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp hoặc người đại diện thực hiện quyền khiếu nại; trường hợp người khiếu nại là người dưới 18 tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự mà không thể tự mình khiếu nại thì việc khiếu nại được thực hiện thông qua người đại diện hợp pháp và phải có giấy tờ chứng minh.

- Thứ sáu, khiếu nại chưa có quyết định giải quyết có hiệu lực pháp luật hoặc chưa có đơn rút khiếu nại của người khiếu nại.

***15. Đề nghị cho biết, pháp luật quy định như thế nào về điều kiện thụ******lý tố cáo trong tố tụng hình sự?***

*Tố cáo trong tố tụng hình sự* là việc cá nhân theo thủ tục quy định tại Chương XXXIII Bộ luật Tố tụng hình sự, báo cho cơ quan, người có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động tố tụng hình sự của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng mà họ cho rằng hành vi đó gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Tại Điều 9 Thông tư liên tịch số 02/2018/TTLT-VKSTC-TATC-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT quy định, cơ quan, người có thẩm quyền thụ lý để giải quyết tố cáo khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Một là, nội dung tố cáo là tố cáo trong tố tụng hình sự; việc tố cáo được thực hiện bằng đơn hoặc được trình bày trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền:

a) Trường hợp tố cáo được thực hiện bằng đơn thì phải ghi rõ ngày, tháng, năm tố cáo; tên, địa chỉ của người tố cáo; tên, chức danh, chức vụ của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng bị tố cáo; nội dung, lý do tố cáo, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo và yêu cầu giải quyết của người tố cáo. Đơn tố cáo phải do người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ; nếu nhiều người cùng tố cáo về một nội dung thì trong đơn ghi rõ họ tên, địa chỉ, cách thức liên hệ với từng người tố cáo; họ tên của người đại diện cho những người tố cáo.

b) Trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp thì người tiếp nhận tố cáo hướng dẫn viết đơn hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản. Nếu nhiều người đến tố cáo trực tiếp về một nội dung thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo cử đại diện viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu những người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản.

- Hai là, tố cáo chưa được giải quyết hoặc đã được giải quyết nhưng có tình tiết mới có thể làm thay đổi nội dung quyết định giải quyết.

Trường hợp khiếu nại đã được giải quyết đúng pháp luật, nhưng người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại nên đã tố cáo người giải quyết khiếu nại thì chỉ thụ lý tố cáo khi người tố cáo cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho nội dung tố cáo.

- Ba là, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

***16. Xin hỏi pháp luật quy định như thế nào về việc xét xử vụ án hình sự có bị cáo, người bị hại là người dưới 18 tuổi?***

Tại Điều **7** Thông tư số 02/2018/TT-TANDTC ngày 21/9/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết việc xét xử vụ án hình sự có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi thuộc thẩm quyền của Tòa gia đình và người chưa thành niên quy định, khi xét xử vụ án hình sự có bị cáo, người bị hại là người dưới 18 tuổi, Tòa án phải thực hiện các quy định sau đây:

- Phòng xử án phải được bố trí thân thiện, bảo đảm lợi ích tốt nhất cho người dưới 18 tuổi theo đúng quy định tại Thông tư số 01/2017/TT-TANDTC ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định về phòng xử án;

- Thẩm phán mặc trang phục làm việc hành chính của Tòa án nhân dân (không mặc áo choàng);

- Việc tổ chức phiên tòa và bảo vệ phiên tòa thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-TANDTC ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Quy chế tổ chức phiên tòa;

- Đối với những vụ án có người bị hại là người dưới 18 tuổi bị xâm hại tình dục, bị bạo hành hoặc bị mua bán thì Tòa án phải xét xử kín; đối với những vụ án khác có yêu cầu của người dưới 18 tuổi, người đại diện của họ hoặc để giữ bí mật đời tư, bảo vệ người dưới 18 tuổi thì Tòa án cũng có thể xét xử kín nhưng phải tuyên án công khai theo quy định tại Điều 327 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Không xét xử lưu động đối với vụ án hình sự có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi.

***17. Nhằm mục đích buộc bà L phải khai nhận việc trộm số tiền 150 triệu đồng của gia đình anh Tr, Điều tra viên V đã sử dụng gậy cao su đánh vào người bà L khiến bà L bị ngất xỉu tại nhà tạm giữ phải đưa tới bệnh viện cấp cứu trong tình trạng đa chấn thương.***

Tại cơ quan điều tra, Điều tra viên V đã khai nhận hành vi phạm tội. Hỏi với hành vi phạm tội nêu trên, V sẽ bị xử lý như thế nào?

Khoản 2 Điều 14 Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 quy định nghiêm cấm bức cung, dùng nhục hình và các hình thức tra tấn hoặc đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người hay bất kỳ hình thức nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Nếu điều tra viên vi phạm quy định này, có thể phải bị cách chức chức danh Điều tra viên (điểm b khoản 4 Điều 56).

Tại khoản 5 Điều 183 Bộ luật tố tụng hình sự quy định, Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên bức cung, dùng nhục hình đối với bị can thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự.

Cũng tại Điều 374 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định về tội bức cung như sau:

“1. Người nào trong hoạt động tố tụng mà sử dụng thủ đoạn trái pháp luật ép buộc người bị lấy lời khai, hỏi cung phải khai ra thông tin liên quan đến vụ án, vụ việc, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Phạm tội 02 lần trở lên;

b) Đối với 02 người trở lên;

c) Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng;

d) Dùng nhục hình hoặc đối xử tàn bạo, hạ nhục nhân phẩm người bị lấy lời khai, hỏi cung;

đ) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;

e) Làm sai lệch kết quả khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử;

g) Ép buộc người bị lấy lời khai, người bị hỏi cung phải khai sai sự thật.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:

a) Làm người bị bức cung tự sát;

b) Dẫn đến bỏ lọt tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Làm người bị bức cung chết;

b) Dẫn đến làm oan người vô tội;

c) Dẫn đến bỏ lọt tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề từ 01 năm đến 05 năm.”

Theo đó, tùy vào tính chất và mức độ của hành vi vi phạm mà điều tra viên V có thể xử lý theo quy định trên.

***18. Xin hỏi, pháp luật tố tụng hình sự quy định như thế nào để tránh bức cung, dùng nhục hình trong việc lấy lời khai của bị can?***

Để tránh bức cung, dùng nhục hình trong việc lấy lời khai của bị can, Điều 183 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định, việc hỏi cung bị can do Điều tra viên tiến hành ngay sau khi có quyết định khởi tố bị can. Có thể hỏi cung bị can tại nơi tiến hành điều tra hoặc tại nơi ở của người đó. Trước khi hỏi cung bị can, Điều tra viên phải thông báo cho Kiểm sát viên và người bào chữa thời gian, địa điểm hỏi cung. Khi xét thấy cần thiết, Kiểm sát viên tham gia việc hỏi cung bị can.

Trước khi tiến hành hỏi cung lần đầu, Điều tra viên phải giải thích cho bị can biết rõ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 60 của Bộ luật tố tụng hình sự. Việc này phải ghi vào biên bản.

Trường hợp vụ án có nhiều bị can thì hỏi riêng từng người và không để họ tiếp xúc với nhau. Có thể cho bị can viết bản tự khai của mình.

Không hỏi cung bị can vào ban đêm, trừ trường hợp không thể trì hoãn được nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản.

Kiểm sát viên hỏi cung bị can trong trường hợp bị can kêu oan, khiếu nại hoạt động điều tra hoặc có căn cứ xác định việc điều tra vi phạm pháp luật hoặc trong trường hợp khác khi xét thấy cần thiết. Việc Kiểm sát viên hỏi cung bị can được tiến hành theo quy định tại Điều này.

Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên bức cung, dùng nhục hình đối với bị can thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự.

Việc hỏi cung bị can tại cơ sở giam giữ hoặc tại trụ sở Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh.

Việc hỏi cung bị can tại địa điểm khác được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh theo yêu cầu của bị can hoặc của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Việc quy định không hỏi cung bị can vào ban đêm và việc hỏi cung phải được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh nêu trên nhằm bảo đảm minh bạch của quá trình hỏi cung, bảo vệ bị can, chống tra tấn, bức cung, dùng nhục hình, bảo vệ quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp, đồng thời bảo vệ người hỏi cung tránh bị vu cáo.

Đề nghị bổ sung thêm quy định quyền của bị can có người bào chữa ngay từ khi khởi tố bị can.

***19. Xin hỏi, việc******thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong các trường hợp khác được quy định như thế nào?***

Vấn đề bạn hỏi được quy định tại Điều 9 Thông tư liên tịch số 03/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP. Theo đó, khi lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, đương sự; đối chất; tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố thì có thể được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh theo quy định tại các điều 146, 187, 188 và 189 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trình tự, thủ tục thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh; sử dụng, bảo quản, lưu trữ dữ liệu ghi âm, ghi hình có âm thanh như đối với hỏi cung bị can hoặc lấy lời khai người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội theo quy định tại Thông tư liên tịch này. Trường hợp đang ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh buổi làm việc mà xảy ra sự cố kỹ thuật thì vẫn tiến hành làm việc bình thường và ghi rõ lý do vào biên bản.

Trường hợp tiến hành đối chất có sự tham gia của bị can, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội tại cơ sở giam giữ, trụ sở Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thì phải ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh. Trình tự, thủ tục thực hiện theo điểm b và điểm c khoản 2 Điều 5 Thông tư liên tịch này.

***20. Ngày 26/12 tới đây, Tòa án nhân dân huyện A sẽ mở phiên tòa hình sự xét xử Nguyễn Văn B (17 tuổi) học sinh lớp 11 trường THPT Nguyễn Gia T về tội cố ý gây thương tích. Xin hỏi, đại diện trường THPT Nguyễn Gia T có phải tham gia phiên tòa không?***

Có.

Tại Điều 8Thông tư số 02/2018/TT-TANDTC quy định, những người sau đây phải có mặt tại phiên tòa theo quyết định của Tòa án:

a) Người đại diện của người dưới 18 tuổi;

b) Đại diện nhà trường nơi người dưới 18 tuổi học tập;

c) Đại diện của cơ quan, tổ chức nơi người dưới 18 tuổi lao động, sinh hoạt.

Trường hợp những người được quy định nêu trên vắng mặt lần thứ nhất hoặc vắng mặt lần thứ hai vì lý do bất khả kháng, do trở ngại khách quan thì Tòa án phải hoãn phiên tòa.

Trường hợp những người quy định nêu trên này vắng mặt lần thứ hai không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan nhưng để bảo đảm lợi ích tốt nhất cho người dưới 18 tuổi thì Tòa án cũng có thể hoãn phiên tòa.

***21. Xin cho biết, vị trí, vai trò của Viện kiểm sát nhân dân trong việc bảo đảm thực hiện quy định pháp luật về chống tra tấn?***

Tại Điều 2 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 2014 quy định, Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Cũng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, thì thực hành quyền công tố là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội, được thực hiện ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố nhằm bảo đảm:

(i) Mọi hành vi phạm tội, người phạm tội phải được phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội;

(ii) Không để người nào bị khởi tố, bị bắt, tạm giữ, tạm giam, bị hạn chế quyền con người, quyền công dân trái luật.

Bên cạnh đó, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 cũng có những quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của kiểm sát viên, kiểm tra viên, những việc không được làm, quy định về cách chức kiểm sát viên trong trường hợp vi phạm quy định của pháp luật trong khi thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp...

Đối với Kiểm sát viên, Kiểm tra viên có hành vi bức cung, dùng nhục hình đối với bị can sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự (khoản 5 Điều 183 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015).

***22. Vừa qua đọc báo VOV.vn tôi thấy đưa tin, TAND tỉnh NT đã mở phiên tòa xét xử đối với 5 bị cáo nguyên là cán bộ Đội Cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp Công an thành phố PR – TC, tỉnh NT về tội dùng nhục hình. Tôi muốn hỏi, ngoài hành vi đánh đánh đập người bị hại như trường hợp của 5 bị cáo nêu trên, còn có hành vi nào khác được coi là dùng nhục hình?***

Tại khoản 1 Điều 373 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định, người nào trong hoạt động tố tụng, thi hành án hoặc thi hành các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc mà *dùng nhục hình* hoặc đối xử tàn bạo, hạ nhục nhân phẩm của người khác dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Theo đó, Bộ luật cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 (tính đến thời điểm hiện tại) chưa có hướng dẫn cụ thể như thế nào là hành vi dùng nhục hình. Tuy nhiên, có thể tham khảo quy định tại Mục 4 Chương VIII Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/11/1986 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong trong Phần các tội phạm của Bộ luật hình sự (năm 1985) như sau:

“- Dùng nhục hình trong hoạt động tư pháp là tra tấn, đánh đập người bị điều tra, xét hỏi hoặc bị giam giữ, cũng như dùng những thủ đoạn tàn ác gây đau đớn về thể xác, gây tổn hại về sức khoẻ (như bắt nhịn đói, nhịn khác, ăn cơm nhạt, không cho ngủ…)

- Tội phạm thực hiện do cố ý; người dùng nhục hình biết rõ là trái pháp luật, nhưng vẫn thực hiện do động cơ cá nhân hoặc động cơ không đúng về lợi ích công tác. Động cơ phạm tội không có ý nghĩa đối với việc định tội. Động cơ không đúng, về lợi ích công tác có thể được xem xét khi lượng hình.

- Chủ thể của tội phạm là điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, nhân viên trại giam, trại cải tạo và cũng có thể là công an xã, phường trong khi hoạt động tư pháp (bắt giữ người khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền)...”.

***23. Xin cho hỏi, pháp luật quy định như thế nào về việc******tham gia của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại là người dưới 18 tuổi?***

Theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 02/2018/TT-TANDTC thì người bị hại là người dưới 18 tuổi hoặc cha mẹ, người đại diện hợp pháp, người giám hộ của họ có quyền nhờ những người sau đây bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại là người dưới 18 tuổi:

a) Luật sư;

b) Trợ giúp viên pháp lý;

c) Bào chữa viên nhân dân;

d) Người khác.

Tòa án phải thông báo cho người bị hại là người dưới 18 tuổi hoặc cha mẹ, người đại diện hợp pháp, người giám hộ của họ về quyền nhờ những người quy định nêu trên bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại là người dưới 18 tuổi. Trường hợp họ không lựa chọn được người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại nhưng có văn bản đề nghị thì Tòa án yêu cầu Đoàn luật sư phân công tổ chức hành nghề luật sư cử luật sư hoặc Trung tâm trợ giúp pháp lý cử Trợ giúp viên pháp lý, luật sư hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của Mặt trận cử bào chữa viên nhân dân bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại là người dưới 18 tuổi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại là người dưới 18 tuổi có quyền tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can, có mặt khi cơ quan tiến hành tố tụng lấy lời khai của người mà mình bảo vệ; có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định của Tòa án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của người mà mình bảo vệ; có quyền đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch, người dịch thuật, người định giá tài sản theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

***24. Đề nghị cho biết, quyền khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự của công dân được bảo đảm như thế nào?***

Khiếu nại trong tố tụng hình sự là việc cơ quan, tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chung là người khiếu nại), theo thủ tục quy định tại Chương XXXIII của Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền xem xét lại quyết định, hành vi tố tụng, quyết định giải quyết khiếu nại khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Còn tố cáo trong tố tụng hình sự là việc cá nhân theo thủ tục quy định tại Chương XXXIII Bộ luật Tố tụng hình sự, báo cho cơ quan, người có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động tố tụng hình sự của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng mà họ cho rằng hành vi đó gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Tại Điều 32 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định về việc bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự như sau:

Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền khiếu nại, cá nhân có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động tố tụng hình sự của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc của bất cứ cá nhân nào thuộc các cơ quan đó.

Cơ quan, người có thẩm quyền phải tiếp nhận, xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời, đúng pháp luật; gửi văn bản kết quả giải quyết cho người khiếu nại, tố cáo, cơ quan, tổ chức khiếu nại và có biện pháp khắc phục.

Trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo do Bộ luật tố tụng hình sự quy định.

Nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tố cáo hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống người khác.

***25. Xin cho biết, các quyết định, hành vi tố tụng nào có thể bị khiếu nại?***

Các quyết định, hành vi tố tụng có thể bị khiếu nại được quy định tại Điều 470 BLTTHS năm 2015, gồm:

- Quyết định tố tụng có thể bị khiếu nại là các quyết định của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Thẩm phán, người có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra được ban hành theo quy định của Bộ luật này.

- Hành vi tố tụng có thể bị khiếu nại là hành vi được thực hiện trong hoạt động tố tụng của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Thẩm phán, Thẩm tra viên, người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra được thực hiện theo quy định của BLTTHS.

***26. H là trẻ lang thang không có bố, mẹ và gia đình, sống theo nhóm, tự kiếm ăn và ngủ ngoài đường phố.*** ***Ngày 26/10/2020, H bị bắt quả tang đang thực hiện hành vi trộm cắp điện thoại Vertu signature S của ông M trị giá 55 triệu đồng. Tại thời điểm bị bắt, H không có bất cứ giấy tờ tùy thân nào và chỉ khai mình hơn 16 tuổi. Xin hỏi, trong trường hợp này, tuổi của H được xác định như thế nào?***

Trong trường hợp bạn nêu, tuổi của A sẽ được xác định căn cứ theo quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH. Cụ thể, Điều này quy định việc xác định tuổi của người bị buộc tội, người bị hại dưới 18 tuổi căn cứ vào một trong các giấy tờ, tài liệu sau:

a) Giấy chứng sinh;

b) Giấy khai sinh;

c) Chứng minh nhân dân;

d) Thẻ căn cước công dân;

đ) Sổ hộ khẩu;

e) Hộ chiếu.

Trường hợp các giấy tờ, tài liệu nêu trên có mâu thuẫn, không rõ ràng hoặc không có giấy tờ, tài liệu này thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải phối hợp với gia đình, người đại diện, người thân thích, nhà trường, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoặc tổ chức, cá nhân khác có liên quan nơi người dưới 18 tuổi học tập, lao động, sinh hoạt trong việc hỏi, lấy lời khai, xác minh làm rõ mâu thuẫn hoặc tìm các giấy tờ, tài liệu khác có giá trị chứng minh về tuổi của người đó.

Trường hợp đã áp dụng các biện pháp hợp pháp nhưng chỉ xác định được khoảng thời gian tháng, quý, nửa đầu hoặc nửa cuối của năm hoặc năm sinh thì tùy từng trường hợp cụ thể cần căn cứ khoản 2 Điều 417 Bộ luật Tố tụng hình sự để xác định tuổi của họ.

Trường hợp kết quả giám định tuổi chỉ xác định được khoảng độ tuổi của người bị buộc tội, người bị hại thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng lấy tuổi thấp nhất trong khoảng độ tuổi đã xác định được để xác định tuổi của họ.

Ví dụ: Kết luận giám định A có độ tuổi trong khoảng từ 13 tuổi 6 tháng đến 14 tuổi 2 tháng thì xác định tuổi của A là 13 tuổi 6 tháng.

***27. Đề cho biết, nguyên tắc ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử được quy định như thế nào?***

*Ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh* là việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật để ghi lại âm thanh hoặc hình ảnh có âm thanh trong quá trình hỏi cung bị can; lấy lời khai người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội; lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, đương sự; đối chất; tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

Tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 03/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP ngày 01/2/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn về trình tự, thủ tục thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh; sử dụng, bảo quản, lưu trữ kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử *(*Thông tư liên tịch số 03/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP) quy định, việc ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Thứ nhất, việc ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh phải bảo đảm tính khách quan, minh bạch, nguyên vẹn của dữ liệu ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh. Dữ liệu ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh là một bộ phận của hồ sơ vụ án hình sự được sử dụng, bảo quản, lưu trữ theo quy định của pháp luật về sử dụng, bảo quản và lưu trữ hồ sơ vụ án hình sự.

- Thứ hai, việc ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh; sử dụng, bảo quản, lưu trữ, kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử phải tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và theo đúng trình tự, thủ tục hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này.

- Thứ ba, bảo đảm tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự.

***28. Đề nghị cho biết, pháp luật quy định nghiêm cấm những hành vi nào trong ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh?***

Những hành vi bị nghiêm cấm trong ghi âm hoặc ghi hình có âm thanhtrong quá trình điều tra, truy tố, xét xử được quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 03/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP, gồm:

**-** Tự ý chỉnh sửa, cắt, ghép, giả mạo, hủy trái phép, làm sai lệch, làm hư hỏng, làm thất lạc dữ liệu ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh; sao chép, phát tán, khai thác, sử dụng kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh ngoài các mục đích quy định tại Điều 7 và Điều 8 Thông tư liên tịch này; làm lộ, lọt thông tin vụ án hoặc xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp, uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Phá hủy cơ sở vật chất, cố ý làm hư hỏng hoặc sử dụng không đúng mục đích các phương tiện, thiết bị kỹ thuật sử dụng để ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh.

***29. Ông A là giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH X. Theo Giấy triệu tập của cơ quan điều tra, ngày 20/12 tới, ông A phải có mặt tại cơ quan điều tra để phục vụ việc lấy lời khai. Ông A muốn biết, trình tự, thủ tục thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can hoặc lấy lời khai người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội được quy định như thế nào?***

Vấn đề ông A quan tâm được quy định tại khoản 2, 3 và khoản 4 Điều 5Thông tư liên tịch số 03/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP. Cụ thể, Điều luật này quy định trình tự, thủ tục thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can hoặc lấy lời khai người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội tại cơ sở giam giữ, trụ sở Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra như sau:

- Cán bộ hỏi cung hoặc lấy lời khai người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội phải đăng ký với cán bộ chuyên môn tại cơ sở giam giữ hoặc tại trụ sở Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra để được bố trí phòng chuyên dụng, hướng dẫn về quy trình, thao tác kỹ thuật thực hiện việc ghi âm, ghi hình có âm thanh. Sau đó, cán bộ hỏi cung hoặc lấy lời khai người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội làm thủ tục trích xuất đối với bị can bị tạm giam hoặc triệu tập bị can đang tại ngoại (hoặc người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội) theo quy định của pháp luật (không được đưa bị can tại ngoại vào hỏi cung ở cơ sở giam giữ, trừ trường hợp đối chất với bị can đang bị tạm giam). Khi được bố trí phòng làm việc, cán bộ hỏi cung hoặc lấy lời khai người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội đến phòng làm việc, thông báo cho bị can, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội biết về việc ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh, việc thông báo phải ghi vào biên bản sau đó tiến hành làm việc;

- Việc ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh bắt đầu từ khi cán bộ hỏi cung hoặc lấy lời khai người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội nhấn nút bắt đầu, cán bộ hỏi cung bị can hoặc lấy lời khai người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội phải đọc thời gian bắt đầu và ghi rõ trong biên bản. Trong quá trình hỏi cung hoặc lấy lời khai có thể tạm dừng ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh bằng cách nhấn nút tạm dừng. Trước khi tạm dừng cán bộ hỏi cung, lấy lời khai phải đọc rõ thời gian tạm dừng, lý do tạm dừng, khi tiếp tục làm việc cũng phải đọc rõ thời gian tiếp tục, quá trình này được ghi rõ trong biên bản. Kết thúc buổi làm việc, cán bộ hỏi cung, lấy lời khai thông báo cho bị can, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội biết buổi hỏi cung hoặc lấy lời khai kết thúc và nhấn nút kết thúc, thời gian kết thúc ghi rõ trong biên bản;

- Trường hợp không bố trí được thiết bị ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh thì không được tiến hành hỏi cung, lấy lời khai người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội. Trường hợp đang hỏi cung hoặc lấy lời khai người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội mà thiết bị ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh xảy ra sự cố kỹ thuật thì phải dừng ngay buổi hỏi cung, lấy lời khai. Việc này ghi rõ trong biên bản, có xác nhận của cán bộ chuyên môn.

Trường hợp hỏi cung bị can hoặc lấy lời khai người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội tại địa điểm khác được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh theo yêu cầu của bị can, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội hoặc cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Trình tự, thủ tục ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Trường hợp không bố trí được thiết bị ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh thì cán bộ hỏi cung, lấy lời khai thông báo cho bị can, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội biết, nếu họ đồng ý thì tiến hành làm việc, trường hợp họ không đồng ý thì không được hỏi cung, lấy lời khai. Trường hợp đang hỏi cung, lấy lời khai mà thiết bị ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh xảy ra sự cố kỹ thuật thì cán bộ hỏi cung, lấy lời khai thông báo cho bị can, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội biết, nếu họ đồng ý tiếp tục làm việc thì vẫn tiến hành hỏi cung, lấy lời khai. Trường hợp bị can, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội không đồng ý tiếp tục làm việc thì dừng buổi hỏi cung, lấy lời khai. Việc này phải ghi rõ trong biên bản, có xác nhận của cán bộ chuyên môn.

Việc lập biên bản hỏi cung bị can, lấy lời khai người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

***30. Đề nghị cho biết, pháp luật quy định về bảo hộ tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân như thế nào?***

**Việc bảo** hộ tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân được quy định tại Điều 11 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, theo đó:

Mọi người có quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản.

Mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân đều bị xử lý theo pháp luật.

Công dân Việt Nam không thể bị trục xuất, giao nộp cho nhà nước khác.

Ngoài ra, trong Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã dành 01 chương, Chương XIV quy định về các tội danh xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm và danh dự của con người như: tội giết người (Điều 123), tội vô ý làm chết người (Điều 128), tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác (Điều 134), tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 135), tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội (Điều 136),…

***31. Xin cho biết, thiệt hại về tinh thần được xác định như thế nào?***

Về thiệt hại về tinh thần, Điều 27 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định như sau:

“1. Thiệt hại về tinh thần trong trường hợp bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn được xác định là 0,5 ngày lương theo mức lương cơ sở do Nhà nước quy định (sau đây gọi là ngày lương cơ sở) cho 01 ngày bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

2. Thiệt hại về tinh thần trong trường hợp bị áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính, bị đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được xác định là 02 ngày lương cơ sở cho 01 ngày bị áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính, bị đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Thiệt hại về tinh thần trong trường hợp người bị thiệt hại bị khởi tố, truy tố, xét xử, thi hành án, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn trong hoạt động tố tụng hình sự được xác định như sau:

a) Thiệt hại về tinh thần trong trường hợp người bị thiệt hại bị giữ trong trường hợp khẩn cấp được xác định là 02 ngày lương cơ sở;

b) Thiệt hại về tinh thần trong trường hợp người bị thiệt hại bị bắt, tạm giữ, tạm giam, chấp hành hình phạt tù được xác định là 05 ngày lương cơ sở cho 01 ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam, chấp hành hình phạt tù;

c) Thiệt hại về tinh thần trong trường hợp người bị thiệt hại không bị bắt, tạm giữ, tạm giam hoặc chấp hành hình phạt không phải là hình phạt tù được xác định là 02 ngày lương cơ sở cho 01 ngày không bị bắt, tạm giữ, tạm giam, chấp hành hình phạt, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;

d) Thiệt hại về tinh thần trong trường hợp người bị thiệt hại chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, phạt tù cho hưởng án treo được xác định là 03 ngày lương cơ sở cho 01 ngày chấp hành hình phạt;

đ) Thiệt hại về tinh thần trong trường hợp người bị thiệt hại đã chấp hành xong hình phạt theo bản án, quyết định của Tòa án mà sau đó mới có bản án, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định người đó thuộc trường hợp được bồi thường trong hoạt động tố tụng hình sự được xác định là 02 ngày lương cơ sở cho 01 ngày chưa có bản án, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định người đó thuộc trường hợp được bồi thường trong hoạt động tố tụng hình sự.

4. Thiệt hại về tinh thần trong trường hợp người bị thiệt hại chết được xác định là 360 tháng lương cơ sở. Trường hợp người bị thiệt hại chết thì không áp dụng bồi thường thiệt hại về tinh thần quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này.

5. Thiệt hại về tinh thần trong trường hợp sức khoẻ bị xâm phạm được xác định căn cứ vào mức độ sức khoẻ bị tổn hại nhưng không quá 50 tháng lương cơ sở.

6. Thiệt hại về tinh thần trong trường hợp công chức bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc trái pháp luật được xác định là 01 ngày lương cơ sở cho 01 ngày bị buộc thôi việc trái pháp luật.

7. Ngày lương cơ sở được xác định là 01 tháng lương cơ sở chia cho 22 ngày.”

***32. Xin cho biết, pháp luật quy định như thế nào về lấy lời khai người làm chứng là người dưới 18 tuổi?***

Vấn đề bạn hỏi được quy định tại Điều 14Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH. Điều luật này quy định cụ thể như sau:

- Thứ nhất, việc lấy lời khai người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị hại, người làm chứng dưới 18 tuổi có thể thực hiện tại nơi học tập, lao động và sinh hoạt của người đó hoặc nơi tiến hành điều tra. Việc hỏi cung bị can dưới 18 tuổi có thể thực hiện tại nơi cư trú của người đó hoặc nơi tiến hành điều tra. Trường hợp lấy lời khai, hỏi cung tại nơi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử thì phải sắp xếp, bố trí phòng lấy lời khai, hỏi cung bảo đảm thân thiện, phù hợp với tâm lý người dưới 18 tuổi.

Trường hợp lấy lời khai người bị hại dưới 18 tuổi bị xâm hại tình dục, bị bạo hành hoặc bị mua bán thì phải ưu tiên địa điểm lấy lời khai tại nơi cư trú của người đó; nếu không có nơi cư trú thì phải tiến hành tại cơ sở chăm sóc trẻ em theo quy định của pháp luật.

- Thứ hai, việc lấy lời khai, hỏi cung phải theo đúng trình tự, thủ tục, thời gian, bảo đảm sự tham gia của người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi theo quy định tại Điều 183, Điều 421, các điều luật khác có liên quan của Bộ luật Tố tụng hình sự và Thông tư liên tịch số 03/2018/TTLT- BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP ngày 01/01/2018 hướng dẫn về trình tự, thủ tục thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh; sử dụng, bảo quản, lưu trữ kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

Trường hợp vụ án có người bị hại dưới 18 tuổi bị xâm hại tình dục, bị bạo hành hoặc bị mua bán thì việc lấy lời khai của họ phải được tiến hành ngay sau khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm.

- Thứ ba, khi tiến hành lấy lời khai, hỏi cung, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải có thái độ thân thiện, nhẹ nhàng, sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu, phù hợp với độ tuổi, giới tính, khả năng nhận thức của họ; xem xét áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm giảm đến mức thấp nhất thời gian, số lượng lần lấy lời khai, hỏi cung và phải tạm dừng ngay việc lấy lời khai, hỏi cung khi người dưới 18 tuổi có biểu hiện mệt mỏi, ảnh hưởng đến khả năng khai báo chính xác, đầy đủ.

- Thứ tư, người đại diện, người bào chữa của người dưới 18 tuổi được tham gia hỏi người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can là người dưới 18 tuổi. Điều tra viên, Kiểm sát viên yêu cầu không được hỏi và phải dừng ngay việc hỏi trong trường hợp câu hỏi của người đại diện, người bào chữa có tính chất gợi ý, định hướng hoặc có tính chất khẳng định, phủ định liên quan đến vụ án. Trường hợp phát hiện người đại diện, người bào chữa có dấu hiệu thông cung, mớm cung phải lập tức yêu cầu họ dừng ngay việc hỏi và lập biên bản, báo cáo người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

***33. Ngày 16/10/2018, Nguyễn Trọng Th bị Công an huyện C bắt khẩn cấp để điều tra về hành vi trộm cắp tài sản. Trong quá trình lấy lời khai, cán bộ công an T và Ph đã có hành vi dùng tay, chân và gậy đánh Th khiến nạn nhân bị thương và tử vong khi được đưa đến bệnh viện K.***

Kết quả giám định của Viện Pháp y xác định nguyên nhân tử vong của Th: chấn thương do tác động với lực tác động mạnh lên nhiều vùng cơ thể, trong đó có vùng nguy hiểm như ức, thượng vị.

Xin hỏi, thiệt hại về vật chất do người bị thiệt hại chết được pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước xác định như thế nào?

Theo quy định tại Điều 25 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì thiệt hại về vật chất do người bị thiệt hại chết được xác định gồm:

1. Chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cho người bị thiệt hại trước khi chết.

2. Chi phí bồi dưỡng sức khỏe cho người bị thiệt hại trước khi chết được xác định là 01 ngày lương tối thiểu vùng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cho 01 ngày khám bệnh, chữa bệnh theo số ngày trong hồ sơ bệnh án.

3. Chi phí cho người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian khám bệnh, chữa bệnh trước khi chết được xác định là 01 ngày lương tối thiểu vùng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cho 01 ngày chăm sóc người bị thiệt hại.

4. Chi phí cho việc mai táng người bị thiệt hại chết được xác định theo mức trợ cấp mai táng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

5. Tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng được xác định là 01 tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người được cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc đã được xác định theo bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

***34. Xin cho biết, nội dung không mang tính trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ nhục con người được thể hiện như thế nào qua việc quy định chung về hình phạt trong Bộ luật hình sự năm 2015?***

Với vi phạm pháp luật, tùy theo những mức độ nguy hiểm, tính chất tiêu cực khác nhau mà có những phản ứng từ phía Nhà nước là khác nhau và làm hình thành những loại trách nhiệm pháp lý khác nhau. Trong 04 loại trách nhiệm pháp lý (trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm kỷ luật nhà nước và trách nhiệm dân sự), thì trách nhiệm hình sự là loại trách nhiệm pháp lý nặng nhất, thể hiện thái độ nghiêm khắc nhất của Nhà nước đối với người vi phạm pháp luật và được thể hiện cụ thể thông qua việc áp dụng hình phạt được quy định trong Bộ luật hình sự.

Hình phạt là thuật ngữ pháp lý được Bộ luật hình sự năm 2015 định nghĩa là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong Bộ luật hình sự, do Tòa án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người, pháp nhân thương mại đó.

Và nội dung không mang tính trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ nhục con người nói riêng, tính nhân đạo của pháp luật hình sự Việt Nam nói chung, được thể hiện rõ nét thông qua việc quy định về mục đích của hình phạt tại Điều 31 Bộ luật hình sự năm 2015 như sau: “Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người, pháp nhân thương mại phạm tội mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người, pháp nhân thương mại khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.”

***35. Xin cho biết, pháp luật quy định như thế nào về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp áp giải trong trường hợp có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi?***

Tại Điều 12 Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH quy định, trước khi quyết định áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam người dưới 18 tuổi, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải xem xét, cân nhắc áp dụng biện pháp giám sát, cấm đi khỏi nơi cư trú hoặc tạm hoãn xuất cảnh quy định tại Điều 123, Điều 124 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp sau khi quyết định tạm giam bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi mà có đủ căn cứ áp dụng biện pháp bảo lĩnh hoặc đặt tiền để bảo đảm thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần thay thế ngay biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh hoặc đặt tiền để bảo đảm.

Chỉ áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam theo quy định tại khoản 1 Điều 419 Bộ luật Tố tụng hình sự trong trường hợp người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi đã được áp dụng biện pháp giám sát, biện pháp ngăn chặn khác quy định tại khoản 1 Điều này nhưng bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã, có dấu hiệu bỏ trốn, tiếp tục phạm tội, có dấu hiệu tiếp tục phạm tội hoặc có các hành vi khác quy định tại khoản 2 Điều 418 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thường xuyên theo dõi, rà soát, kiểm tra việc tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi bị tạm giữ, tạm giam; nếu phát hiện không còn căn cứ hoặc không cần thiết tạm giữ, tạm giam thì phải kịp thời ra quyết định hủy bỏ, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác.

Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể áp dụng biện pháp áp giải đối với người dưới 18 tuổi trong các trường hợp sau đây:

a) Bị can, bị cáo đã có giấy triệu tập đến lần thứ hai nhưng cố ý vắng mặt mà không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan;

b) Người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị can, bị cáo đang bị tạm giam từ nơi bị giam, giữ đến địa điểm tiến hành điều tra, truy tố, xét xử vụ án.

***36. Nguyễn Hoàng A là bạn của Lê Công P (Công an viên xã L, huyện x, tỉnh C). Tối ngày 20/11/2018 vừa qua, để giúp P nhanh chóng kết thúc lấy lời khai của Hoàng Văn B về hành vi trộm cắp tài sản, A đã dùng tay, gậy cao su đánh B. P chứng kiến và biết việc làm của A nhưng không nói năng gì. Hỏi, trong trường hợp này, hành vi của A có được coi là hành vi tra tấn không?***

Từ định nghĩa “tra tấn” được nêu tạiKhoản 1 Điều 1 của Công ước liên hợp quốc về chống tra tấn, có thể hiểu “tra tấn” gồm những yếu tố cấu thành như sau:

a) Về mặt chủ quan: hành vi tra tấn phải được thực hiện một cách cố ý, được biểu hiện dưới nhiều hình thức như sử dụng vũ lực tác động trực tiếp lên cơ thể con người: đánh đập, đâm chém, dùng điện, để đói, khát, ăn nhạt, hỏi dồn dập, dai dẳng dưới sức nóng của ngọn đèn cao áp giữa những ngày nóng, oi bức, bắt cởi quần áo trong trời giá rét hoặc bằng lời nói thô bạo tác động vào tâm lý, tinh thần, tình cảm làm cho một người đau đớn, khổ sở, nhục nhã về tinh thần nhằm mục đích làm cho người đó hoặc người thứ ba sợ hãi, tinh thần suy sụp để lấy thông tin, tài liệu hoặc để bắt họ phải khai ra những gì không có thực, sai sự thật theo ý đồ của người thực hiện hành vi tra tấn hoặc để trừng phạt người đó vì những việc mà họ đã làm.

b) Về mục đích: để lấy thông tin hoặc để trừng phạt vì một việc mà người đó đã làm vì lý do công vụ. Ví dụ như trực tiếp tác động vào tinh thần của người bị tra tấn để họ phải khai báo, thú nhận, nhưng cũng có thể để tác động vào tâm lý của người thứ ba (như cha, mẹ, vợ, con, người thân khác hoặc đồng chí, đồng đội) để họ thấy sợ hãi, lo lắng, thương xót cho người bị tra tấn mà khai báo, thú nhận hoặc đưa ra những thông tin sai sự thật theo ý đồ của người thực hiện hành vi tra tấn.

c) Về hậu quả: hậu quả của hành vi tra tấn là gây đau đớn và khổ sở nghiêm trọng cho cả tinh thần và thể xác, tâm lý của người bị tra tấn.

d) Về địa điểm: hành vi tra tấn có thể được thực hiện tại các địa điểm như trong trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước, doanh trại quân đội, trại tạm giam, nhà tạm giữ, trại giam hoặc bất kỳ nơi nào có sự làm việc của nhân viên công quyền hoặc người đang thực hiện công vụ.

e) Về chủ thể: là một nhân viên công quyền hoặc một người khác nhưng dưới sự đồng ý hoặc cho phép của một nhân viên công quyền.

Ở đây có hai trường hợp như sau:

- Hành vi tra tấn do một nhân viên công quyền thực hiện;

- Hành vi tra tấn được một người khác thực hiện, người này có thể là không phải là một nhân viên công quyền nhưng đang thực hiện nhiệm vụ công, hay nói cách khác là có quyền lực như nhân viên công quyền hoặc thực hiện dưới sự cho phép/đồng ý/chứng kiến của nhân viên công quyền.

Theo đó, mặc dù A không phải là nhân viên công quyền nhưng hành vi của A được thực hiện dưới sự đồng ý/ chứng kiến của công an P - nhân viên công quyền đồng thời thỏa mãn các dấu hiệu về mặt chủ quan, mục đích... của hành vi tra tấn nên hành vi do A thực hiện được coi là hành vi tra tấn.

***37. Cho rằng hành vi của điều tra viên X vi phạm pháp luật tố tụng hình sự, có dấu hiệu bức cung trong quá trình điều tra, xâm phạm tới quyền và lợi ích hợp pháp của tôi, nên tôi muốn khiếu nại hành vi của điều tra viên X. Xin hỏi, pháp luật quy định như thế nào về thẩm quyền, thời hạn giải quyết khiếu nại được quy định như thế nào?***

Theo quy định tại Điều 32 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì, cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền khiếu nại, cá nhân có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động tố tụng hình sự của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc của bất cứ cá nhân nào thuộc các cơ quan đó.

Cơ quan, người có thẩm quyền phải tiếp nhận, xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời, đúng pháp luật; gửi văn bản kết quả giải quyết cho người khiếu nại, tố cáo, cơ quan, tổ chức khiếu nại và có biện pháp khắc phục.

Do đó, nếu cho rằng hành vi của điều tra viên X vi phạm pháp luật tố tụng hình sự, có dấu hiệu bức cung trong quá trình điều tra, xâm phạm tới quyền và lợi ích hợp pháp của anh/chị thì anh chị có thể tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Theo quy định tại Điều 481 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thuộc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng nào thì người đứng đầu cơ quan đó có thẩm quyền giải quyết.

Trường hợp người bị tố cáo là Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát thì Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có thẩm quyền giải quyết.

Trường hợp người bị tố cáo là Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện, Chánh án Tòa án quân sự khu vực thì Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu có thẩm quyền giải quyết.

Trường hợp người bị tố cáo là Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu thì Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án quân sự trung ương có thẩm quyền giải quyết.

Trường hợp người bị tố cáo là Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án quân sự trung ương thì Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có thẩm quyền giải quyết.

Tố cáo hành vi tố tụng của người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra do Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm thì được giải quyết theo quy định tại Điều 145 của Bộ luật này.

Thời hạn giải quyết tố cáo không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết tố cáo có thể kéo dài nhưng không quá 60 ngày.

Tố cáo liên quan đến hành vi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam trong giai đoạn điều tra, truy tố phải được Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền xem xét, giải quyết trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được tố cáo. Trường hợp phải xác minh thêm thì thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được tố cáo.

***38. Xin cho biết, khung hình phạt áp dụng đối với hành vi sử dụng thủ đoạn trái pháp luật ép buộc người bị lấy lời khai, hỏi cung phải khai ra thông tin liên quan đến vụ án, vụ việc trong hoạt động tố tụng được quy định cụ thể như thế nào?***

Theo Điều 374 (Tội bức cung) BLHS năm 2015 quy định các khung hình phạt đối với người trong hoạt động tố tụng mà sử dụng thủ đoạn trái pháp luật ép buộc người bị lấy lời khai, hỏi cung phải khai ra thông tin liên quan đến vụ án, vụ việc thì áp dụng các khung hình phạt cụ thể như sau:

1. Người nào trong hoạt động tố tụng mà sử dụng thủ đoạn trái pháp luật ép buộc người bị lấy lời khai, hỏi cung phải khai ra thông tin liên quan đến vụ án, vụ việc, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Phạm tội 02 lần trở lên;

b) Đối với 02 người trở lên;

c) Đối với ngườidưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng;

d) Dùng nhục hình hoặc đối xử tàn bạo, hạ nhục nhân phẩm người bị lấy lời khai, hỏi cung;

đ) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;

e) Làm sai lệch kết quả khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử;

g) Ép buộc người bị lấy lời khai, người bị hỏi cung phải khai sai sự thật.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:

a) Làm người bị bức cung tự sát;

b) Dẫn đến bỏ lọt tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Làm người bị bức cung chết;

b) Dẫn đến làm oan người vô tội;

c) Dẫn đến bỏ lọt tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề từ 01 năm đến 05 năm.

***39. Trong thời gian thi hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng X, em A thường xuyên bị giáo viên T dùng nhục hình mỗi khi có tâm lý bực bội, gây ra tổn hại rất lớn tới tâm lý và thể xác của em A. Gia đình A biết được đã tố cáo lên cơ quan có thẩm quyền. Pháp luật quy định như thế nào về việc xử lý đối với hành vi vi phạm này?***

Theo Bộ luật hình sự 2015, hành vi của ông T là hành vi vi phạm pháp luật quy định tại Điều 373 Tội dùng nhục hình, cụ thể:

1. Người nào trong hoạt động tố tụng, thi hành án hoặc thi hành các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc mà dùng nhục hình hoặc đối xử tàn bạo, hạ nhục nhân phẩm của người khác dưới bất kỳ hình thức nào,thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Phạm tội 02 lần trở lên;

b) Đối với 02 người trở lên;

c) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;

d) Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng;

đ) Gây thương tích hoặc gây thiệt hại về sức khoẻ cho người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 60%.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:

a) Gây thương tích hoặc gây thiệt hại về sức khoẻ cho người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

b) Làm người bị nhục hình tự sát.

4. Phạm tội làm người bị nhục hình chết, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

***40. Xin cho biết, Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quy định như thế nào việc hỏi cung bị can? Quy định này so với quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự 2003 có điểm gì mới hay không?***

Điều 183 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 quy định về hỏi cung bị can như sau:

1. Việc hỏi cung bị can do Điều tra viên tiến hành ngay sau khi có quyết định khởi tố bị can. Có thể hỏi cung bị can tại nơi tiến hành điều tra hoặc tại nơi ở của người đó. Trước khi hỏi cung bị can, Điều tra viên phải thông báo cho Kiểm sát viên và người bào chữa thời gian, địa điểm hỏi cung. Khi xét thấy cần thiết, Kiểm sát viên tham gia việc hỏi cung bị can.

2. Trước khi tiến hành hỏi cung lần đầu, Điều tra viên phải giải thích cho bị can biết rõ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 60 của Bộ luật này. Việc này phải ghi vào biên bản.

Trường hợp vụ án có nhiều bị can thì hỏi riêng từng người và không để họ tiếp xúc với nhau. Có thể cho bị can viết bản tự khai của mình.

3. Không hỏi cung bị can vào ban đêm, trừ trường hợp không thể trì hoãn được nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản.

4. Kiểm sát viên hỏi cung bị can trong trường hợp bị can kêu oan, khiếu nại hoạt động điều tra hoặc có căn cứ xác định việc điều tra vi phạm pháp luật hoặc trong trường hợp khác khi xét thấy cần thiết. Việc Kiểm sát viên hỏi cung bị can được tiến hành theo quy định tại Điều này.

5. Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên bức cung, dùng nhục hình đối với bị can thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự.

6. Việc hỏi cung bị can tại cơ sở giam giữ hoặc tại trụ sở Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh.

Việc hỏi cung bị can tại địa điểm khác được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh theo yêu cầu của bị can hoặc của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

So với quy định về hỏi cung bị can trong Bộ luật tố tụng hình sự 2003 (Điều 131), đã bổ sung thêm điểm về *“…Việc hỏi cung bị can tại cơ sở giam giữ hoặc tại trụ sở Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh.*

*Việc hỏi cung bị can tại địa điểm khác được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh theo yêu cầu của bị can hoặc của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng”,* quy định này đã góp phần bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của bị can trong việc hỏi cung.

***41. Xin hỏi, pháp luật quy định như thế nào về quyền và nghĩa vụ của người tố cáo gì hành vi vi phạm pháp luật của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng?***

Cá nhân có quyền tố cáo với cơ quan, người có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật của bất kỳ người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Theo quy định tại Điều 479 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, người tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có quyền và nghĩa vụ sau:

*Về các quyền, gồm:*

- Gửi đơn hoặc trực tiếp tố cáo với cơ quan, người có thẩm quyền;

- Yêu cầu giữ bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích của mình;

- Được nhận quyết định giải quyết tố cáo;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bảo vệ khi bị đe doạ, trù dập, trả thù.

*Về các nghĩa vụ, gồm:*

- Trình bày trung thực về nội dung tố cáo, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc tố cáo;

- Nêu rõ họ tên, địa chỉ của mình;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu cố ý tố cáo sai sự thật.

***42. Tôi muốn tố giác hành vi dùng nhục hình của công an viên Q đã thực hiện trong quá trình lấy lời khai của cháu tôi. Tuy nhiên, tôi rất sợ bị người nhà anh Q trả thù nên muốn đề nghị được áp dụng biện pháp bảo vệ thì có được không? Xin hỏi, pháp luật quy định như thế nào về vấn đề này?***

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 484 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì một trong những người được bảo vệ là người tố giác tội phạm.

Cũng theo quy định tại Điều 487 của Bộ luật này thì để được bảo vệ, người được bảo vệ có quyền làm văn bản đề nghị, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ. Văn bản đề nghị, yêu cầu có các nội dung chính:

a) Ngày, tháng, năm;

b) Tên, địa chỉ của người đề nghị;

c) Lý do và nội dung đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ;

d) Chữ ký hoặc điểm chỉ của người đề nghị. Trường hợp đề nghị của cơ quan, tổ chức thì người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức đó ký tên và đóng dấu.

Trường hợp khẩn cấp, người được bảo vệ trực tiếp đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ hoặc thông qua phương tiện thông tin liên lạc nhưng sau đó phải thể hiện bằng văn bản đề nghị. Cơ quan, người có thẩm quyền nhận được đề nghị, yêu cầu phải lập biên bản và đưa vào hồ sơ bảo vệ.

Khi tiến hành tố tụng đối với vụ án, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án nhận được đề nghị, yêu cầu áp dụng biện pháp bảo vệ có trách nhiệm xem xét, đề nghị Cơ quan điều tra cùng cấp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ. Trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp cao nhận được đề nghị, yêu cầu bảo vệ thì đề nghị Cơ quan điều tra Bộ Công an xem xét, quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ.

Cơ quan điều tra phải kiểm tra căn cứ, tính xác thực của đề nghị, yêu cầu bảo vệ. Trường hợp xét thấy không cần thiết áp dụng biện pháp bảo vệ thì phải giải thích rõ lý do cho người đã yêu cầu, đề nghị biết.

Theo đó, ông/bà có thể căn cứ vào quy định pháp luật nêu trên để đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ cần thiết đối với mình.

***43. Xin cho hỏi, pháp luật quy định như thế nào về bảo đảm việc tham gia tố tụng của người đại diện, nhà trường, Đoàn thanh niên, cơ quan, tổ chức khác?***

Điều 9 Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH quy định việc bảo đảm việc tham gia tố tụng của người đại diện, nhà trường, Đoàn thanh niên, cơ quan, tổ chức khác như sau:

- Sau khi nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đang thụ lý giải quyết vụ án, vụ việc có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi về việc có mặt và tham gia tố tụng để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người dưới 18 tuổi thì người đại diện, thầy giáo, cô giáo, đại diện của nhà trường, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cơ quan, tổ chức khác nơi người dưới 18 tuổi học tập, lao động và sinh hoạt của họ phải có văn bản trả lời cho cơ quan có thẩm quyền tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng về họ tên, thông tin, địa chỉ liên lạc của người được cử để tham gia tố tụng; trường hợp cần thiết có thể báo tin trực tiếp, qua điện thoại hoặc phương tiện điện tử khác nhưng ngay sau đó phải gửi bằng văn bản.

- Người đại diện, thầy giáo, cô giáo, đại diện của nhà trường, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cơ quan, tổ chức khác phải có mặt đúng thời gian, địa điểm nêu trong thông báo. Trường hợp vắng mặt có lý do chính đáng hoặc do trở ngại khách quan thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể hoãn việc thực hiện hoạt động tố tụng hoặc yêu cầu đại diện của nhà trường, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cơ quan, tổ chức khác cử ngay người khác tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người dưới 18 tuổi.

***44. Đề nghị cho biết, pháp luật quy định như thế nào về việc cho xem, cho nghe nội dung ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can hoặc lấy lời khai người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội trong giai đoạn xét xử?***

Tại khoản 2 Điều 8Thông tư liên tịch số 03/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP quy định, Hội đồng xét xử quyết định việc cho nghe, xem nội dung được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh tại phiên tòa trong các trường hợp sau:

- Thứ nhất, kiểm tra chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án mà Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải kiểm tra công khai tại phiên tòa;

- Thứ hai, bị cáo tố cáo bị bức cung, nhục hình trong quá trình hỏi cung bị can, lấy lời khai người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội hoặc bị cáo, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội thay đổi lời khai;

- Thứ ba, khi có đề nghị của Kiểm sát viên, Điều tra viên và những người tiến hành tố tụng khác.

***45. Xin cho biết,******pháp luật quy định trường hợp nào******giữa người bị hại là người dưới 18 tuổi với bị cáo có buộc phải bị cách ly trong quá trình xét xử vụ án?***

Tại khoản 1 Điều 10Thông tư số 02/2018/TT-TANDTC quy định, trong quá trình xét xử vụ án, Hội đồng xét xử phải cách ly người bị hại là người dưới 18 tuổi với bị cáo trong 03 trường hợp sau đây:

- Trường hợp 1, những vụ án có người bị hại là người dưới 18 tuổi bị xâm hại tình dục, bị bạo hành hoặc bị mua bán;

- Trường hợp 2, những vụ án có người bị hại là người dưới 10 tuổi;

- Trường hợp 3, những vụ án khác có yêu cầu của người dưới 18 tuổi hoặc người đại diện của họ và Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly để bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi.

**II. Tìm hiểu một số quy định của pháp luật về thi hành án hình sự, tạm giữ, tạm giam liên quan đến phòng, chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người**

***46. Quá trình thi hành án hình sự cần tuân thủ nguyên tắc gì?***

Điều 4 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định các nguyên tắc thi hành án hình sự như sau:

- Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Bản án, quyết định của Tòa áncó hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải nghiêm chỉnh chấp hành.

- Bảo đảm nhân đạo xã hội chủ nghĩa; tôn trọng danh dự,nhân phẩm, quyền, lợi ích hợp pháp của người chấp hành án, người chấp hành biện pháp tư pháp, quyền, lợi ích hợp pháp của pháp nhân thương mại chấp hành án.

- Kết hợp trừng trị và giáo dục cải tạo trong việc thi hành án; áp dụng biện pháp giáo dục cải tạo phải trên cơ sở tính chất, mức độ phạm tội, độ tuổi, sức khỏe, giới tính, trình độ học vấn và các đặc điểm nhân thân khác của người chấp hành án.

- Thi hành án đối với người dưới 18 tuổi chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành người có ích cho xã hội.

- Khuyến khích người chấp hành án ăn năn hối cải, tích cực học tập, lao động cải tạo, tự nguyện bồi thường thiệt hại.

- Bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo hành vi, quyết định trái pháp luật của cơ quan, người có thẩm quyền trong thi hành án hình sự.

- Bảo đảm sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cá nhân và gia đình trong hoạt động thi hành án hình sự, tái hòa nhập cộng đồng theo quy định của pháp luật.

***47. Các hành vi nào bị nghiêm cấm trong thi hành án hình sự?***

Điều 10 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong thi hành án hình sự như sau:

- Phá hủy cơ sở quản lý, giam giữ; hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của cơ sở quản lý, giam giữ; tổ chức trốn hoặc trốn khỏi nơi quản lý, giam giữ; tổ chức trốn hoặc trốn khi đang bị áp giải, dẫn giải; đánh tháo phạm nhân, người chấp hành biện pháp tư pháp, người bị áp giải, dẫn giải.

- Không chấp hành quyết định thi hành án hình sự; cản trở hoặc chống lại việc thực hiện nội quy, quy chế về thi hành án hình sự hoặc quyết định, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền trong thi hành án hình sự.

- Tổ chức, kích động, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ, giúp sức, cưỡng bức người khác vi phạm pháp luật về thi hành án hình sự; trả thù, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người có trách nhiệm thi hành án hình sự.

- Không ra quyết định thi hành án hình sự; không thi hành quyết định trả tự do theo quy định của pháp luậtvà quyết định khác của cơ quan, người có thẩm quyền trong thi hành án hình sự.

- Đưa hối lộ, nhận hối lộ, môi giới hối lộ, nhũng nhiễu trong thi hành án hình sự.

- Tha trái pháp luật người đang bị giam, người bị áp giải thi hành án; thiếu trách nhiệm trong việc quản lý, canh gác, áp giải thi hành án để người chấp hành ánphạt tù, ántử hình hoặc án phạt trục xuất trốn.

- Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn để đề nghị miễn, giảm, hoãn, tạm đình chỉ, tha tù trước thời hạn có điều kiện, rút ngắn thời gian thử thách cho người không đủ điều kiện; không đề nghị cho người đủ điều kiện được miễn, giảm, hoãn, tạm đình chỉ, tha tù trước thời hạn có điều kiện, rút ngắn thời gian thử thách; đề nghị hoặc không đề nghị chấm dứt trước thời hạn việc chấp hành biện pháp tư pháp, hoãn, đình chỉ thi hành biện pháp tư pháp; cản trở người, pháp nhân thương mại chấp hành án thực hiện các quyền theo quy định của Luật này.

- Tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục ngườichấp hành án, biện pháp tư pháp.

- Kỳ thị, phân biệt đối xử hoặcxâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người, pháp nhân thương mại chấp hành án.

- Cấp hoặc từ chối cấp trái quy định của pháp luật quyết định, giấy chứng nhận, xác nhận hoặc giấy tờ khác về thi hành án hình sự.

- Làm sai lệch hồ sơ, sổ sách về thi hành án hình sự.

***48. Phạm nhân có quyền gì?***

Theo Khoản 1 Điều 27 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 thì phạm nhân có các quyền sau đây:

- Được bảo hộ tính mạng, sức khỏe, tài sản, tôn trọng danh dự, nhân phẩm; được phổ biến quyền và nghĩa vụ của mình, nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân;

- Được bảo đảm chế độ ăn, ở, mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân, chăm sóc y tế theo quy định; gửi, nhận thư, nhận quà, tiền; đọc sách, báo, nghe đài, xem truyền hình phù hợp với điều kiện của nơi chấp hành án;

- Được tham gia hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ;

- Được lao động, học tập, học nghề;

- Được gặp, liên lạc với thân nhân, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân; đối với phạm nhân là người nước ngoài được thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự;

- Được tự mình hoặc thông qua người đại diện để thực hiện giao dịch dân sự theo quy định của pháp luật;

- Được bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo; được đề nghị xét đặc xá, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

- Được tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, hưởng chế độ, chính sách về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật;

- Được sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật;

- Được khen thưởng khi có thành tích trong quá trình chấp hành án.

Phạm nhân có quyền khác theo quy định của Luật này.

**49. Phạm nhân có nghĩa vụ gì?**

Theo Khoản 1 Điều 27 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 thì phạm nhân có các nghĩa vụ sau đây:

- Chấp hành bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, quyết định của cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình sự trong quá trình thi hành án hình sự và các quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Chấp hành nội quy của cơ sở giam giữ phạm nhân, các tiêu chuẩn thi đua chấp hành án;

- Chấp hành yêu cầu, mệnh lệnh, hướng dẫn của cán bộ cơ sở giam giữ phạm nhân;

- Lao động, học tập, học nghề theo quy định;

- Phạm nhân làm hư hỏng, làm mất hoặc hủy hoại tài sản của người khácthì phải bồi thường.

Phạm nhân có nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này.

***50. Việc học tập, học nghề của phạm nhân được thực hiện ra sao?***

Điều 31 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định chế độ học tập, học nghề của phạm nhân, cụ thể là:

- Phạm nhân được phổ biến pháp luật, giáo dục công dân và được học văn hóa, học nghề. Phạm nhân chưa biết chữ phải học văn hóa để xóa mù chữ. Phạm nhân là người nước ngoài được khuyến khích học tiếng Việt. Phạm nhân được bố trí 01 ngày trong tuần để học tập, học nghề, trừ ngày chủ nhật, lễ, tết theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ yêu cầu quản lý, giáo dục cải tạo phạm nhân và thời hạn chấp hành án, trại giam, trại tạm giam tổ chức dạy học cho phạm nhân; căn cứ điều kiện thực tế, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện tổ chức dạy học cho phạm nhân.

- Chương trình, nội dung học tập, học nghề của phạm nhân do Chính phủ quy định.

***51. Đề nghị cho biết phạm nhân được nghỉ lao động trong các trường hợp nào?***

Tại khoản 4 Điều 32 Luật thi hành án hình sự 2019 quy định:

“4. Phạm nhân được nghỉ lao động trong các trường hợp sau”

a) Phạm nhân bị bệnh, không đủ sức khỏe lao động và được y tế trại giam xác nhận;

b) Phạm nhân đang điều trị tại cơ sở y tế;

c) Phạm nhân có con dưới 36 tháng tuổi đang ở cùng mẹ trong trại giam mà bị bệnh, được y tế trại giam xác nhận;

d) Phạm nhân nữ có thai được nghỉ lao động trước và sau khi sinh con theo quy định của pháp luật về lao động”.

***52. Các trại giam tổ chức lao động cho phạm nhân như thế nào?***

Điều 33 Luật Thi hành ánh hình sự quy định về tổ chức lao động cho phạm nhân như sau:

- Căn cứ vào độ tuổi, sức khỏe, giới tính, mức án, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của phạm nhân; điều kiện đất đai, tài nguyên, ngành, nghề, trang thiết bị, phương tiện, vật tư, nguồn vốn mà trại giam đang quản lý và điều kiện cụ thể của trại giam; khả năng hợp tác với tổ chức, cá nhân để tổ chức lao động cho phạm nhân,Giám thị trại giam lập kế hoạch tổ chức lao động cho phạm nhân trong năm, gửi cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng để phê duyệt.

- Kế hoạch tổ chức lao động cho phạm nhân hằng năm phải có các nội dung cơ bản sau đây:

+ Tổng số phạm nhân, trong đó có số lượng phạm nhân đủ điều kiện lao động theo quy định của pháp luật;

+ Dự kiến chi phí cho lao động; trích khấu hao tài sản cố định;

+ Dự kiến kết quả lao động của phạm nhân; chênh lệch thu, chi trong tổ chức lao động của phạm nhân;

+ Dự kiến, đề xuất kế hoạch sử dụng kết quả lao động của phạm nhân.

- Trại giam tổ chức lao động cho phạm nhân theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền quy định nêu trên.

***53. Lê Văn T và Trần Văn K cùng là phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù trong trại giam X. Do mâu thuẫn cá nhân trong khi lao động, phạm nhân T và phạm nhân K đã có hành vi gây gổ đánh nhau, vi phạm nội quy của trại giam. Đối với trường hợp trên Lê Văn T và Trần Văn K có thể bị xử lý kỷ luật bằng hình thức nào?***

Tại khoản 1, 2 Điều 43 Luật thi hành án hình sự 2019 quy định về xử lý phạm nhân vi phạm như sau:

“1. Phạm nhân vi phạm nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân hoặc có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm màbị kỷ luật bằng một trong các hình thức sau đây:

a) Khiển trách;

b) Cảnh cáo;

c) Giam tại buồng kỷ luật đến 10 ngày.

2. Trong thời gian bị giam tại buồng kỷ luật, phạm nhân không được gặp thân nhân và có thể bị cùm chân. Không áp dụng cùm chân đối với phạm nhân nữ, phạm nhân là người dưới 18 tuổi, phạm nhân là người già yếu.”

Như vậy, trường hợp T và K vi phạm nội quy của trại giam thì có thể bị kỷ luật bằng một trong các hình thức: khiển trách, cảnh cáo hoặc giam tại buồng kỷ luật đến 10 ngày.

***54. Viẹc thông báo tình hình chấp hành án; phối hợp với gia đình phạm nhân, cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giáo dục cải tạo phạm nhân được thực hiện ra sao?***

Tại Điều 44 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 thì việc thông báo tình hình chấp hành án; phối hợp với gia đình phạm nhân, cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giáo dục cải tạo phạm nhân như sau:

- Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm định kỳ 06 tháng 01 lần thông báo tình hình chấp hành án của phạm nhân cho thân nhân của họ.

- Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phối hợp với gia đình phạm nhân, chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân quan tâm động viên phạm nhân tích cực học tập, lao động, rèn luyện để được hưởng sự khoan hồng của Nhà nước; hỗ trợ các hoạt động giáo dục, dạy nghề cho phạm nhân và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để phạm nhân tái hòa nhập cộng đồng sau khi chấp hành xong

***55. Nhà nước quy định các biện pháp nào để khuyến khích cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân tạo điều kiện, giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù, người được đặc xá, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện tái hòa nhập cộng đồng?***

Theo khoản 3 Điều 45 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 thì nhà nước khuyến khích cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân tạo điều kiện, giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù, người được đặc xá, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện tái hòa nhập cộng đồng bằng các biện pháp sau đây:

- Thông tin, truyền thông, giáo dục về tái hòa nhập cộng đồng;

- Dạy nghề, giải quyết việc làm;

- Trợ giúp về tâm lý và hỗ trợ các thủ tục pháp lý;

d) Các biện pháp hỗ trợ khác.

***56. Phạm nhân có chế độ ăn, ở như thế nào?***

Điều 48 Luật Thi hành án hình sự quy định chế độ ăn, ở đối với phạm nhân như sau:

- Phạm nhân được bảo đảm tiêu chuẩn định lượng về gạo, rau xanh, thịt, cá, đường, muối, nước mắm, dầu ăn, bột ngọt, chất đốt. Đối với phạm nhân lao động nặng nhọc, độc hại theo quy định của pháp luật thì định lượng ăn được tăng thêm nhưng không quá 02 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường. Ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật, phạm nhân được ăn thêm nhưng mức ăn không quá 05 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường.

Căn cứ yêu cầu bảo đảm sức khỏe của phạm nhân trong quá trình giam giữ, lao động, học tập tại nơi chấp hành án, Chính phủ quy định cụ thể định mức ăn phù hợp với điều kiện kinh tế, ngân sách và biến động giá cả thị trường. Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có thể quyết định hoán đổi định lượng ăn cho phù hợp với thực tế để phạm nhân có thể ăn hết tiêu chuẩn.

- Ngoài tiêu chuẩn ăn quy định nêu trên, phạm nhân được sử dụng quà, tiền của mình để ăn thêm nhưng không được quá 03 lần định lượng trong 01 tháng cho mỗi phạm nhân.

- Phạm nhân được bảo đảm ăn, uống hợp vệ sinh. Việc nấu ăn cho phạm nhân do phạm nhân đảm nhiệm dưới sự giám sát, kiểm tra của trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện.

Bếp ăn cho phạm nhân được cấp các dụng cụ cần thiết cho việc nấu ăn, đun nước uống và chia đồ ăn cho phạm nhân theo khẩu phần tiêu chuẩn.

- Phạm nhân được ở theo buồng giam tập thể, trừ phạm nhân đang bị giam riêng theo quy định tại các điểm d, đ, e, g khoản 2 và khoản 3 Điều 30 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Chỗ nằm tối thiểu của mỗi phạm nhân là 02 m2. Đối với phạm nhân có con nhỏ ở cùng thì được bố trí chỗ nằm tối thiểu là 03 m2.

***57. Nguyễn Văn Q phạm tội cướp giật tài sản và hiện là phạm nhân đang chấp hành án phạt tù tại trại giam X. Trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam, Q tham gia lao động, học nghề. Hỏi khi tham gia lao động, học nghề, Nguyễn Văn Q có được cấp phát quần áo hay dụng cụ bảo hộ lao động gì không?***

Điều 49 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định về chế độ mặc và tư trang của phạm nhân. Theo đó, phạm nhân được cấp quần áo theo mẫu thống nhất, khăn mặt, chăn, chiếu, màn, dép, mũ hoặc nón, xà phòng, kem và bàn chải đánh răng; phạm nhân nữ được cấp thêm đồ dùng cần thiết cho vệ sinh của phụ nữ. Phạm nhân tham gia lao động được cấp thêm quần áo để lao động và căn cứ vào điều kiện công việc cụ thể được cấp dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết.

Tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 133 ngày 09/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi hành án hình sự quy định về Chế độ mặc và tư trang của phạm nhân như sau:

“2. Phạm nhân tham gia lao động, học nghề mỗi năm được phát 02 bộ quần áo bảo hộ lao động và dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết khác.

Mẫu, màu quần áo và phương tiện bảo hộ lao động của phạm nhân do Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định”

Như vậy, trong trường hợp tham gia lao động, học nghề, phạm nhân Nguyễn Văn Q sẽ được cấp phát quần áo và dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết theo quy định.

***58. Ngoài ăn, mặc, ở thì chế độ hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ và sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo của phạm nhân được thực hiện như thế nào?***

Điều 50 Luật Thi hành án hình sự quy định vè chế độ hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ và sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo của phạm nhân. Theo đó:

- Phạm nhân được hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, đọc sách, báo, nghe đài, xem truyền hình phù hợp với điều kiện của nơi chấp hành án.

Mỗi phân trại của trại giam có thư viện, khu vui chơi, sân thể thao, được trang bị một hệ thống truyền thanh nội bộ, mỗi buồng giam tập thể được trang bị 01 ti vi.

- Thời gian hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, đọc sách, báo, nghe đài, xem truyền hình của phạm nhân được thực hiện theo nội quy trại giam.

- Phạm nhân theo tôn giáo được sử dụng kinh sách xuất bản dưới hình thức sách in, phát hành hợp pháp và được bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

***59. Phạm nhân nữ có thai, nuôi con dưới 36 tháng tuổi thì có chế độ riêng không?***

Điều 51 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 đã có quy định riêng về chế độ đối với phạm nhân nữ có thai, nuôi con dưới 36 tháng tuổi, cụ thể là:

- Phạm nhân nữ có thai nếu không được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù thì được bố trí nơi giam hợp lý, được khám thai định kỳ hoặc đột xuất, được chăm sóc y tế trong trường hợp cần thiết, được giảm thời gian lao động, được hưởng chế độ ăn, uống bảo đảm sức khỏe.

- Phạm nhân nữ có thai được nghỉ lao động trước và sau khi sinh con theo quy định của pháp luật về lao động. Trong thời gian nghỉ sinh con, phạm nhân được bảo đảm tiêu chuẩn, định lượng ăn theo chỉ dẫn của y sỹ hoặc bác sỹ, được cấp phát thực phẩm, đồ dùng cần thiết cho việc chăm sóc trẻ sơ sinh. Phạm nhân nữ nuôi con dưới 36 tháng tuổi được bố trí thời gian phù hợp để chăm sóc, nuôi dưỡng con.

- Trẻ em dưới 36 tháng tuổi, trẻ em từ 36 tháng tuổi trở lên trong thời gian chờ đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội là con của phạm nhân ở cùng mẹ trong trại giam được hưởng chế độ ăn, mặc, ở, cấp phát nhu yếu phẩm và được chăm sóc y tế, khám chữa bệnh để bảo đảm thực hiện quyền của trẻ em theo quy định của Luật Trẻ em.

- Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục đề nghị đăng ký khai sinh cho con của phạm nhân. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phạm nhân chấp hành án có trách nhiệm đăng ký và cấp giấy khai sinh.

- Phạm nhân nữ có con từ 36 tháng tuổi trở lên phải gửi con về cho thân nhân nuôi dưỡng. Trường hợp con của phạm nhân không có thân nhân nhận nuôi dưỡng thì trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khuphải đề nghị cơ quan chuyên môn về lao động, thương binh và xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi phạm nhân chấp hành án chỉ định cơ sở bảo trợ xã hội tiếp nhận, nuôi dưỡng. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan chuyên môn về lao động, thương binh và xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải chỉ định cơ sở bảo trợ xã hội có trách nhiệm tiếp nhận, nuôi dưỡng. Người chấp hành xong án phạt tù được nhận lại con đang được cơ sở bảo trợ xã hội nuôi dưỡng.

- Trại giam phải tổ chức nhà trẻ ngoài khu giam giữ để chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là con của phạm nhân dưới 36 tháng tuổi và con của phạm nhân từ 36 tháng tuổi trở lên trong thời gian chờ làm thủ tục đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội.

***60. Việc gặp, nhận quà của phạm nhân được thực hiện ra sao?***

Theo Điều 52 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 về chế độ gặp, nhận quà của phạm nhân thì:

- Phạm nhân được gặp thân nhân 01 lần trong 01 tháng, mỗi lần gặp không quá 01 giờ. Căn cứ kết quả xếp loại chấp hành án, yêu cầu giáo dục cải tạo, thành tích lao động, học tập của phạm nhân, Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện quyết định kéo dài thời gian gặp thân nhân nhưng không quá 03 giờ hoặc được gặp vợ, chồng ở phòng riêng không quá 24 giờ. Phạm nhân được khen thưởnghoặc lập công thì được gặp thân nhân thêm 01 lần trong 01 tháng.

Phạm nhân vi phạm nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân thì 02 tháng được gặp thân nhân 01 lần, mỗi lần không quá 01 giờ.

- Trường hợp đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác có đề nghị được gặp phạm nhân thì Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện xem xét, quyết định.

- Khi gặp thân nhân, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác, phạm nhân được nhận thư, tiền, đồ vật, trừ đồ vật thuộc danh mục cấm. Đối với tiền, phạm nhân phải gửi trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện quản lý. Việc quản lý, sử dụng đồ vật, tiền của phạm nhân được thực hiện theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều 28 của Luật này.

- Phạm nhân được nhận quà làtiền, đồ vật do thân nhân gửi qua đường bưu chính không quá 02 lần trong 01 tháng. Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm tiếp nhận tiền, đồ vật mà thân nhân của phạm nhân gửi cho phạm nhân và bóc, mở, kiểm tra để phát hiện và xử lý đồ vật thuộc danh mục cấm theo quy định của pháp luật.

- Thân nhân của phạm nhân đến gặp phạm nhân phải mang theo sổ thăm gặp hoặc đơn xin gặp có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi người đó cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập. Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải phổ biến cho thân nhân của phạm nhân về quy định thăm gặp phạm nhân; thân nhân của phạm nhân phải chấp hành các quy định này.

Đối với phạm nhân là người nước ngoài, trường hợp thân nhân là người nước ngoài thì phải có đơn xin gặp gửi cơ quan quản lý thi hành án hình sự, đơn phải viết bằng tiếng Việt hoặc được dịch ra tiếng Việt và có xác nhận của cơ quan đại diện ngoại giao hoặc lãnh sự của nước mà người đó mang quốc tịch hoặc cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam nơi người đó làm việc; trường hợp thân nhân là người Việt Nam thì đơn xin gặp phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đơn, cơ quan quản lý thi hành án hình sự có trách nhiệm trả lời người có đơn; trường hợp đặc biệt có thể kéo dài nhưng thời hạn trả lời không quá 30 ngày.

- Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện bố trí nơi phạm nhân gặp thân nhân, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác.

***61. Phạm nhân có được liên lạc ra bên ngoài không? Việc này được thực hiện ra sao?***

Theo Điều 54 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 thì phạm nhân được liên lạc với bên ngoài, cụ thể là:

- Phạm nhân được gửi mỗi tháng 02 lá thư. Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải kiểm tra, kiểm duyệt thư mà phạm nhân gửi và nhận.

- Phạm nhân được liên lạc điện thoại trong nước với thân nhân mỗi tháng 01 lần, mỗi lần không quá 10 phút, trừ trường hợp cấp bách. Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện xem xét, quyết định việc cho phạm nhân liên lạc bằng điện thoại và tổ chức kiểm soát việc liên lạc này.

Chi phí cho việc liên lạc của phạm nhân do phạm nhân chi trả.

***62. Đề nghị cho biết chế độ chăm sóc y tế đối với phạm nhân?***

Điều 55 Luật Thi hành án hình sự quy định về chế độ chăm sóc y tế đối với phạm nhân như sau:

- Phạm nhân được hưởng chế độ phòng, chống dịch bệnh. Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phối hợp với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp huyện hoặc bệnh viện quân độinơi trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện đóng tổ chức khám sức khỏe cho phạm nhân.

- Phạm nhân bị ốm, bị thương tích thì được khám bệnh, chữa bệnh và điều trị tại cơ sở y tế của trại giam, trại tạm giam hoặc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước nơi gần nhất. Trường hợp phạm nhân bị bệnh nặng hoặc thương tích vượt quá khả năng điều trị của cơ sở khám bệnh,chữa bệnh đó thì được chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên để điều trị; trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải thông báo cho thân nhân hoặc đại diện của người đó biết để phối hợp chăm sóc, điều trị. Chế độ ăn, cấp phát thuốc, bồi dưỡng cho phạm nhân do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chỉ định.

Trại giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu phối hợp với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện, tuyến tỉnh, bệnh viện quân đội xây dựng hoặc bố trí một số buồng riêng trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để điều trị cho phạm nhân. Việc quản lý, giám sát phạm nhân trong thời gian điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện chịu trách nhiệm.

- Đối với phạm nhân có dấu hiệumắc bệnh tâm thần, bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh đề nghị Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu nơi phạm nhân chấp hành ánphạt tù trưng cầu giám định pháp y tâm thần. Khi có kết luận giám định là người đó mắc bệnh tâm thần, bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năngđiều khiển hành vi thì Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu nơi phạm nhân chấp hành án ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù và áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh đối với người đó.

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý phạm nhân thuộc đối tượng bắt buộc chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Phạm nhân nghiện ma túy được trại giam tổ chức cai nghiện.

- Kinh phí khám bệnh, chữa bệnh, tổ chức cai nghiện ma túy và kinh phí xây dựng, bố trí các buồng chữa bệnh dành cho phạm nhân tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do Nhà nước cấp.

***63. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện vi phạm nghĩa vụ hoặc vi phạm pháp luật bị xử phạt vi phạm hành chính thì bị xử lý ra sao?***

Điều 69 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định về việc xử lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện vi phạm nghĩa vụ hoặc vi phạm pháp luật bị xử phạt vi phạm hành chính như sau:

- Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cố ý vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 62 của Luật này thì Công an cấp xã lập biên bản vi phạm; trường hợp cố ý vi phạm lần thứ hai thì lập biên bản vi phạm và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã.

Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện do đơn vị quân đội quản lý cố ý vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 62 của Luật này thì đơn vị quân đội được giao quản lý lập biên bản vi phạm; trường hợp cố ý vi phạm lần thứ hai thì lập biên bản vi phạm và báo cáo cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

- Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện vi phạm pháp luật bị xử phạt vi phạm hành chính từ 02 lần trở lên thì Công an cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện do đơn vị quân đội quản lý vi phạm pháp luật bị xử phạt vi phạm hành chính từ 02 lần trở lên thì đơn vị quân đội được giao quản lý báo cáo cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Công an cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản đề nghị cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện kèm theo biên bản vi phạm nghĩa vụ hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính và các tài liệu khác có liên quan đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện để tiến hành thủ tục đề nghị hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kèm theo biên bản vi phạm nghĩa vụ hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính và các tài liệu khác có liên quan của đơn vị quân đội được giao quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu tiến hành thủ tục đề nghị hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện.

***64. Trường hợp phạm nhân đã được đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện mà vi phạm nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân hoặc có hành vi vi phạm pháp luật thì giải quyết ra sao?***

Điều 70 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định về giải quyết trường hợp phạm nhân đã được đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện mà vi phạm nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân hoặc có hành vi vi phạm pháp luật như sau:

- Trường hợp phạm nhân đã được đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện mà vi phạm nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân và bị xử lý kỷ luật hoặc có hành vi vi phạm pháp luật trước khi có quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện của Tòa án thì cơ quan đã đề nghị theo quy định tại khoản 1 Điều 368 của Bộ luật Tố tụng hình sự có văn bản gửi Viện kiểm sát, Tòa án đề nghị rút hồ sơ và xóa tên phạm nhân trong danh sách đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện.

- Trường hợp phạm nhân đã có quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện của Tòa án nhưng chưa có hiệu lực pháp luật mà vi phạm nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân và bị xử lý kỷ luật hoặc có hành vi vi phạm pháp luật thì hồ sơ, trình tự, thủ tục xem xét hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 71 của Luật này và Điều 368 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

***65. Gia đình người được tha tù trước thời hạn có điều kiện phải thực hiện trách nhiệm gì?***

Theo Điều 72 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 thì Gia đình người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội trong việc quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; thông báo kết quả chấp hành các nghĩa vụ của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện với Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý khi có yêu cầu; có mặt tại cuộc họp kiểm điểm người được tha tù trước thời hạn có điều kiện theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý người đó.

***66. Phạm nhân là người dưới 18 tuổi có chế độ quản lý, giáo dục, học văn hóa, học nghề, lao động như thế nào?***

Điều 74 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định về chế độ quản lý, giáo dục, học văn hóa, học nghề, lao động như sau:

- Phạm nhân là người dưới 18 tuổi được giam giữ theo chế độ riêng phù hợp với sức khỏe,giới tính và đặc điểm nhân thân.

- Trại giam có trách nhiệm giáo dục phạm nhân là người dưới 18 tuổi về văn hóa, pháp luật và dạy nghề phù hợp với độ tuổi, học vấn, giới tính và sức khỏe, chuẩn bị điều kiện để họ hòa nhập cộng đồng sau khi chấp hành xong án phạt tù. Thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học và giáo dục trung học cơ sở. Giáo dục tiểu học là bắt buộc đối với phạm nhân chưa học xong chương trình tiểu học.

Chương trình, nội dung học tập, học nghề của phạm nhân dưới 18 tuổi do Chính phủ quy định.

- Phạm nhân là người dưới 18 tuổi được lao động ở khu vực riêng và phù hợp với độ tuổi; không phải làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại.

***67. Do phạm tội cố ý gây thương tích, Anh H bị phạt tù và đang chấp hành án tại trại giam. Tuy nhiên, hiện nay anh H mới 16 tuổi, vẫn đang trong độ tuổi phát triển thể chất nên gia đình rất lo lắng về chế độ ăn uống của H trong trại giam. Hỏi chế độ ăn đối với H (phạm nhân là người dưới 18 tuổi) có gì khác so với người đã thành niên?***

Tại khoản 1 Điều 75 Luật thi hành án hình sự 2019 quy định:

“1. Phạm nhân là người dưới 18 tuổi được bảo đảm tiêu chuẩn định lượng ăn và được chăm sóc y tế như phạm nhân là người từ đủ 18 tuổi trở lên và được tăng thêm thịt, cá nhưng không quá 20% so với định lượng”.

Và tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 133 ngày 09/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật tthi hành án hình sự quy định:

“1. Phạm nhân là người dưới 18 tuổi được đảm bảo tiêu chuẩn định lượng ăn như phạm nhân là người từ đủ 18 tuổi trở lên và được tăng thêm thịt, cá nhưng không quá 20% so với định lượng thịt, cá ăn của phạm nhân”.

Như vậy có thể thấy chế độ ăn của phạm nhân là người dưới 18 tuổi có những ưu đãi hơn so với phạm nhân bình thường

***68. Anh Nguyễn Văn N (17 tuổi) phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam S. Do N là con một nên bố mẹ của anh N có nguyện vọng được thường xuyên đến thăm con cho đỡ nhớ, đồng thời cũng để nhắc nhở, động viên con mình chấp hành tốt quy định trong thời gian chấp hành hình phạt. Hỏi chế độ gặp thân nhân của anh Nguyễn Văn N được quy định như thế nào?***

Chế độ gặp thân nhân của anh Nguyễn Văn N được quy định tại khoản 1 Điều 76 Luật thi hành án hình sự 2019 như sau:

- Phạm nhân là người dưới 18 tuổi được gặp thân nhân không quá 03 lần trong 01 tháng, mỗi lần gặp không quá 03 giờ. Căn cứ kết quả xếp loại chấp hành án, yêu cầu giáo dục cải tạo, thành tích lao động, học tập của phạm nhân, Giám thị trại giam quyết định kéo dài thời gian gặp nhưng không quá 24 giờ.

Phạm nhân là người dưới 18 tuổi được khen thưởng thì được gặp thân nhân thêm 01 lần trong 01 tháng.

***69. M là phạm nhân dưới 18 tuổi đang thi hành án phạt tù trại trại giam X. Gia đình muốn gửi cho M một số sách vở để tiếp tục học tập trong trại giam (do trước khi phạm tội M là sinh viên nên gia đình không muốn vì việc phải đi chấp hành hình phạt tù mà mai một dần kiến thức đang học). Hỏi sách vở có thuộc danh mục được gửi vào cho phạm nhân dưới 18 tuổi không?***

Tại khoản 3 Điều 76 Luật thi hành án hình sự 2019 quy định:

“3. Nhà nước khuyến khích thân nhân của phạm nhân là người dưới 18 tuổi quan tâm gửi sách vở, đồ dùng học tập, dụng cụ thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí cho phạm nhân”.

Như vậy không chỉ thân nhân của phạm nhân là người dưới 18 tuổi được gửi sách vở mà nhà nước còn khuyến khích thân nhân của phạm nhân là người dưới 18 tuổi quan tâm gửi sách vở, đồ dùng học tập,… cho phạm nhân là người dưới 18 tuổi

***70. Xin hỏi về hình thức và trình tự thi hành án tử hình được thực hiện như thế nào?***

Điều 82 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định về hình thức và trình tự thi hành án tử hình như sau:

- Thi hành án tử hình được thực hiện bằng tiêm thuốc độc. Quy trình thực hiện việc tiêm thuốc độc do Chính phủ quy định.

- Trước khi thi hành án, Hội đồng thi hành án tử hình phải kiểm tra danh bản, chỉ bản, hồ sơ lý lịch của người chấp hành án tử hình; trường hợp người chấp hành án là nữ thì Hội đồng phải kiểm tra các tài liệu liên quan đến điều kiện không thi hành án tử hình theo quy định của Bộ luật Hình sự.

- Trước khi bị đưa ra thi hành án tử hình, người chấp hành án được ăn, uống, viết thư, ghi âm lời nói gửi lại thân nhân.

- Trình tự thi hành án tử hình được thực hiện như sau:

+ Căn cứ quyết định thi hành án tử hình và yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thi hành án tử hình, Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp hoặc Vệ binh hỗ trợ tư pháp thực hiện áp giải người chấp hành án đến nơi làm việc của Hội đồng thi hành án tử hình;

+ Thực hiện yêu cầu của Hội đồng thi hành án tử hình, cán bộ chuyên môn thuộc Công an nhân dân hoặc Quân đội nhân dân tiến hành lăn tay, kiểm tra danh bản, chỉ bản, đối chiếu với hồ sơ, tài liệu có liên quan; chụp ảnh, ghi hình quá trình làm thủ tục lăn tay, kiểm tra và lập biên bản; báo cáo Hội đồng thi hành án tử hình về kết quả kiểm tra;

+ Chủ tịch Hội đồng thi hành án tử hình công bố quyết định thi hành án, quyết định không kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và quyết định không kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao không chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao hoặc kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, quyết định của Chủ tịch nước bác đơn xin ân giảm hình phạt tử hình.

Ngay sau khi Chủ tịch Hội đồng thi hành án công bố các quyết định, Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp hoặc Vệ binh hỗ trợ tư pháp có nhiệm vụ giao các quyết định trên cho người chấp hành án để người đó tự đọc. Trường hợp người chấp hành án không biết chữ, không biết tiếng Việt hoặc không tự mình đọc được thì Hội đồng thi hành án tử hình chỉ định người đọc hoặc phiên dịch các quyết định trên cho người đó nghe. Quá trình công bố và đọc các quyết định phải được chụp ảnh, ghi hình, ghi âm và lưu vào hồ sơ thi hành án tử hình;

+ Theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng thi hành án tử hình, cán bộ chuyên môn do cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu chỉ định thực hiện việc thi hành án và báo cáo kết quả cho Chủ tịch Hội đồng;

+ Theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng thi hành án tử hình, bác sỹ pháp y xác định tình trạng của người đã bị thi hành án tử hình và báo cáo kết quả cho Hội đồng;

+ Hội đồng thi hành án tử hình lập biên bản thi hành án; báo cáo về quá trình, kết quả thi hành án cho Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, cơ quan quản lý thi hành án hình sự. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu làm thủ tục khai tử tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thi hành án;

+ Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có trách nhiệm bảo quản tử thi, tổ chức mai táng, vẽ sơ đồ mộ người đã bị thi hành án. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mai tángcó nhiệm vụ phối hợp với cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu trong việc mai táng và quản lý mộ của người đã bị thi hành án;

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu thông báo cho thân nhân của người đã bị thi hành án biết, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 83 của Luật này.

***71. Đề nghị cho biết việc lao động, học tập của người được hưởng án treo như thế nào?***

Điều 88 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định việc lao động, học tập của người được hưởng án treo như sau:

- Người được hưởng án treo là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân và viên chức quốc phòng, công nhân công an, người lao động nếu được tiếp tục làm việc tại cơ quan, tổ chức thì được bố trí công việc bảo đảm yêu cầu giám sát, giáo dục, được hưởng tiền lương và chế độ khác phù hợp với công việc mà họ đảm nhiệm, được tính vào thời gian công tác, thời gian tại ngũ theo quy định của pháp luật.

- Người được hưởng án treo được cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp tiếp nhận học tập thì được hưởng quyền lợi theo quy chế của cơ sở đó.

- Người được hưởng án treo không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú tạo điều kiện tìm việc làm.

- Người được hưởng án treo thuộc đối tượng được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, người đang hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

***72. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ theo quy định thì bị xử lý như thế nào?***

Điều 93 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định việc xử lý vi phạm đối với người được hưởng án treo như sau:

- Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều 87 của Luật này thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu lập biên bản vi phạm, đồng thời yêu cầu người được hưởng án treo phải có mặt trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm. Hết thời hạn này mà người được hưởng án treo vẫn không có mặt thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu lập biên bản vi phạm và đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện nơi người được hưởng án treo cư trú, Tòa án quân sự khu vực nơi người được hưởng án treo làm việc quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo đã bị kiểm điểm theo quy định tại Điều 91 của Luật này nhưng sau khi kiểm điểm vẫn tiếp tục vi phạm và đã được nhắc nhở bằng văn bản mà vẫn cố ý vi phạm thì Công an cấp xã đề xuất Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo, đề nghị cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện tiến hành trình tự, thủ tục đề nghị Tòa án có thẩm quyền quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện lập hồ sơ đề nghị buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo gửi Tòa án nhân dân cấp huyện để xem xét, quyết định, đồng thời gửi Viện kiểm sát cùng cấp. Hồ sơ bao gồm:

+ Văn bản đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện;

+ Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo về việc người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên;

+ Biên bản người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ;

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với người được hưởng án treo trong trường hợp người đó bị xử phạt vi phạm hành chính;

+ Biên bản kiểm điểm người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ;

+ Tài liệu khác có liên quan.

- Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo do đơn vị quân đội giám sát, giáo dục đã bị kiểm điểm theo quy định tại Điều 91 của Luật này nhưng sau khi kiểm điểm vẫn tiếp tục vi phạm và đã được nhắc nhở bằng văn bản mà vẫn cố ý vi phạm thì đơn vị quân đội giám sát, giáo dục lập biên bản vi phạm và đề nghị cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu tiến hành trình tự, thủ tục đề nghị Tòa án có thẩm quyền quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, đồng thời gửi Viện kiểm sát quân sự cùng cấp. Hồ sơ bao gồm:

+ Văn bản đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu;

+ Báo cáo của đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo về việc người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên;

+ Biên bản người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ;

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với người được hưởng án treo trong trường hợp người đó bị xử phạt hành chính;

+ Biên bản kiểm điểm người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ;

+ Tài liệu khác có liên quan.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện, Chánh án Tòa án quân sự khu vực nơi người được hưởng án treo cư trú hoặc làm việc thành lập Hội đồng và tổ chức phiênhọp để xét, quyết định buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Thành phần Hội đồng gồm 03 Thẩm phán; phiên họp có sự tham gia của Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp. Trường hợp hồ sơ phải bổ sung theo yêu cầu của Tòa án thì thời hạn mở phiên họp được tính từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định về việc buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, Tòa án phải gửi quyết định cho cá nhân, cơ quan quy định tại khoản 2 Điều 84 của Luật này.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu phải làm thủ tục đưa người bị buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo đi chấp hành án phạt tù. Trường hợp người bị Tòa án quyết định chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo bỏ trốn thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu làm thủ tục đề nghị cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra quyết định truy nã.

Trường hợp Tòa án không chấp nhận đề nghị buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu lưu quyết định và các tài liệu có liên quan vào hồ sơ thi hành án treo và thông báo quyết định cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo để tiếp tục giám sát, giáo dục.

***73. Việc lao động, học tập của người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được thực hiện ra sao?***

Điều 101 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định việc lao động, học tập của người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ như sau:

- Người chấp hành án là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân và viên chức quốc phòng, công nhân công an, người lao động nếu được tiếp tục làm việc tại cơ quan, tổ chức thì được bố trí công việc bảo đảm yêu cầu giám sát, giáo dục, được hưởng tiền lương và chế độ khác phù hợp với công việc mà họ đảm nhiệm, được tính vào thời gian công tác, thời gian tại ngũ theo quy định của pháp luật.

- Người chấp hành án được cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp tiếp nhận học tập thì được hưởng quyền lợi theo quy chế của cơ sở đó.

- Người chấp hành án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó chấp hành án tạo điều kiện tìm việc làm.

- Người chấp hành án thuộc đối tượng được hưởng chế độưu đãi người có công với cách mạng, người đang hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Người chấp hành án không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành án thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày người chấp hành án được xác định là không có việc làm hoặc bị mất việc làm, Công an cấp xã có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với Ủy ban nhân dân cùng cấp; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải xem xét, quyết định buộc người chấp hành án thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng.

Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, quyết định của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải nêu rõ loại công việc, thời gian lao động phục vụ cộng đồng dự kiến buộc người chấp hành án phải thực hiện.

Căn cứ quyết định buộc người chấp hành án phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng, Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho người chấp hành án thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng dưới sự giám sát của Công an cấp xã.

***74. Pháp luật quy định việc xử lý vi phạm đối với người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ như thế nào?***

Điều 105 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định việc xử lý vi phạm đối với người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ như sau:

- Trường hợp người chấp hành án cố ývi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 99 của Luật này thì Công an cấp xã, đơn vị quân đội lập biên bản về việc vi phạm. Trường hợp đã lập biên bản về việc vi phạm nghĩa vụ 02 lần nhưng người chấp hành ánvẫn tiếp tục vi phạm thì Công an cấp xã đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xãđược giao giám sát, giáo dục tổ chức kiểm điểm người đó; trường hợp người chấp hành án do đơn vị quân đội giám sát, giáo dục thì đơn vị quân đội tổ chức kiểm điểm người đó.

Việc kiểm điểm phải được lập thành biên bản, lưu hồ sơ giám sát, giáo dụcvà báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

- Người chấp hành án đã bị kiểm điểm nhưng tiếp tục cố ý không chấp hành nghĩa vụ quy định tại Điều 99 của Luật này thì không được xem xét giảm thời hạn chấp hành án. Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hoặc xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự.

***75. Cơ quan, tổ chức và gia đình cần thực hiện trách nhiệm gì đối với người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ?***

Theo Điều 106 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 thì cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội trong việc giám sát, giáo dục người chấp hành án. Gia đình người chấp hành án có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục và thông báo kết quả chấp hành án của người chấp hành án cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục khi có yêu cầu; phải có mặt tại cuộc họp kiểm điểm người chấp hành án theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục.

***76. Người chấp hành án phạt cấm cư trú vi phạm nghĩa vụ sẽ xử lý như thế nào?***

Điều 111 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định việc xử lý người chấp hành án phạt cấm cư trú vi phạm nghĩa vụ như sau:

- Trường hợp người chấp hành án đến lưu trú mà chưa được phép hoặc lưu trú quá thời hạn cho phép thì Trưởng Công an, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền, buộc họ rời khỏi địa phương và thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án cư trú.

- Trường hợp người chấp hành án phạt cấm cư trú không chấp hành nghĩa vụ quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 109 của Luật này thì không được xem xét miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú còn lại.

***77. Ngô Văn M là phạm nhân đang chấp hành án phạt tù tại trại giam X. Trước khi vào tù, M từng có tiền sử nghiện ma túy nặng tại địa phương, đã được đưa đi cai nghiện nhiều lần (do tái nghiện). Hỏi trong thời gian chấp hành án tại trại giam, việc chăm sóc y tế đối với M sẽ được thực hiện như thế nào?***

Việc chăm sóc y tế đối với M được thự hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 9 Nghị định số 133 ngày 09/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi hành án hình sự quy định về Chế độ chăm sóc y tế đối với phạm nhân như sau: Đối với phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy và các chất kích thích, căn cứ điều kiện, khả năng trại giam tổ chức khám bệnh, chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng; trường hợp phạm nhân xét nghiệm có kết quả dương tính với ma túy và các chất kích thích thì phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan tổ chức cai nghiện theo quy định.

***78. Đề nghị cho biết chế độ chăm sóc y tế đối với phạm nhân có dấu hiệu mắc bệnh tâm thần được thực hiện ra sao?***

Tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 133 ngày 09/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi hành án hình sự quy định về Chế độ mặc và tư trang của phạm nhân như sau:

“5. Đối với phạm nhân có dấu hiệu mắc bệnh tâm thần, bệnh khác làm giảm khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, trong khi chờ Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu nơi phạm nhân chấp hành án phạt tù ra quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần, Thủ trưởng cơ sở giam giữ phạm nhân phối hợp với bệnh viện tâm thần tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khoa tâm thần bệnh viện đa khoa cấp tỉnh hoặc bệnh viện cấp quân khu nơi đơn vị đóng quân tổ chức khám và điều trị theo quy định của pháp luật”.

***79. Việc xử lý người chấp hành án phạt quản chế vi phạm nghĩa vụ được thực hiện như thế nào?***

Điều 116 Luật Thi hành án hình sự quy định việc xử lý người chấp hành án phạt quản chế vi phạm nghĩa vụ như sau:

- Trường hợp người chấp hành án vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật này thì Công an cấp xã lập biên bản vi phạm nghĩa vụ, lưu hồ sơ thi hành án.

- Người chấp hành án phạt quản chế đi khỏi nơi quản chế mà không có giấy phép hoặc vi phạm quy định ghi trong giấy phép nếu không có lý do chính đáng thì thời gian này không được tính vào thời hạn chấp hành án phạt quản chế.

Người chấp hành án phạt quản chế vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

***80. Trường giáo dưỡng thực hiện chế độ quản lý học sinh thế nào?***

Điều 144 Luật Thi hành án hình sự quy định về chế độ quản lý học sinh như sau:

- Học sinh phải chịu sự giám sát, quản lý của cán bộ, giáo viên trường giáo dưỡng và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy của nhà trường.

- Căn cứ vào độ tuổi, giới tính, sức khỏe, trình độ học vấn, tính chất và mức độ vi phạm, trường giáo dưỡng bố trí học sinh thành các đội, lớp, tổ, nhóm và phân công giáo viên trực tiếp phụ trách.

- Trường hợp học sinh bỏ trốn thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng ra quyết định và tổ chức truy tìm. Thời gian học sinh bỏ trốn không được tính vào thời hạn chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng. Khi bắt giữ mà học sinh có hành vi chống đối thì được áp dụng biện pháp cưỡng chế cần thiết theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân và cơ quan công an các cấp có trách nhiệm phối hợp trong việc truy tìm, bắt giữ học sinh bỏ trốn. Khi phát hiện người bị truy tìm, người phát hiện có trách nhiệm báo ngay cho cơ quan công an, Ủy ban nhân dân nơi gần nhất hoặc bắt giữ và đưa đến các cơ quan này.

Khi bắt được người bỏ trốn hoặc nhận bàn giao người đó, cơ quan công an phải lập biên bản, lấy lời khai, lưu giữ và quản lý người bỏ trốn, thông báo ngay cho trường giáo dưỡng đã ra quyết định truy tìm. Khi nhận được thông báo, trường giáo dưỡng đã ra quyết định truy tìm phải cử người đến ngay để nhận và đưa học sinh bỏ trốn về trường giáo dưỡng. Việc giao, nhận học sinh bỏ trốn phải lập biên bản. Thời gian lưu giữ được tính vào thời hạn chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

***81. Đề nghị cho biết chế độ học văn hóa, giáo dục hướng nghiệp, học nghề, lao động của học sinh ở trường giáo dưỡng được thực hiện như thế nào?***

Điều 146 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định về chế độ học văn hóa, giáo dục hướng nghiệp, học nghề, lao động như sau:

- Học sinh ở trường giáo dưỡng được học văn hóa, giáo dục hướng nghiệp, học nghề theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đối với học sinh chưa đạt trình độ phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở thì việc học văn hóa là bắt buộc.Đối với học sinh khác thì tùy khả năng, điều kiện thực tế mà tổ chức cho họ học tập phù hợp.

- Ngoài giờ học tập, học sinh phải tham gia lao động do trường tổ chức. Trường giáo dưỡng có trách nhiệm sắp xếp công việc phù hợp với lứa tuổi và sức khỏe của học sinh để bảo đảm sự phát triển bình thường về thể chất; không bố trí những công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại.

Thời gian lao động của học sinh không được nhiều hơn thời gian học tập. Thời gian học tập và lao động không quá 07 giờ trong 01 ngày và không quá 35 giờ trong 01 tuần.

Kết quả lao động của học sinh được sử dụng phục vụ sinh hoạt, học tập và bổ sung vào quỹ hòa nhập cộng đồng, quỹ khen thưởng của học sinh.

- Học sinh được nghỉ ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

- Kinh phí mua sách vở, đồ dùng học tập cho học sinh do ngân sách nhà nước cấp.

***82.Việc kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh và tổ chức thi được trường giáo dưỡng thực hiện ra sao?***

Điều 147 Luật Thi hành án hình sự quy định việc \kKiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh và tổ chức thi, cụ thể là:

- Trường giáo dưỡng có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh và tổ chức thi học kỳ, kết thúc năm học, chuyển cấp, thi tuyển chọn học sinh giỏi hoặc hình thức thi khác.

- Sổ điểm, học bạ, hồ sơ và các biểu mẫu liên quan đến việc học tập của học sinh phải theo mẫu thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chứng chỉ học văn hóa, học nghề do trường giáo dưỡng cấp cho học sinh có giá trị như chứng chỉ của cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp.

***83. Ngoài giời học văn hóa, học nghề, lao động, học sinh tại các trường giáo dưỡng có được tham gia vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao hay không?***

Theo Điều 148 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2019 thì ngoài giờ học văn hóa, học nghề, lao động, học sinh được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, đọc sách báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác do trường giáo dưỡng tổ chức.

***84. Học sinh trường giáo dưỡng được đảm bảo chế độ ăn, mặc ra sao?***

Điều 149 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định về chế độ ăn, mặc của học sinh như sau:

- Học sinh được bảo đảm tiêu chuẩn định lượng về gạo, rau xanh, thịt, cá, đường, nước mắm, dầu ăn, bột ngọt, muối, chất đốt.

Ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật, học sinh được ăn thêm nhưng mức ăn không quá 05 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường.

Học sinh được bảo đảm ăn, uống hợp vệ sinh. Chế độ ăn đối với học sinh ốm đau, bệnh tật, thương tích do y sỹ hoặc bác sỹ chỉ định.

- Hằng năm, học sinh được cấp quần áo, chăn, chiếu, màn và các đồ dùng sinh hoạt khác; học sinh nữ được cấp thêm đồ dùng cần thiết cho vệ sinh cá nhân.

***85. Chế độ ở và đồ dùng sinh hoạt của học sinh trường giáo dưỡng được thực hiện như thế nào?***

Điều 150 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định về chế độ ở và đồ dùng sinh hoạt của học sinh như sau:

- Căn cứ vào giới tính, độ tuổi, đặc điểm nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội của học sinh, trường sắp xếp chỗ ở, sinh hoạt phù hợp trong các buồng tập thể. Buồng ở phải bảo đảm thoáng mát về mùa hè, kín gió về mùa đông, hợp vệ sinh môi trường. Diện tích chỗ nằm tối thiểu cho mỗi học sinh là 2,5 m2.

- Học sinh được bố trí giường hoặc sàn nằm có chiếu trải và được phép sử dụng đồ dùng sinh hoạt cá nhân của mình, trừ những đồ vật bị cấm sử dụng trong trường giáo dưỡng. Đồ dùng cần thiết cho sinh hoạt của học sinh được trường cho mượn hoặc cấp.

***86. Học sinh trường giáo dưỡng thực hiện việc chăm sóc y tế như thế nào?***

Điều 151 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định về chế độ chăm sóc y tế đối với học sinh trường giáo dưỡng, theo đó:

- Học sinh được khám sức khỏe định kỳ; trường hợp học sinh bị ốm đau, bệnh tật, thương tích được điều trị tại cơ sở y tế của trường giáo dưỡng; trường hợp ốm đau, bệnh tật, thương tích nặng vượt quá khả năng điều trị của trường thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng quyết định đưa họ đến điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước. Chi phí khám bệnh, chữa bệnh do trường giáo dưỡng chi trả.

- Chi phí khám bệnh, chữa bệnh quy định tại khoản 1 Điều này do ngân sách nhà nước cấp. Kinh phí tổ chức cai nghiện ma túy, điều trị HIV/AIDS cho học sinh theo quy định của Bộ Tài chính. Trường hợp học sinh được nghỉ học để đưa về gia đình chữa bệnh thì gia đình học sinh phải chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

***87. Các nguyên tắc quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam là gì?***

Điều 4 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 quy định các nguyên tắc quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam như sau:

- Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm quyền con người, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- Bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh lệnh, quyết định về tạm giữ, tạm giam, trả tự do của cơ quan, người có thẩm quyền.

- Bảo đảm nhân đạo; không tra tấn, truy bức, dùng nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

- Bảo đảm cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân nếu không bị hạn chế bởi Luật này và luật khác có liên quan.

- Áp dụng các biện pháp quản lý giam giữ phải căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, độ tuổi, giới tính, sức khỏe; bảo đảm bình đẳng giới, quyền, lợi ích chính đáng của phụ nữ, trẻ em và các đặc điểm nhân thân khác của người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

***88. Anh Nguyễn Văn T bị bắt và đang bị tạm giữ về hành vi đánh bạc. Tại nhà của bố mẹ T, có rất đông người đến để hỏi thăm và nói về vụ việc của T. Trong đó, ông K là hàng xóm nói rằng hiện nay nếu ai đã bị đưa lên cơ quan công an để điều tra đều bị đánh đập, dùng nhục hình để phải khai báo. Bố mẹ T nghe vậy thì rất hoàng mang, lo lắng. Hỏi pháp luật hiện hành có cho phép lực lượng công an đánh đạp, dùng nhục hình để buộc phải khai báo nội dung sự việc hay không?***

Tại khoản 1 điều 8 Luật thi hành tạm giữ, tạm giam quy định nghiêm cấm thực hiện những hành vi như:

“1. Tra tấn, truy bức, dùng nhục hình; các hình thức đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người hoặc bất kỳ hình thức nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, người bị tạm giam”

Như vậy, theo quy định, pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi tra tấn, đánh đập… người bị tạm giữ, tạm giam.

***89. Đề nghị cho biết nhiệm vụ, quyền hạn của nhà tạm giữ, trại tạm giam?***

Điều 13 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của nhà tạm giữ, trại tạm giam như sau:

- Tiếp nhận, lập hồ sơ, lập danh bản, chỉ bản của người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo lệnh, quyết định của người có thẩm quyền được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự hoặc người có quyết định điều chuyển theo quy định của Luật này;

- Thực hiện các biện pháp quản lý giam giữ người bị tạm giữ, người bị tạm giam;

- Áp dụng các biện pháp bảo vệ an toàn tính mạng, thân thể, tài sản, tôn trọng danh dự, nhân phẩm của người bị tạm giữ, người bị tạm giam;

- Bảo đảm cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan; giải quyết kiến nghị theo thẩm quyền hoặc chuyển kháng cáo, khiếu nại, tố cáo, yêu cầu, kiến nghị, đề nghị của người bị tạm giữ, người bị tạm giam đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

- Giao người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo lệnh trích xuất, quyết định điều chuyển của người có thẩm quyền;

- Báo cáo cơ quan có thẩm quyền khi có căn cứ cho rằng lệnh, quyết định tạm giữ, tạm giam, trả tự do là trái pháp luật;

- Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án;

- Thông báo bằng văn bản cho cơ quan đang thụ lý vụ án 01 ngày trước khi hết thời hạn tạm giữ, gia hạn tạm giữ, 05 ngày trước khi hết thời hạn tạm giam, 10 ngày trước khi hết thời hạn gia hạn tạm giam và yêu cầu cơ quan đang thụ lý vụ án giải quyết theo pháp luật; trường hợp hết thời hạn tạm giữ, thời hạn tạm giam, cơ quan đang thụ lý vụ án không giải quyết thì kiến nghị ngay Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền kiểm sát quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam xử lý;

- Trả tự do cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền;

- Thực hiện thống kê, báo cáo về thi hành tạm giữ, tạm giam.

***90. Việc quản lý đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam được thực hiện như thế nào?***

Điều 19 Luật Thi hành tạm giữ, tam giam năm 2015 quy định về chế độ quản lý đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam như sau:

- Cơ sở giam giữ phải được canh gác, bảo vệ, quản lý, kiểm tra, giám sát 24/24 giờ trong ngày.

- Người bị tạm giữ phải ở trong buồng tạm giữ; người bị tạm giam phải ở trong buồng tạm giam. Khi có lệnh của thủ trưởng cơ sở giam giữ thì mới được ra khỏi buồng tạm giữ, buồng tạm giam để thực hiện lệnh trích xuất và các hoạt động khác theo quy định tại khoản 5 Điều 20 của Luật này và nội quy của cơ sở giam giữ.

- Người bị tạm giữ, người bị tạm giam bị hạn chế quyền đi lại, giao dịch, tiếp xúc, thông tin, liên lạc, tuyên truyền tín ngưỡng, tôn giáo. Trường hợp cần thiết thực hiện giao dịch dân sự thì phải thông qua người đại diện hợp pháp và được sự đồng ý của cơ quan đang thụ lý vụ án.

- Việc điều chuyển người bị tạm giữ, người bị tạm giam giữa các cơ sở giam giữ do thủ trưởng cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam quyết định sau khi thống nhất với thủ trưởng cơ quan đang thụ lý vụ án và thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp biết. Thẩm quyền điều chuyển người bị tạm giữ, người bị tạm giam được quy định như sau:

+ Việc điều chuyển giữa các cơ sở giam giữ thuộc cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, quân khu và tương đương do thủ trưởng cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam cấp tỉnh, cấp quân khu quyết định;

+ Việc điều chuyển giữa các cơ sở giam giữ không thuộc cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, quân khu và tương đương do thủ trưởng cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam cấp tỉnh, cấp quân khu nơi chuyển đi quyết định sau khi thống nhất với thủ trưởng cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam cấp tỉnh, cấp quân khu nơi nhận;

+ Việc điều chuyển giữa cơ sở giam giữ Công an cấp tỉnh, cấp quân khu với cơ sở giam giữ thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng do thủ trưởng cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quyết định;

+ Việc điều chuyển giữa cơ sở giam giữ trong Công an nhân dân với cơ sở giam giữ trong Quân đội nhân dân do thủ trưởng cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam nơi chuyển đi quyết định sau khi thống nhất với thủ trưởng cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam nơi nhận.

***91. Trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam vi phạm nội quy của cơ sở giam giữ, chế độ quản lý giam giữ***

Theo Điều 23 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 về kỷ luật người bị tạm giữ, người bị tạm giam vi phạm nội quy của cơ sở giam giữ, chế độ quản lý giam giữ thì:

- Người bị tạm giữ, người bị tạm giam vi phạm nội quy của cơ sở giam giữ, chế độ quản lý giam giữ thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị kỷ luật bằng một trong các hình thức sau đây:

+ Cảnh cáo;

+ Cách ly ở buồng kỷ luật từ 01 ngày đến 02 ngày và có thể bị gia hạn đến 02 ngày đối với người bị tạm giữ; cách ly ở buồng kỷ luật từ 03 ngày đến 07 ngày và có thể bị gia hạn đến 10 ngày đối với người bị tạm giam. Thời hạn cách ly không quá thời hạn tạm giữ, tạm giam còn lại.

- Việc kỷ luật bằng hình thức cách ly được thực hiện nếu người bị tạm giữ, người bị tạm giam vi phạm nội quy của cơ sở giam giữ, chế độ quản lý giam giữ hai lần trở lên hoặc có các hành vi quy định tại khoản 5 và khoản 7 Điều 8 của Luật này.

- Người bị cách ly ở buồng kỷ luật nếu có hành vi chống phá quyết liệt cơ sở giam giữ, tự sát, tự gây thương tích cho bản thân, xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác thì bị cùm một chân. Thời gian bị cùm chân do thủ trưởng cơ sở giam giữ quyết định. Không áp dụng cùm chân đối với người bị kỷ luật là người dưới 18 tuổi, phụ nữ, người khuyết tật nặng trở lên, người đủ 70 tuổi trở lên. Trong thời gian bị cách ly ở buồng kỷ luật, người bị tạm giữ, người bị tạm giam bị hạn chế việc thăm gặp, gửi, nhận thư, nhận quà.

- Việc kỷ luật và việc hạn chế thăm gặp, gửi, nhận thư, nhận quà đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam do thủ trưởng cơ sở giam giữ quyết định bằng văn bản. Biên bản về việc vi phạm và quyết định kỷ luật được đưa vào hồ sơ quản lý giam giữ. Nếu người bị kỷ luật có tiến bộ thì thủ trưởng cơ sở giam giữ quyết định bằng văn bản việc giảm thời hạn kỷ luật, bãi bỏ việc hạn chế thăm gặp, gửi, nhận thư, nhận quà đối với người đó.

***92. Đề nghị cho biết định mức ăn của người bị tạm giữ, người bị tạm giam được pháp luật quy định như thế nào?***

Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2017/NĐ-CP ngày 06/11/2017 có quy định về về định mức ăn của người bị tạm giữ, người bị tạm giam như sau:

- Định mức ăn trong một tháng của người bị tạm giam gồm: 17 kg gạo tẻ loại trung bình, 0,5 kg đường loại trung bình, 15 kg rau, 0,7 kg thịt, 0,8 kg cá, 01 kg muối, 0,75 lít nước chấm, 0,1 kg bột ngọt và chất đốt tương đương 17 kg củi hoặc 15 kg than, 45 kw/h điện, 3 m3 nước để đảm bảo phục vụ ăn, uống và sinh hoạt của người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

- Định mức ăn của người bị tạm giữ được tính theo ngày trên cơ sở định mức ăn của người bị tạm giam.

- Định mức trên do Nhà nước cấp và quy ra tiền theo thời giá thị trường ở địa phương nơi có cơ sở giam giữ.

***93. Do có hành vi trộm cắp tài sản, Chị Trần Thị M bị bắt và hiện đang bị tạm giam để phục vụ điều tra. Hiện tại chị M đang có thai được 5 tháng. Do có thai nên chị M thường xuyên cảm thấy đói và ăn nhiều hơn những người đang bị tạm giữ khác. Hỏi chế độ định mức ăn của chị M trong thời gian bị tạm giam được quy định như thế nào?***

Chế độ ăn của chị Trần Thị M được quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 120/NĐ-CP ngày 06/11/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thi hành tạm giữ, tạm giam về định mức ăn của người bị tạm giữ, người bị tạm giam như sau: Người bị tạm giữ, người bị tạm giam là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi được hưởng định mức ăn như người bị tạm giữ, người bị tạm giam khác và được ăn tăng thêm 30% định lượng về thịt, cá. Người bị tạm giữ, người bị tạm giam sinh con được thanh toán viện phí và bồi dưỡng bằng hiện vật trị giá tương đương 30 kg gạo tẻ loại trung bình.

Đề nghị cho biết chế độ mặc và tư trang của người bị tạm giữ, người bị tạm giam được pháp luật quy định ra sao?

Tại Điều 6 Nghị định số 120/2017/NĐ-CP ngày 06/11/2017 có quy định về chế độ mặc và tư trang của người bị tạm giữ, người bị tạm giam như sau:

- Người bị tạm giữ, người bị tạm giam được sử dụng quần, áo, chăn, chiếu, màn và các đồ dùng cần thiết cho sinh hoạt của cá nhân, nếu thiếu thì cơ sở giam giữ cho mượn theo tiêu chuẩn mỗi người gồm: 01 chiếu, 01 màn cá nhân, 01 đôi dép, 02 bộ quần áo dài, 01 áo ấm mùa đông và 01 chăn (các cơ sở giam giữ từ thành phố Đà Nẵng trở vào dùng chăn sợi, từ tỉnh Thừa Thiên Huế trở ra dùng chăn bông loại không quá 02 kg).

Người bị tạm giữ được cấp 01 bàn chải đánh răng, kem đánh răng loại thường không quá 20g, 01 khăn rửa mặt.

Người bị tạm giam được cấp 01 bàn chải đánh răng, kem đánh răng loại thường không quá 100g dùng trong 02 tháng, 01 khăn rửa mặt dùng trong 04 tháng, mỗi tháng được cấp 0,3 kg xà phòng giặt.

Người bị tạm giữ, người bị tạm giam là phụ nữ được cấp thêm đồ dùng cần thiết cho vệ sinh của phụ nữ giá trị tương đương 02 kg gạo tẻ loại trung bình/01 tháng.

- Cơ sở giam giữ cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam mượn quần áo theo mẫu thống nhất, áo kiểu bludong dài tay, quần dài có chun, không đóng số, màu xanh lam.

***94.******Ông Trần Văn H đang bị tạm giam để điều tra về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vốn bị tiểu đường tuýp II và suy thận mãn tính nên ông H thường xuyên phải điều trị, sức khỏe không tốt. Trong thời gian bị tạm giam ông H vẫn tiếp tục phải điều trị. Hỏi pháp luật quy định như thế nào về kinh phí khám, chữa bệnh cho người bị tạm giam?***

Kinh phí khám, chữa bệnh cho người bị tạm giam (ông Trần Văn H) được quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 120/2017/NĐ-CP như sau: Kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam căn cứ theo mức độ nặng, nhẹ của bệnh tật và được thanh toán theo định mức chế độ bảo hiểm y tế. Trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam mắc bệnh nặng, kinh phí điều trị vượt quá định mức chi trả theo quy định của bảo hiểm y tế sẽ do ngân sách nhà nước bảo đảm, trừ trường hợp thân nhân hoặc người đại diện hợp pháp của người bị tạm giữ, người bị tạm giam tự nguyện chi trả kinh phí điều trị bệnh.

***95. Đề nghị cho biết trẻ em dưới 36 tháng tuổi ở cùng mẹ trong cơ sở giam giữ mà bị bệnh nặng thì được điều trị ở cơ sở y tế như thế nào?***

Tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 120/2017/NĐ-CP ngày 06/11/2017 có quy định:

*“2. Trẻ em dưới 36 tháng tuổi ở cùng mẹ trong cơ sở giam giữ được chăm sóc y tế, tiêm phòng theo quy định của Bộ Y tế, trường hợp bị bệnh nặng vượt quá khả năng điều trị của bệnh xá, cơ sở giam giữ làm thủ tục chuyển đến cơ sở y tế của Nhà nước để điều trị; thủ trưởng cơ sở giam giữ quyết định việc trích xuất và áp giải người bị tạm giữ, người bị tạm giam là mẹ của trẻ đi cùng để chăm sóc.*

*Cơ sở giam giữ có trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế trong việc khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới 36 tháng tuổi ở cùng mẹ trong cơ sở giam giữ tại bệnh xá, bệnh viện trong cơ sở giam giữ và các cơ sở y tế của Nhà nước”.*

**III. Tìm hiểu một số quy định của pháp luật về tổ chức bộ máy nhà nước liên quan đến phòng, chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người**

***96. Qua tìm hiểu, tôi được biết Quốc hội khóa XIII vừa thông qua Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015. Luật được xây dựng trên quan điểm nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm và tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong hoạt động điều tra hình sự. Tôi muốn biết rõ hơn trong nội dung Luật có quy định nào liên quan đến phòng, chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người hay không? Việc*** ***tổ chức điều tra hình sự dựa trên nguyên tắc nào?***

Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự được Quốc hội Khóa XIII thông qua ngày 26/11/2015 tại kỳ họp thứ 10; được Chủ tịch nước ký lệnh công bố ngày 8/12/2015 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2016. Văn bản luật có quy định liên quan đến phòng, chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người tại khoản 2 Điều 14 quy định về những hành vi bị nghiêm cấm và tại một số quy định khác. Theo đó, một trong các hành vi bị nghiêm cấm là:

“*Bức cung, dùng nhục hình và các hình thức tra tấn hoặc đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người hay bất kỳ hình thức nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân...”.*

Về nguyên tắc tổ chức điều tra hình sự được quy định Điều 3 của Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự, bao gồm:

- Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

- Bảo đảm sự chỉ đạo, chỉ huy tập trung thống nhất, hiệu lực, hiệu quả; phân công, phân cấp rành mạch, chuyên sâu, tránh chồng chéo và được kiểm soát chặt chẽ; điều tra kịp thời, nhanh chóng, chính xác, khách quan, toàn diện, đầy đủ, không để lọt tội phạm và không làm oan sai người vô tội.

- Cơ quan điều tra cấp dưới chịu sự hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ của Cơ quan điều tra cấp trên; cá nhân chịu trách nhiệm trước cấp trên và trước pháp luật về hành vi, quyết định của mình.

- Chỉ cơ quan, người có thẩm quyền quy định trong Luật này mới được tiến hành hoạt động điều tra hình sự.

Đây là những tư tưởng chỉ đạo, có tính xuyên suốt mà các cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải tuân thủ trong quá trình tổ chức điều tra hình sự. Những quy định này góp phần bảo đảm quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong hoạt động điều tra hình sự.

***97. Đề nghị cho biết cơ quan nào có thẩm quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong******hoạt động điều tra hình sự?***

Để khẳng định vai trò, vị trí và trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra hình sự (phù hợp với Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Bộ luật Tố tụng hình sự sửa đổi), Điều 11 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự đã quy định: Viện kiểm sát kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra; Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện yêu cầu, quyết định của Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; xem xét, giải quyết, trả lời kiến nghị của Viện kiểm sát theo quy định pháp luật.

***98. Xin hỏi, theo Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015, các hành vi nào bị nghiêm cấm?***

Theo quy định tại Điều 14 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015, những hành vi bị nghiêm cấm bao gồm:

- Làm sai lệch hồ sơ vụ án; truy cứu trách nhiệm hình sự người không có hành vi phạm tội; không truy cứu trách nhiệm hình sự người có hành vi phạm tội đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự; ra quyết định trái pháp luật; ép buộc người khác làm trái pháp luật; làm lộ bí mật điều tra vụ án; can thiệp trái pháp luật vào việc điều tra vụ án hình sự.

- Bức cung, dùng nhục hình và các hình thức tra tấn hoặc đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người hay bất kỳ hình thức nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Cản trở người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can thực hiện quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa, trợ giúp pháp lý; quyền khiếu nại, tố cáo; quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự.

- Cản trở người bào chữa, người thực hiện trợ giúp pháp lý thực hiện việc bào chữa, trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật.

- Chống đối, cản trở hoặc tổ chức, lôi kéo, xúi giục, kích động, cưỡng bức người khác chống đối, cản trợ hoạt động điều tra hình sự; xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người thi hành công vụ trong điều tra hình sự.

***99. Thế là bức cung? Hành vi này bị nghiêm cấm trong văn bản pháp luật nào?***

Theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015, hành vi bức cung là một trong các hành vi bị nghiêm cấm:

*“Bức cung, dùng nhục hình và các hình thức tra tấn hoặc đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người hay bất kỳ hình thức nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân”.*

Theo đó, bức cung là hành vi của người có trách nhiệm lấy lời khai trong hoạt động tư pháp đã sử dụng **các biện pháp, thủ đoạn trái pháp luật (như đe dọa, uy hiếp tinh thần, đánh đập, tra tấn, hoặc cùm kẹp, bỏ đói…) để buộc người bị lấy lời khai, hỏi cung phải khai ra thông tin liên quan đến vụ án, vụ việc.**

***100. Xin hỏi, Viện Kiểm sát nhân dân là cơ quan có thẩm quyền, chức năng và nhiệm vụ như thế nào?***

Theo quy định tại Điều 2 Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân về chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân như sau:

- Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

***101. Tôi được biết trong hệ thống cơ quan tư pháp, Viện Kiểm sát nhân dân đã khẳng định vai trò là một thiết chế hữu hiệu trong việc bảo vệ Hiến pháp và pháp luật, thực hành quyền công tố đấu tranh với các loại tội phạm, trở thành chỗ dựa đáng tin cậy của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người. Vậy Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố như thế nào?***

Chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân được quy định tại Điều 3 Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân, theo đó:

- Thực hành quyền công tố là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội, được thực hiện ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự.

- Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố nhằm bảo đảm:

+ Mọi hành vi phạm tội, người phạm tội phải được phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội;

+ Không để người nào bị khởi tố, bị bắt, tạm giữ, tạm giam, bị hạn chế quyền con người, quyền công dân trái luật.

- Khi thực hiện chức năng thực hành quyền công tố, Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

+ Yêu cầu khởi tố, hủy bỏ quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án trái pháp luật, phê chuẩn, không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; trực tiếp khởi tố vụ án, khởi tố bị can trong những trường hợp do Bộ luật tố tụng hình sự quy định;

+ Quyết định, phê chuẩn việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra, truy tố theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự;

+ Hủy bỏ các quyết định tố tụng trái pháp luật khác trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra;

+ Khi cần thiết đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện;

+ Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan cung cấp tài liệu để làm rõ tội phạm, người phạm tội;

+ Trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; tiến hành một số hoạt động điều tra để làm rõ căn cứ quyết định việc buộc tội đối với người phạm tội;

+ Điều tra các tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp, các tội phạm về tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp theo quy định của luật;

+ Quyết định việc áp dụng thủ tục rút gọn trong giai đoạn điều tra, truy tố;

+ Quyết định việc truy tố, buộc tội bị cáo tại phiên tòa;

+ Kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án trong trường hợp Viện kiểm sát nhân dân phát hiện oan, sai, bỏ lọt tội phạm, người phạm tội;

+ Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong việc buộc tội đối với người phạm tội theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

***102. Đề nghị cho biết, Viện Kiểm sát nhân dân thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp nhằm mục đích gì?***

Theo Điều 4 Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân, chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân bao gồm:

- Kiểm sát hoạt động tư pháp là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân để kiểm sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp, được thực hiện ngay từ khi tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình giải quyết vụ án hình sự; trong việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động; việc thi hành án, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp; các hoạt động tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát hoạt động tư pháp nhằm bảo đảm:

+ Việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; việc giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động; việc thi hành án; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp; các hoạt động tư pháp khác được thực hiện đúng quy định của pháp luật;

+ Việc bắt, tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù, chế độ tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù theo đúng quy định của pháp luật; quyền con người và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, người chấp hành án phạt tù không bị luật hạn chế phải được tôn trọng và bảo vệ;

+ Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được thi hành nghiêm chỉnh;

+ Mọi vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp phải được phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh.

***103. Xin hỏi, khi thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn như thế nào?***

Theo Khoản 3 Điều 4 Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân, khi thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động tư pháp theo đúng quy định của pháp luật; tự kiểm tra việc tiến hành hoạt động tư pháp thuộc thẩm quyền và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát nhân dân; cung cấp hồ sơ, tài liệu để Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định trong hoạt động tư pháp;

- Trực tiếp kiểm sát; xác minh, thu thập tài liệu để làm rõ vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp;

- Xử lý vi phạm; yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khắc phục, xử lý nghiêm minh vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp; kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm;

- Kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án có vi phạm pháp luật; kiến nghị hành vi, quyết định của Tòa án có vi phạm pháp luật; kháng nghị hành vi, quyết định có vi phạm pháp luật của cơ quan, người có thẩm quyền khác trong hoạt động tư pháp;

- Kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp; giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền;

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong kiểm sát hoạt động tư pháp theo quy định của pháp luật.

***104. M cho rằng quyết định của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh A đối với vụ việc của người họ hàng trong gia đình M chưa đúng theo các quy định pháp luật. M có quyền kiến nghị đối với quyết định này hay không?***

M có quyền kiến nghị với quyết định trái pháp luật của Viện Kiểm sát nhân dân A theo quy định tại Điều 9 Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân về quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân, cụ thể:

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành các quyết định, yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân; có quyền kiến nghị, khiếu nại, tố cáo các hành vi, quyết định trái pháp luật của Viện kiểm sát nhân dân; Viện kiểm sát nhân dân phải giải quyết, trả lời theo quy định của pháp luật.

- Khi có căn cứ cho rằng hành vi, quyết định của Viện kiểm sát nhân dân không có căn cứ, trái pháp luật thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Tòa án và Cơ quan thi hành án có quyền kiến nghị, yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân xem xét lại. Viện kiểm sát nhân dân phải giải quyết, trả lời theo quy định của pháp luật.

- Nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân cản trở, can thiệp vào hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân; lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khác của Viện kiểm sát nhân dân.

***105. Xin hỏi, khi phát hiện việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố không đầy đủ, vi phạm pháp luật thì Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ như thế nào?***

Theo Khoản 4 Điều 13 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân,khi phát hiện việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố không đầy đủ, vi phạm pháp luật thì Viện kiểm sát nhân dân yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện các hoạt động sau đây:

- Tiếp nhận, kiểm tra, xác minh, ra quyết định giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đầy đủ, đúng pháp luật;

- Kiểm tra việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát nhân dân;

- Cung cấp tài liệu về vi phạm pháp luật trong việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố;

- Khắc phục vi phạm pháp luật và xử lý nghiêm người vi phạm.

***106. Mỗi kỳ họp Quốc hội, ông T - một người nông dân sống tại vùng núi xa xôi của tỉnh biên giới phía Bắc nghe qua một số phương tiện thông tin đều thấynói “Đại biểu Quốc hội là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình và của Nhân dân cả nước, là người thay mặt Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước trong Quốc hội. Đại biểu Quốc hội chịu trách nhiệm trước cử tri và trước Quốc hội về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình...”. Ông T muốn biết rõ hơn trong quy định này trong văn bản pháp luật nào?***

Theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 đã quy định:

*“Đại biểu Quốc hội có quyền kiến nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng biện pháp cần thiết để thực hiện Hiến pháp, pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước, quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.”*

***107. Xin cho biết vai trò của thiết chế Chính phủ trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân?***

Theo quy định tại Điều 21 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015, Chính phủ có vai trò:

- Xây dựng và trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước quyết định các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước và xã hội, quyền con người, quyền công dân.

- Quyết định những biện pháp cụ thể để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước và xã hội, quyền con người, quyền công dân.

- Tạo điều kiện cho công dân sử dụng quyền và thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

***108. Lực lượng công an nhân dân có vai trò như thế nào trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân?***

Theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Công an nhân dân năm 2014, lực lượng công an nhân dân có vai trò:

Chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, loại trừ nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia; bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh trong các lĩnh vực tư tưởng - văn hóa, kinh tế, quốc phòng, đối ngoại, thông tin, xã hội, môi trường và các lợi ích khác của quốc gia; bảo vệ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền tự do, dân chủ của công dân, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

***109. Anh H làm việc tại công ty cơ khí A theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn từ năm 2013 đến nay và được bổ nhiệm vị trí Trưởng phòng. Do sơ xuất trong quá trình vận hành máy, H đã gây hậu quả làm sản phẩm của công ty bị sai kĩ thuật. Trước sự việc này, công ty ra quyết định tạm đình chỉ công việc đối với anh H 04 tháng để điều tra xác minh. Trong thời gian tạm đình chỉ, anh H đã bị Giám đốc công ty ra Quyết định hạ bậc lương, cắt chức Trưởng phòng. Anh H không đồng ý với quyết định này nên đã khiếu nại lên cơ quan cấp trên và bị cản trở, đe dọa trả thù. Xin hỏi, hành vi của giám đốc công ty bị sai phạm theo quy định văn bản pháp luật nào?***

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Luật Khiếu nại năm 2011 về các hành vi bị nghiêm cấm, trong đó có hành vi:

*“Cản trở, gây phiền hà cho người thực hiện quyền khiếu nại; đe doạ, trả thù, trù dập người khiếu nại”.*

Căn cứ quy định nêu trên, hành vi của giám đốc công ty A là vi phạm về các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Luật Khiếu nại.

***110. Chị K nghiên cứu Hiến pháp và được biết khoản 1 Điều 30 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân”. Đồng thời, nhà nước ta đã ban hành Luật Tố cáo quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo nhằm cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền tố cáo của công dân. Vậy, luật này có phạm vi điều chỉnh như thế nào?***

Theo Điều 1 Luật Tố cáo quy định: *“Luật này quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ và hành vi vi phạm pháp luật khác về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực; bảo vệ người tố cáo; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc quản lý công tác giải quyết tố cáo”*.

Đây là nội dung quan trọng, cơ bản nhất của Luật Tố cáo làm cơ sở cho việc quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết và những nội dung khác có liên quan của Luật. Luật Tố cáo mới năm 2018 có nội dung và phạm vi điều chỉnh hợp lý, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện quyền tố cáo; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong việc giải quyết tố cáo; quy định rõ thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết các loại tố cáo; có cơ chế hữu hiệu bảo vệ người tố cáo; đồng thời xử lý nghiêm minh đối với các hành vi vi phạm pháp luật về tố cáo.

***111. Bà H - 60 tuổi là nông dân tại xã K qua nghe đài truyền thanh của xóm******thông tin về việc Ủy ban nhân dân xã đã kịp thời giải quyết những khiếu nại và tố cáo của người dân trên địa bàn thời gian. Bà muốn biết rõ hơn các quy định về tố cáo là gì? Tố cáo được giải quyết trên cơ sở các nguyên tắc như thế nào?***

Tố cáo được quan niệm khác nhau tuỳ theo mức độ, phạm vi, đối tượng tố cáo. Về phương diện xã hội thì tố cáo thể hiện sự bất bình của người này đối với hành vi của người khác và báo cho cơ quan, tổ chức và người khác biết để có thái độ, biện pháp giải quyết. Về phương diện chính trị - pháp lý thì tố cáo là quyền của công dân, là phương thức để công dân giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước và bảo vệ lợi ích của nhà nước, xã hội và công dân.

Theo quy định tại Điều 4 Luật Tố cáo về nguyên tắc giải quyết tố cáo như sau:

- Việc giải quyết tố cáo phải kịp thời, chính xác, khách quan, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Việc giải quyết tố cáo phải bảo đảm an toàn cho người tố cáo; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo trong quá trình giải quyết tố cáo.

***112. Xin cho biết, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc tiếp nhận, giải quyết tố cáo được pháp luật quy định như thế nào?***

Điều 5 Luật Tố cáo quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc tiếp nhận, giải quyết tố cáo như sau:

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

+ Tổ chức việc tiếp nhận và giải quyết tố cáo theo đúng quy định của pháp luật; áp dụng biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn thiệt hại có thể xảy ra; bảo đảm an toàn cho người tố cáo; xử lý nghiêm minh người có hành vi vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình;

+ Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo khi chưa có kết luận nội dung tố cáo của người giải quyết tố cáo.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc tiếp nhận, giải quyết tố cáo mà không tiếp nhận, không giải quyết tố cáo theo đúng quy định của pháp luật, thiếu trách nhiệm trong việc tiếp nhận, giải quyết tố cáo hoặc giải quyết tố cáo trái pháp luật thì phải bị xử lý nghiêm minh; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường, bồi hoàn theo quy định của pháp luật.

***113. K băn khoăn khi cho rằng bên cạnh những trường hợp tố cáo mang tính xây dựng, tích cực thì cũng có không ít người lợi dụng quyền tố cáo để tố cáo sai sự thật, tố cáo tràn lan, không có căn cứ, gây phức tạp, mất đoàn kết nội bộ, làm tốn kém cả thời gian và công sức cho các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trong việc xem xét, giải quyết… Vậy hành vi nào bị nghiêm cấm trong Luật tố cáo?***

Tổng kết công tác giải quyết tố cáo những năm qua cho thấy, qua đơn thư tố cáo giúp cơ quan Nhà nước phát hiện nhiều hành vi tiêu cực, tham nhũng, vi phạm pháp luật, thậm chí tội phạm, để có biện pháp xử lý kịp thời, nghiêm minh những người vi phạm, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và công dân. Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy có không ít trường hợp công dân đã lợi dụng quyền tố cáo để tố cáo sai, vu cáo, vu khống nhằm làm hại uy tín, danh dự của người khác, gây mất đoàn kết nội bộ của một số cán bộ mất phẩm chất, kéo bè cánh vì những lợi ích cá nhân. Vì vậy, Điều 8 Luật Tố cáo quy định các hành vi sau đây bị nghiêm cấm trong tố cáo và giải quyết tố cáo, bao gồm:

- Cản trở, gây khó khăn, phiền hà cho người tố cáo.

- Thiếu trách nhiệm, phân biệt đối xử trong việc giải quyết tố cáo.

- Tiết lộ họ tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo và thông tin khác làm lộ danh tính của người tố cáo.

- Không giải quyết hoặc cố ý giải quyết tố cáo trái pháp luật; lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong việc giải quyết tố cáo để thực hiện hành vi trái pháp luật, sách nhiễu, gây phiền hà cho người tố cáo, người bị tố cáo.

- Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm bảo vệ người tố cáo.

- Can thiệp trái pháp luật, cản trở việc giải quyết tố cáo.

- Đe dọa, mua chuộc, trả thù, trù dập, xúc phạm người tố cáo.

***114. Từ đầu năm, xã D được đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông theo chương trình xây dựng nông thôn mới. Quá trình triển khai đã phát sinh đơn thư tố cáo của công dân. Nhiều người dân trong xã cho rằng tổng khối lượng chênh lệch vật liệu thôn đã mua so với mác bê tông thực tế tăng tương ứng với tổng giá trị trên 80 triệu đồng. Chất lượng bê tông đường không đảm bảo theo thiết kế được duyệt, mặt đường bong tróc, gồ ghề. Kết quả thực hiện không có biên bản bàn giao mặt bằng, mốc định vị công trình theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt; không có biên bản nghiệm thu nội dung công việc trong quá trình triển khai thực hiện… Một số người có ý định gửi Đơn tố cáo lên cấp trên, tuy nhiên lại lo sợ bị đe dọa và trả thù nên muốn biết rõ hơn pháp luật quy định người dân có quyền gì trong tố cáo?***

Luật Tố cáo đã có nhiều quy định cụ thể, chi tiết nhằm bảo vệ kịp thời, hiệu quả người tố cáo và người thân thích của người tố cáo. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Tố cáo, người tố cáo có các quyền sau đây:

Người tố cáo có các quyền sau đây:

- Được bảo đảm bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích và thông tin cá nhân khác;

- Đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ người tố cáo;

- Được khen thưởng, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

***115. Nêu chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân?***

Theo khoản 1 và 2 Điều 2 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân gồm:

- Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp.

Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Bằng hoạt động của mình, Tòa án góp phần giáo dục công dân trung thành với Tổ quốc, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, tôn trọng những quy tắc của cuộc sống xã hội, ý thức đấu tranh phòng, chống tội phạm, các vi phạm pháp luật khác.

- Tòa án nhân danh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính và giải quyết các việc khác theo quy định của pháp luật; xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình tố tụng; căn cứ vào kết quả tranh tụng ra bản án, quyết định việc có tội hoặc không có tội, áp dụng hoặc không áp dụng hình phạt, biện pháp tư pháp, quyết định về quyền và nghĩa vụ về tài sản, quyền nhân thân.

Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành.

***116. Tôi được biết Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp. Vậy khi thực hiện nhiệm vụ xét xử vụ án hình sự, Tòa án có quyền như thế nào?***

Theo khoản 3 Điều 2 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, khi thực hiện nhiệm vụ xét xử vụ án hình sự, Tòa án có quyền:

- Xem xét, kết luận về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Luật sư trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; xem xét việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án;

- Xem xét, kết luận về tính hợp pháp của các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; do Luật sư, bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác cung cấp;

- Khi xét thấy cần thiết, trả hồ sơ yêu cầu Viện kiểm sát điều tra bổ sung; yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung tài liệu, chứng cứ hoặc Tòa án kiểm tra, xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Yêu cầu Điều tra viên, Kiểm sát viên và những người khác trình bày về các vấn đề có liên quan đến vụ án tại phiên tòa; khởi tố vụ án hình sự nếu phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm;

- Ra quyết định để thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tòa án xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính và thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của luật tố tụng.

- Xử lý vi phạm hành chính; xem xét đề nghị của cơ quan quản lý nhà nước và quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính liên quan đến quyền con người, quyền cơ bản của công dân theo quy định của pháp luật.

- Ra quyết định thi hành bản án hình sự, hoãn chấp hành hình phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, giảm hoặc miễn chấp hành hình phạt, xóa án tích, miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước; thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của Bộ luật hình sự, Luật thi hành án hình sự, Luật thi hành án dân sự.

- Ra quyết định hoãn, miễn, giảm, tạm đình chỉ chấp hành biện pháp xử lý hành chính do Tòa án áp dụng và thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.

- Trong quá trình xét xử vụ án, Tòa án phát hiện và kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ văn bản pháp luật trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức; cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời Tòa án kết quả xử lý văn bản pháp luật bị kiến nghị theo quy định của pháp luật làm cơ sở để Tòa án giải quyết vụ án.

- Bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử.

- Thực hiện quyền hạn khác theo quy định của luật.

***117. Ngay sau khi bản án sơ thẩm về tranh chấp đất đai của hai gia đình ông T và H được tuyên bố, ông T đã không đồng ý và có đơn kháng cáo theo quy định của luật tố tụng. Pháp luật quy định về nội dung này như thế nào?***

Theo quy định về Điều 6 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân về bảo đảm chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm như sau:

- Chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm được bảo đảm.

Bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của luật tố tụng. Bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị trong thời hạn do luật định thì có hiệu lực pháp luật.

Bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị thì vụ án phải được xét xử phúc thẩm. Bản án, quyết định phúc thẩm của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật mà phát hiện có vi phạm pháp luật hoặc có tình tiết mới theo quy định của luật tố tụng thì được xem xét lại theo trình tự giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

***118. Để bảo đảm xét xử, Tòa án thực hiện chế độ xét xử có Hội thẩm tham gia. Xin cho biết, việc xét xử này được pháp luật quy định như thế nào?***

Theo quy định tại Điều 8 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân về thực hiện chế độ xét xử có Hội thẩm tham gia quy định:

Việc xét xử sơ thẩm của Tòa án có Hội thẩm tham gia theo quy định của luật tố tụng, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn.

***119. Thế nào là quyền bình đẳng trước Tòa án nhân dân?***

Theo quy định Điều 12 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân về bảo đảm quyền bình đẳng trước Tòa án nhân dân như sau:

Tòa án xét xử theo nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt dân tộc, giới tính, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần xã hội, địa vị xã hội; cá nhân, cơ quan, tổ chức đều bình đẳng trước Tòa án.

***120. Sỹ quan quân đội có nghĩa vụ như thế nào?***

Điều 26 Luật Sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999 về nghĩa vụ của sĩ quan bao gồm:

- Sẵn sàng chiến đấu, hy sinh bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tham gia xây dựng đất nước, bảo vệ tài sản và lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức; bảo vệ tính mạng, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân;

- Thường xuyên giữ gìn và trau dồi đạo đức cách mạng, học tập, rèn luyện nâng cao trình độ, kiến thức, năng lực về chính trị, quân sự, văn hoá, chuyên môn và thể lực để hoàn thành nhiệm vụ;

- Tuyệt đối phục tùng tổ chức, phục tùng chỉ huy; nghiêm chỉnh chấp hành điều lệnh, điều lệ, chế độ, quy định của quân đội; giữ bí mật quân sự, bí mật quốc gia;

- Thường xuyên chăm lo lợi ích vật chất và tinh thần của bộ đội;

- Gương mẫu chấp hành và vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tôn trọng và gắn bó mật thiết với nhân dân.

***121. Đề nghị cho biết các hành vị bị nghiêm cấm trong Luật******An ninh quốc gia năm 2004?***

Điều 13 Luật An ninh quốc gia năm 2004 quy định các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm:

- Tổ chức, hoạt động, câu kết, xúi giục, khống chế, kích động, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo người khác nhằm chống chính quyền nhân dân, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, chia cắt đất nước, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Nhận nhiệm vụ của tổ chức, cá nhân để hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tham gia, giúp sức, cung cấp tài chính, vũ khí, phương tiện cho các tổ chức, cá nhân hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

- Thu thập, tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sử dụng, tiết lộ, cung cấp, tán phát trái phép tin tức, tài liệu, vật phẩm thuộc bí mật nhà nước.

- Xâm phạm mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia.

- Chống lại hoặc cản trở cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia.

- Lợi dụng việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- Hành vi khác xâm phạm an ninh quốc gia được quy định tại Bộ luật hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan.

***122. Đề nghị cho biết những việc quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng không được làm?***

Theo quy định tại Điều 7 Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng năm 2015, những việc quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng không được làm bao gồm:

- Chống mệnh lệnh; trốn tránh, thoái thác nhiệm vụ được giao.

- Lợi dụng chức trách, nhiệm vụ được giao để xâm phạm lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Những việc trái với pháp luật, điều lệnh, điều lệ và kỷ luật của Quân đội nhân dân.

- Những việc mà pháp luật quy định cán bộ, công chức, viên chức không được làm.

***123. Về hưu, ông Q rất thích nghiên cứu và tìm hiểu các văn bản pháp luật và được biết, thời gian qua các Cơ quan điều tra, các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án các cấp trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử; về cơ bản đã bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn xảy ra một số vụ oan, sai, có vụ nghiêm trọng, gây bức xúc trong dư luận; có một số trường hợp còn chậm bồi thường cho người bị thiệt hại. So với yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân thì việc phòng, chống oan, sai còn hạn chế, bất cập. Ông Q muốn biết rõ hơn để giảm thiểu tình trạng án oan, sai, pháp luật có quy định như thế nào?***

Để tạo chuyển biến căn bản, không để xảy ra oan, sai và bảo đảm bồi thường cho người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự, Quốc hội khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 96/2015/QH13 ngày 26/6/2015 về tăng cường các biện pháp phòng, chống oan sai và bảo đảm bồi thường cho người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự. Theo đó, tại Khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 96/2015/QH13 đã giao trách nhiệm:

Chỉ đạo Viện kiểm sát các cấp thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố gắn với hoạt động điều tra và kiểm sát hoạt động tư pháp; phối hợp chặt chẽ, kịp thời với các cơ quan có thẩm quyền điều tra trong xử lý tội phạm; bảo đảm việc khởi tố, bắt, tạm giữ, tạm giam, truy tố có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; không để xảy ra oan, sai; khắc phục tình trạng buông lỏng trách nhiệm, thống nhất một chiều với Cơ quan điều tra trong phân loại, xử lý vụ án; chấn chỉnh việc đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án không đúng pháp luật; tăng cường trách nhiệm công tố, tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự; kịp thời giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là đơn kêu oan, đơn tố cáo bức cung, dùng nhục hình.

***124. Hai bạn học sinh cấp 3 là N và M tranh luận khi N cho rằng tham nhũng chỉ nói đến những người có chức, quyền làm trong khu vực nhà nước và do người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước thực hiện như tham ô tài sản hay nhận hối lộ… Còn những người không làm trong nhà nước có hành vi tương tự thì không gọi là tham nhũng. Trong khi M lại có ý kiến ngược lại khi cho rằng, người làm việc ngoài khu vực nhà nước vẫn có được coi là tham nhũng nếu vi phạm các hành vi này. Vậy ý kiến nào đúng?***

Ý kiến của M là đúng, vì hành vi tham nhũng có thể do người có chức vụ, quyền hạn trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật Phòng, chống tham nhũng quy định:

Các hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thực hiện bao gồm:

- Tham ô tài sản;

- Nhận hối lộ;

- Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của doanh nghiệp, tổ chức mình vì vụ lợi.

***125. Công dân có quyền hạn và nghĩa vụ gì trong việc phòng, chống tham nhũng?***

Theo quy định tại Điều 5 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, quyền và nghĩa vụ của công dân trong phòng, chống tham nhũng bao gồm:

- Công dân có quyền phát hiện, phản ánh, tố cáo, tố giác, báo tin về hành vi tham nhũng và được bảo vệ, khen thưởng theo quy định của pháp luật; có quyền kiến nghị với cơ quan nhà nước hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng và giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

- Công dân có nghĩa vụ hợp tác, giúp đỡ cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong phòng, chống tham nhũng.

***126. Bà H rất lo lắng khi biết chồng mình là ông P là nhân viên của công ty X có ý định làm đơn tố giác hành vi tham nhũng của giám đốc công ty đến cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, ông P đã trấn an bà H không phải lo lắng, vì hành vi của mình đã được pháp luật bảo vệ, các hành vi đe dọa, trù dập hay tiết lộ thông tin về hành vi tham nhũng bị nghiêm cấm theo quy định pháp luật. Xin hỏi ý kiến của ông P đúng hay sai?***

Ý kiến của ông P là hoàn toàn đúng theo quy định tại Điều 8 Luật Phòng, chống tham nhũng về các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm:

- Các hành vi tham nhũng quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng (Tham ô tài sản; nhận hối lộ, Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản…).

- Đe dọa, trả thù, trù dập, tiết lộ thông tin về người phản ánh, báo cáo, tố cáo, tố giác, báo tin, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng.

- Lợi dụng việc phản ánh, báo cáo, tố cáo, tố giác, báo tin, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng để vu khống cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác.

- Bao che hành vi tham nhũng; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc phát hiện, xử lý tham nhũng và các hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng.

***127. Pháp luật quy định như thế nào về nguyên tắc và nội dung công khai, minh bạch?***

Theo quy định Điều 9 và 10 Luật Phòng, chống tham nhũng về nguyên tắc và nội dung công khai, minh bạch bao gồm:

- Nguyên tắc công khai, minh bạch:

+ Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai, minh bạch thông tin về tổ chức, hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh và nội dung khác theo quy định của pháp luật.

+ Việc công khai, minh bạch phải bảo đảm chính xác, rõ ràng, đầy đủ, kịp thời theo trình tự, thủ tục do cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quy định và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật về các nội dung sau đây:

+ Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức; người lao động; cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và công dân;

+ Việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác;

+ Công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn;

+ Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung không thuộc trường hợp quy định nêu trên mà theo quy định của pháp luật phải công khai, minh bạch.

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác ngoài nội dung công khai, minh bạch quy định nêu trên còn phải công khai, minh bạch về thủ tục hành chính.

***128. Đề nghị cho biết pháp luật quy định như thế nào về các nguyên tắc phòng, chống khủng bố?***

Nguyên tắc phòng, chống khủng bố được quy định tại Điều 4 Luật Phòng, chống khủng bố, bao gồm:

- Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý thống nhất của Nhà nước, tham gia của toàn xã hội, lực lượng Công an nhân dân chủ trì phối hợp với Quân đội nhân dân làm nòng cốt.

- Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật; bảo đảm độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Phòng ngừa là chính; chủ động phát hiện, ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm minh tổ chức, cá nhân khủng bố, tài trợ khủng bố.

- Bảo vệ an toàn tính mạng, sức khỏe con người, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân; hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại xảy ra.

***129. Pháp luật về phòng, chống khủng bố nghiêm cấm những hành vi như thế nào?***

Các hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại Điều 6 Luật Phòng, chống khủng bố bao gồm:

- Các hành vi khủng bố, tài trợ khủng bố theo quy định của Luật Phòng, chống khủng bố.

- Che giấu, chứa chấp, không tố giác hành vi khủng bố, tài trợ khủng bố.

- Làm lộ bí mật nhà nước trong phòng, chống khủng bố.

- Cố ý lan truyền thông tin giả về khủng bố, tài trợ khủng bố; cản trở, gây khó khăn cho hoạt động phòng, chống khủng bố.

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong phòng, chống khủng bố để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

***130.*** ***Mỗi ngày đến cơ quan, chị Y là công chức hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh X đều chuẩn bị trang phục gọn gàng và mang thẻ công chức đầy đủ. Đồng thời, trong công việc, chị Y luôn có thái độ lịch sự, đúng mực với đồng nghiệp vì chị Y cho rằng đây là văn hóa giao tiếp ở công sở đã được quy định cụ thể trong luật. Ý kiến của chị Y có đúng hay không?***

Ý kiến của chị Y hoàn toàn chính xác theo quy định tại Điều 16 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 về văn hóa giao tiếp ở công sở bao gồm:

- Trong giao tiếp ở công sở, cán bộ, công chức phải có thái độ lịch sự, tôn trọng đồng nghiệp; ngôn ngữ giao tiếp phải chuẩn mực, rõ ràng, mạch lạc.

- Cán bộ, công chức phải lắng nghe ý kiến của đồng nghiệp; công bằng, vô tư, khách quan khi nhận xét, đánh giá; thực hiện dân chủ và đoàn kết nội bộ.

- Khi thi hành công vụ, cán bộ, công chức phải mang phù hiệu hoặc thẻ công chức; có tác phong lịch sự; giữ gìn uy tín, danh dự cho cơ quan, tổ chức, đơn vị và đồng nghiệp.

***131. Đề nghị cho biết văn hóa giao tiếp với nhân dân của cán bộ, công chức có nội dung như thế nào?***

Theo quy định tại Điều 17 Luật Cán bộ, công chức về văn hóa giao tiếp với nhân dân như sau:

- Cán bộ, công chức phải gần gũi với nhân dân; có tác phong, thái độ lịch sự, nghiêm túc, khiêm tốn; ngôn ngữ giao tiếp phải chuẩn mực, rõ ràng, mạch lạc.

- Cán bộ, công chức không được hách dịch, cửa quyền, gây khó khăn, phiền hà cho nhân dân khi thi hành công vụ.

***132.******Pháp luật quy định những việc nào cán bộ, công chức không được làm liên quan đến đạo đức công vụ?***

Theo quy định tại Điều 18 Luật Cán bộ, công chức về những việc cán bộ, công chức không được làm liên quan đến đạo đức công vụ bao gồm:

- Trốn tránh trách nhiệm, thoái thác nhiệm vụ được giao; gây bè phái, mất đoàn kết; tự ý bỏ việc hoặc tham gia đình công.

- Sử dụng tài sản của Nhà nước và của nhân dân trái pháp luật.

- Lợi dụng, lạm dụng nhiệm vụ, quyền hạn; sử dụng thông tin liên quan đến công vụ để vụ lợi.

- Phân biệt đối xử dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo dưới mọi hình thức.

***133. Do thiếu may mắn, nên ngay từ khi sinh ra, M đã bị khuyết tật bẩm sinh không nghe được. Mặc dù vậy, M rất ham học hỏi và tìm hiểu kiến thức. M muốn biết đối với người khuyết tật việc tiếp cận thông tin có bị hạn chế hay không?***

Theo quy định tại khoản 1 và 5 Điều 3 Luật Tiếp cận thông tinvề nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin thì:

- Mọi công dân đều bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

- Việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác.

Như vậy, dù M bị khuyết tật song đều bình đẳng như mọi công dân khác, không bị phân biệt đối xử trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của mình.

***134. Vì K cho rằng mọi thông tin hoạt động của các cơ quan nhà nước phải được công khai, nên K nhiều lần đã đến Ủy ban nhân dân tỉnh P yêu cầu được cung cấp mọi thông tin liên quan đến hoạt động của Ủy ban nhân dân, kể cả các thông tin về cuộc họp nội bộ của Ủy ban; tài liệu do Ủy ban soạn thảo cho công việc nội bộ…Mặc dù K đã được người có nhiệm vụ giải thích đây là những thông tin công dân không được tiếp cận, nhưng K vẫn không đồng ý vì cho rằng đây là quyền của công dân trong việc tiếp cận thông tin. Ý kiến của K là đúng hay sai?***

Ý kiến của K là sai, vì pháp luật quy định trong việc tiếp cận thông tin, công dân vừa có quyền, vừa có nghĩa vụ cụ thể theo quy định tại Điều 8 Luật Tiếp cận thông tin, cụ thể:

- Công dân có quyền:

+ Được cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời;

+ Khiếu nại, khởi kiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin.

- Công dân có nghĩa vụ:

+ Tuân thủ quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin;

+ Không làm sai lệch nội dung thông tin đã được cung cấp;

+ Không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

***135. Pháp luật quy định các hành vi nào bị nghiêm cấm trong việc tiếp cận thông tin?***

Điều 11 Luật Tiếp cận thông tin quy định về các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm:

- Cố ý cung cấp thông tin sai lệch, không đầy đủ, trì hoãn việc cung cấp thông tin; hủy hoại thông tin; làm giả thông tin.

- Cung cấp hoặc sử dụng thông tin để chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại chính sách đoàn kết, kích động bạo lực.

-. Cung cấp hoặc sử dụng thông tin nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, gây kỳ thị về giới, gây thiệt hại về tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

- Cản trở, đe dọa, trù dập người yêu cầu, người cung cấp thông tin.

**IV. Tìm hiểu một số quy định về phòng, chống tra tấn, đối xử tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người tại nơi làm việc, bạo lực giới, bạo lực gia đình**

1. ***Xin hỏi cưỡng bức lao động được hiểu như thế nào?***

Theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Bộ luật lao động năm 2019 thì cưỡng bức lao động là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc các thủ đoạn khác để ép buộc người lao động phải làm việc trái ý muốn của họ.

1. ***Đề nghị cho biết, phân biệt đối xử trong lao động là gì?***

Theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Bộ luật lao động năm 2019 thì phân biệt đối xử trong lao động là hành vi phân biệt, loại trừ hoặc ưu tiên dựa trên chủng tộc, màu da, nguồn gốc quốc gia hoặc nguồn gốc xã hội, dân tộc, giới tính, độ tuổi, tình trạng thai sản, tình trạng hôn nhân, tôn giáo, tín ngưỡng, chính kiến, khuyết tật, trách nhiệm gia đình hoặc trên cơ sở tình trạng nhiễm HIV hoặc vì lý do thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn, tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp có tác động làm ảnh hưởng đến bình đẳng về cơ hội việc làm hoặc nghề nghiệp.

Việc phân biệt, loại trừ hoặc ưu tiên xuất phát từ yêu cầu đặc thù của công việc và các hành vi duy trì, bảo vệ việc làm cho người lao động dễ bị tổn thương thì không bị xem là phân biệt đối xử.

**138.** ***Hãy cho biết, người lao động có những quyền gì theo quy định của pháp luật?***

Tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật lao động năm 2019 quy định người lao động có các quyền sau đây:

- Làm việc; tự do lựa chọn việc làm, nơi làm việc, nghề nghiệp, học nghề, nâng cao trình độ nghề nghiệp; không bị phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, quấy rối tình dục tại nơi làm việc;

- Hưởng lương phù hợp với trình độ, kỹ năng nghề trên cơ sở thỏa thuận với người sử dụng lao động; được bảo hộ lao động, làm việc trong điều kiện bảo đảm về an toàn, vệ sinh lao động; nghỉ theo chế độ, nghỉ hằng năm có hưởng lương và được hưởng phúc lợi tập thể;

- Thành lập, gia nhập, hoạt động trong tổ chức đại diện người lao động, tổ chức nghề nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật; yêu cầu và tham gia đối thoại, thực hiện quy chế dân chủ, thương lượng tập thể với người sử dụng lao động và được tham vấn tại nơi làm việc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình; tham gia quản lý theo nội quy của người sử dụng lao động;

- Từ chối làm việc nếu có nguy cơ rõ ràng đe dọa trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe trong quá trình thực hiện công việc;

- Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động;

- Đình công;

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

***139. Theo quy định của Bộ luật lao động, người sử dụng lao động có nghĩa vụ gì?***

Tại khoản 2 Điều 6 Bộ luật lao động năm 2019 quy định người sử dụng lao động có các nghĩa vụ sau đây:

- Thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể và thỏa thuận hợp pháp khác; tôn trọng danh dự, nhân phẩm của người lao động;

- Thiết lập cơ chế và thực hiện đối thoại, trao đổi với người lao động và tổ chức đại diện người lao động; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc;

- Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nhằm duy trì, chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động;

- Thực hiện quy định của pháp luật về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và an toàn, vệ sinh lao động; xây dựng và thực hiện các giải pháp phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc;

- Tham gia phát triển tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, đánh giá, công nhận kỹ năng nghề cho người lao động.

**140*. Xin hỏi, hành vi nào bị nghiêm cấm trong lĩnh vực lao động?***

Theo quy định tại Điều 8 Bộ luật lao động năm 2019 thì các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực lao động bao gồm:

- Phân biệt đối xử trong lao động.

- Ngược đãi người lao động, cưỡng bức lao động.

- Quấy rối tình dục tại nơi làm việc.

- Lợi dụng danh nghĩa dạy nghề, tập nghề để trục lợi, bóc lột sức lao động hoặc lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc người học nghề, người tập nghề vào hoạt động trái pháp luật.

- Sử dụng lao động chưa qua đào tạo hoặc chưa có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đối với nghề, công việc phải sử dụng lao động đã được đào tạo hoặc phải có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

- Lôi kéo, dụ dỗ, hứa hẹn, quảng cáo gian dối hoặc thủ đoạn khác để lừa gạt người lao động hoặc để tuyển dụng người lao động với mục đích mua bán người, bóc lột, cưỡng bức lao động hoặc lợi dụng dịch vụ việc làm, hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để thực hiện hành vi trái pháp luật.

- Sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật.

***141. Hãy cho biết, trường hợp nào người lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động không cần báo trước?***

Theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Bộ luật lao động năm 2019 thì người lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động không cần báo trước trong trường hợp sau đây:

- Không được bố trí theo đúng công việc, địa điểm làm việc hoặc không được bảo đảm điều kiện làm việc theo thỏa thuận, trừ trường hợp quy định tại Điều 29 của Bộ luật này;

- Không được trả đủ lương hoặc trả lương không đúng thời hạn, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 97 của Bộ luật này;

- Bị người sử dụng lao động ngược đãi, đánh đập hoặc có lời nói, hành vi nhục mạ, hành vi làm ảnh hưởng đến sức khỏe, nhân phẩm, danh dự; bị cưỡng bức lao động;

- Bị quấy rối tình dục tại nơi làm việc;

- Lao động nữ mang thai phải nghỉ việc theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật này;

- Đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Điều 169 của Bộ luật này, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;

- Người sử dụng lao động cung cấp thông tin không trung thực theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Bộ luật này làm ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng lao động.

***142. Đề nghị cho biết, thương lượng tập thể là gì và nội dung thương lượng tập thể theo quy định của Bộ luật lao động?***

Thương lượng tập thể là việc đàm phán, thỏa thuận giữa một bên là một hoặc nhiều tổ chức đại diện người lao động với một bên là một hoặc nhiều người sử dụng lao động hoặc tổ chức đại diện người sử dụng lao động nhằm xác lập điều kiện lao động, quy định về mối quan hệ giữa các bên và xây dựng quan hệ lao động tiến bộ, hài hòa và ổn định. (Điều 65 Bộ luật lao động năm 2019).

Theo quy định tại Điều 66 Bộ luật lao động năm 2019 thì các bên thương lượng lựa chọn một hoặc một số nội dung sau để tiến hành thương lượng tập thể:

- Tiền lương, trợ cấp, nâng lương, thưởng, bữa ăn và các chế độ khác;

- Mức lao động và thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, làm thêm giờ, nghỉ giữa ca;

- Bảo đảm việc làm đối với người lao động;

- Bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; thực hiện nội quy lao động;

- Điều kiện, phương tiện hoạt động của tổ chức đại diện người lao động; mối quan hệ giữa người sử dụng lao động và tổ chức đại diện người lao động;

- Cơ chế, phương thức phòng ngừa, giải quyết tranh chấp lao động;

- Bảo đảm bình đẳng giới, bảo vệ thai sản, nghỉ hằng năm; phòng, chống bạo lực và quấy rối tình dục tại nơi làm việc;

- Nội dung khác mà một hoặc các bên quan tâm.

***143. Đề nghị cho biết, pháp luật về lao động quy định như thế nào về thời giờ làm việc bình thường?***

Theo quy định tại Điều 105 Bộ luật lao động năm 2019 về thời giờ làm việc bình thường thì thời giờ làm việc bình thường không quá 08 giờ trong 01 ngày và không quá 48 giờ trong 01 tuần.

Người sử dụng lao động có quyền quy định thời giờ làm việc theo ngày hoặc tuần nhưng phải thông báo cho người lao động biết; trường hợp theo tuần thì thời giờ làm việc bình thường không quá 10 giờ trong 01 ngày và không quá 48 giờ trong 01 tuần.

Nhà nước khuyến khích người sử dụng lao động thực hiện tuần làm việc 40 giờ đối với người lao động.

Người sử dụng lao động có trách nhiệm bảo đảm giới hạn thời gian làm việc tiếp xúc với yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại đúng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và pháp luật có liên quan.

***144. Xin hỏi, theo quy định của bộ luật lao động, khi nào người sử dụng lao động được sử dụng người lao động làm thêm giờ?***

Theo quy định tại Điều 107 Bộ luật lao động năm 2019 thì thời gian làm thêm giờ là khoảng thời gian làm việc ngoài thời giờ làm việc bình thường theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể hoặc nội quy lao động.

Người sử dụng lao động được sử dụng người lao động làm thêm giờ khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau đây:

- Phải được sự đồng ý của người lao động;

- Bảo đảm số giờ làm thêm của người lao động không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày; trường hợp áp dụng quy định thời giờ làm việc bình thường theo tuần thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày; không quá 40 giờ trong 01 tháng;

- Bảo đảm số giờ làm thêm của người lao động không quá 200 giờ trong 01 năm, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

***145. Xin hỏi, trong trường hợp nào người sử dụng lao động có quyền yêu cầu người lao động làm thêm giờ vào bất kỳ ngày nào mà không bị giới hạn về số giờ làm thêm và người lao động không được từ chối?***

Theo quy định tại Điều 108 Bộ luật lao động năm 2019 thì người sử dụng lao động có quyền yêu cầu người lao động làm thêm giờ vào bất kỳ ngày nào mà không bị giới hạn về số giờ làm thêm và người lao động không được từ chối trong trường hợp sau đây:

- Thực hiện lệnh động viên, huy động bảo đảm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện các công việc nhằm bảo vệ tính mạng con người, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng ngừa, khắc phục hậu quả thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh nguy hiểm và thảm họa, trừ trường hợp có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của người lao động theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

***146. Đề nghị cho biết, theo quy định của Bộ luật lao động thì người lao động làm việc 06 giờ trở lên trong một ngày thì thời gian nghỉ giữa giờ là bao nhiêu?***

Theo quy định tại khoản 1 Điều 109 Bộ luật lao động năm 2019 thì người lao động làm việc theo thời giờ làm việc quy định tại Điều 105 của Bộ luật này (thời giờ làm việc bình thường) từ 06 giờ trở lên trong một ngày thì được nghỉ giữa giờ ít nhất 30 phút liên tục, làm việc ban đêm thì được nghỉ giữa giờ ít nhất 45 phút liên tục.

Trường hợp người lao động làm việc theo ca liên tục từ 06 giờ trở lên thì thời gian nghỉ giữa giờ được tính vào giờ làm việc.

Như vậy, trường hợp trên, người lao động làm việc theo thời giờ làm việc bình thường từ 06 giờ trở lên trong một ngày thì được nghỉ giữa giờ ít nhất 30 phút liên tục.

***147. K làm việc tại công ty theo ca. Xin hỏi, thời gian nghỉ trước khi chuyển sang ca khác được pháp luật quy định như thế nào?***

Theo quy định tại Điều 110 Bộ luật lao động năm 2019 về nghỉ chuyển ca thì người lao động làm việc theo ca được nghỉ ít nhất 12 giờ trước khi chuyển sang ca làm việc khác.

***148. Xin hỏi, pháp luật quy định như thế nào về nghỉ hàng tuần của người lao động?***

Tại Điều 111 Bộ luật lao động quy định về việc nghỉ hàng tuần như sau:

Mỗi tuần, người lao động được nghỉ ít nhất 24 giờ liên tục. Trong trường hợp đặc biệt do chu kỳ lao động không thể nghỉ hằng tuần thì người sử dụng lao động có trách nhiệm bảo đảm cho người lao động được nghỉ tính bình quân 01 tháng ít nhất 04 ngày.

Người sử dụng lao động có quyền quyết định sắp xếp ngày nghỉ hằng tuần vào ngày Chủ nhật hoặc ngày xác định khác trong tuần nhưng phải ghi vào nội quy lao động.

Nếu ngày nghỉ hằng tuần trùng với ngày nghỉ lễ, tết quy định tại khoản 1 Điều 112 của Bộ luật này thì người lao động được nghỉ bù ngày nghỉ hằng tuần vào ngày làm việc kế tiếp.

***149. K làm việc cho công ty K với công việc độc hại, nguy hiểm và đã đủ 12 tháng. Xin hỏi, một năm K được nghỉ bao nhiêu ngày mà vẫn hưởng nguyên lương?***

Theo quy định tại khoản 1 Điều 113 Bộ luật lao động năm 2019 thì người lao động làm việc đủ 12 tháng cho một người sử dụng lao động thì được nghỉ hằng năm, hưởng nguyên lương theo hợp đồng lao động như sau:

- 12 ngày làm việc đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường;

- 14 ngày làm việc đối với người lao động chưa thành niên, lao động là người khuyết tật, người làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

- 16 ngày làm việc đối với người làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

Như vậy, K làm việc đủ 12 tháng cho công ty K thì được nghỉ hằng năm, hưởng nguyên lương theo hợp đồng lao động là 14 ngày làm việc đối với công việc độc hại, nguy hiểm.

***150. Xin hỏi, theo quy định của pháp luật nội quy lao động có những nội dung chủ yếu nào?***

Theo quy định tại khoản 2 Điều 118 Bộ luật lao động năm 2019 thì nội dung nội quy lao động không được trái với pháp luật về lao động và quy định của pháp luật có liên quan. Nội quy lao động bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi;

- Trật tự tại nơi làm việc;

- An toàn, vệ sinh lao động;

- Phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc; trình tự, thủ tục xử lý hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc;

- Việc bảo vệ tài sản và bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động;

- Trường hợp được tạm thời chuyển người lao động làm việc khác so với hợp đồng lao động;

- Các hành vi vi phạm kỷ luật lao động của người lao động và các hình thức xử lý kỷ luật lao động;

- Trách nhiệm vật chất;

- Người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động.

***151. Anh A – người lao động tại công ty X có hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc. Trong nội quy lao động tôi thấy quy định người có hành vi này có thể bị sa thải. Vậy xin hỏi A có thể bị xử lý kỷ luật bằng hình thức sa thải không?***

Theo quy định tại Điều 125 Bộ luật lao động năm 2019 thì hình thức xử lý kỷ luật sa thải được người sử dụng lao động áp dụng trong trường hợp sau đây:

- Người lao động có hành vi trộm cắp, tham ô, đánh bạc, cố ý gây thương tích, sử dụng ma túy tại nơi làm việc;

- Người lao động có hành vi tiết lộ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động, có hành vi gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng về tài sản, lợi ích của người sử dụng lao động **hoặc quấy rối tình dục tại nơi làm việc được quy định trong nội quy lao động**;

- Người lao động bị xử lý kỷ luật kéo dài thời hạn nâng lương hoặc cách chức mà tái phạm trong thời gian chưa xóa kỷ luật. Tái phạm là trường hợp người lao động lặp lại hành vi vi phạm đã bị xử lý kỷ luật mà chưa được xóa kỷ luật theo quy định tại Điều 126 của Bộ luật này;

- Người lao động tự ý bỏ việc 05 ngày cộng dồn trong thời hạn 30 ngày hoặc 20 ngày cộng dồn trong thời hạn 365 ngày tính từ ngày đầu tiên tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng.

Trường hợp được coi là có lý do chính đáng bao gồm thiên tai, hỏa hoạn, bản thân, thân nhân bị ốm có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền và trường hợp khác được quy định trong nội quy lao động.

Như vậy, anh A có thể bị sa thải nếu có hành vi quấy rối tình dục được quy định trong nội quy lao động

***152. M đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi. Trong khi đó, sếp M yêu cầu M đi công tác xa. Xin hỏi, trong trường hợp này, M có phải đi công tác xa theo yêu cầu của sếp không?***

Tại khoản 1 Điều 137 Bộ luật lao động năm 2019 quy định người sử dụng lao động không được sử dụng người lao động làm việc ban đêm, làm thêm giờ và đi công tác xa trong trường hợp sau đây:

- Mang thai từ tháng thứ 07 hoặc từ tháng thứ 06 nếu làm việc ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo;

- Đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, trừ trường hợp được người lao động đồng ý.

Như vậy, đối với trường hợp của M đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi thì người sử dụng lao động động không được sử dụng M đi công tác xa trừ trường hợp M đồng ý.

***153. Theo quy định của Bộ luật lao động thì lao động là người giúp việc nhà có nghĩa vụ gì?***

Theo quy định tại Điều 164 Bộ luật lao động năm 2019 thì lao động là người giúp việc gia đình có các nghĩa vụ sau đây:

- Thực hiện đầy đủ thỏa thuận đã giao kết trong hợp đồng lao động.

- Phải bồi thường theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật nếu làm hỏng, mất tài sản của người sử dụng lao động.

- Thông báo kịp thời với người sử dụng lao động về khả năng, nguy cơ gây tai nạn, đe dọa an toàn, sức khỏe, tính mạng, tài sản của gia đình người sử dụng lao động và bản thân.

- Tố cáo với cơ quan có thẩm quyền nếu người sử dụng lao động có hành vi ngược đãi, quấy rối tình dục, cưỡng bức lao động hoặc có hành vi khác vi phạm pháp luật.

***154. Đề nghị cho biết, các hành vi bị cấm đối với người sử dụng lao động là người giúp việc nhà theo quy định của pháp luật?***

Tại Điều 165 Bộ luật lao động năm 2019 quy định các hành vi bị nghiêm cấm đối với người sử dụng lao động gồm:

- Ngược đãi, quấy rối tình dục, cưỡng bức lao động, dùng vũ lực đối với lao động là người giúp việc gia đình.

- Giao việc cho người giúp việc gia đình không theo hợp đồng lao động.

- Giữ giấy tờ tùy thân của người lao động.

***155. Xin hỏi, theo Bộ luật lao động, các hành vi nào bị nghiêm cấm trước, trong và sau khi đình công?***

Tại Điều 208 Bộ luật lao động năm 2019 quy định các hành vi bị nghiêm cấm trước, trong và sau khi đình công gồm:

- Cản trở việc thực hiện quyền đình công hoặc kích động, lôi kéo, ép buộc người lao động đình công; cản trở người lao động không tham gia đình công đi làm việc.

- Dùng bạo lực; hủy hoại máy, thiết bị, tài sản của người sử dụng lao động.

- Xâm phạm trật tự, an toàn công cộng.

- Chấm dứt hợp đồng lao động hoặc xử lý kỷ luật lao động đối với người lao động, người lãnh đạo đình công hoặc điều động người lao động, người lãnh đạo đình công sang làm công việc khác, đi làm việc ở nơi khác vì lý do chuẩn bị đình công hoặc tham gia đình công.

- Trù dập, trả thù người lao động tham gia đình công, người lãnh đạo đình công.

- Lợi dụng đình công để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

***156. Hãy cho biết, “Xâm hại trẻ em”; “Bạo lực trẻ em”; “Bóc lột trẻ em”; được hiểu như thế nào trong Luật Trẻ em?***

Theo quy định tại khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 4 Luật Trẻ em thì :

- Xâm hại trẻ em là hành vi gây tổn hại về thể chất, tình cảm, tâm lý, danh dự, nhân phẩm của trẻ em dưới các hình thức bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục, mua bán, bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em và các hình thức gây tổn hại khác.

- Bạo lực trẻ em là hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập; xâm hại thân thể, sức khỏe; lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; cô lập, xua đuổi và các hành vi cố ý khác gây tổn hại về thể chất, tinh thần của trẻ em.

- Bóc lột trẻ em là hành vi bắt trẻ em lao động trái quy định của pháp luật về lao động; trình diễn hoặc sản xuất sản phẩm khiêu dâm; tổ chức, hỗ trợ hoạt động du lịch nhằm mục đích xâm hại tình dục trẻ em; cho, nhận hoặc cung cấp trẻ em để hoạt động mại dâm và các hành vi khác sử dụng trẻ em để trục lợi.

***157. Xin hỏi, Luật Trẻ em nghiêm cấm những hành vi nào?***

Theo quy định tại Điều 6 Luật Trẻ em năm 2016 thì các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm:

- Tước đoạt quyền sống của trẻ em.

- Bỏ rơi, bỏ mặc, mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

- Xâm hại tình dục, bạo lực, lạm dụng, bóc lột trẻ em.

- Tổ chức, hỗ trợ, xúi giục, ép buộc trẻ em tảo hôn.

- Sử dụng, rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc trẻ em thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác.

- Cản trở trẻ em thực hiện quyền và bổn phận của mình.

- Không cung cấp hoặc che giấu, ngăn cản việc cung cấp thông tin về trẻ em bị xâm hại hoặc trẻ em có nguy cơ bị bóc lột, bị bạo lực cho gia đình, cơ sở giáo dục, cơ quan, cá nhân có thẩm quyền.

- Kỳ thị, phân biệt đối xử với trẻ em vì đặc điểm cá nhân, hoàn cảnh gia đình, giới tính, dân tộc, quốc tịch, tín ngưỡng, tôn giáo của trẻ em.

- Bán cho trẻ em hoặc cho trẻ em sử dụng rượu, bia, thuốc lá và chất gây nghiện, chất kích thích khác, thực phẩm không bảo đảm an toàn, có hại cho trẻ em.

- Cung cấp dịch vụ Internet và các dịch vụ khác; sản xuất, sao chép, lưu hành, vận hành, phát tán, sở hữu, vận chuyển, tàng trữ, kinh doanh xuất bản phẩm, đồ chơi, trò chơi và những sản phẩm khác phục vụ đối tượng trẻ em nhưng có nội dung ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của trẻ em.

- Công bố, tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em mà không được sự đồng ý của trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên và của cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em.

- Lợi dụng việc nhận chăm sóc thay thế trẻ em để xâm hại trẻ em; lợi dụng chế độ, chính sách của Nhà nước và sự hỗ trợ, giúp đỡ của tổ chức, cá nhân dành cho trẻ em để trục lợi.

- Đặt cơ sở dịch vụ, cơ sở sản xuất, kho chứa hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, độc hại, có nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ gần cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở giáo dục, y tế, văn hoá, điểm vui chơi, giải trí của trẻ em hoặc đặt cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, điểm vui chơi, giải trí của trẻ em gần cơ sở dịch vụ, cơ sở sản xuất, kho chứa hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, độc hại, có nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ.

- Lấn chiếm, sử dụng cơ sở hạ tầng dành cho việc học tập, vui chơi, giải trí và hoạt động dịch vụ bảo vệ trẻ em sai mục đích hoặc trái quy định của pháp luật.

- Từ chối, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không kịp thời việc hỗ trợ, can thiệp, điều trị trẻ em có nguy cơ hoặc đang trong tình trạng nguy hiểm, bị tổn hại thân thể, danh dự, nhân phẩm.

***158. Luật Trẻ em quy định như thế nào là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt? Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bao gồm các nhóm nào?***

Tại khoản 10 Điều 4 và Điều 10 Luật Trẻ em năm 2016 quy định trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là trẻ em không đủ điều kiện thực hiện được quyền sống, quyền được bảo vệ, quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, quyền học tập, cần có sự hỗ trợ, can thiệp đặc biệt của Nhà nước, gia đình và xã hội để được an toàn, hòa nhập gia đình, cộng đồng.

Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bao gồm các nhóm sau đây:

- Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ;

- Trẻ em bị bỏ rơi;

- Trẻ em không nơi nương tựa;

- Trẻ em khuyết tật;

- Trẻ em nhiễm HIV/AIDS;

- Trẻ em vi phạm pháp luật;

- Trẻ em nghiện ma túy;

- Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở;

- Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực;

- Trẻ em bị bóc lột;

- Trẻ em bị xâm hại tình dục;

- Trẻ em bị mua bán;

- Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo;

- Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc.

***159. Đề nghị cho biết, Luật Trẻ em quy định như thế nào về quyền được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động, quyền được bảo vệ để không bị bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc của trẻ em?***

Tại Điều 26, 27 Luật Trẻ em năm 2016 quy định:

Trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị bóc lột sức lao động; không phải lao động trước tuổi, quá thời gian hoặc làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật; không bị bố trí công việc hoặc nơi làm việc có ảnh hưởng xấu đến nhân cách và sự phát triển toàn diện của trẻ em.

Trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc làm tổn hại đến sự phát triển toàn diện của trẻ em.

***160. A năm nay 15 tuổi. A gây ra tai nạn làm 01 người bị chết. Hiện nay, A đã bị khởi tố nhưng được cho tại ngoại. Sắp tới, A sẽ bị Tòa đưa ra xét xử nên mẹ A đang rất lo lắng không biết A có quyền được bảo vệ trong quá trình tố tụng không?***

Theo quy định tại Điều 30 Luật Trẻ em năm 2016 thì trẻ em có quyền được bảo vệ trong quá trình tố tụng và xử lý vi phạm hành chính; bảo đảm quyền được bào chữa và tự bào chữa, được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; được trợ giúp pháp lý, được trình bày ý kiến, không bị tước quyền tự do trái pháp luật; không bị tra tấn, truy bức, nhục hình, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể, gây áp lực về tâm lý và các hình thức xâm hại khác.

Đồng thời cũng theo Điều 70 Luật này cũng quy định về các yêu cầu bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng gồm:

- Bảo đảm trẻ em được đối xử công bằng, bình đẳng, tôn trọng, phù hợp với độ tuổi và mức độ trưởng thành của trẻ em.

- Ưu tiên giải quyết nhanh chóng các vụ việc liên quan đến trẻ em để giảm thiểu tổn hại đến thể chất và tinh thần của trẻ em.

- Bảo đảm sự hỗ trợ của cha mẹ, người giám hộ, người đại diện hợp pháp khác đối với trẻ em trong suốt quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em.

- Người tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính, luật sư, trợ giúp viên pháp lý phải có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với trẻ em; sử dụng ngôn ngữ thân thiện, dễ hiểu với trẻ em.

- Bảo đảm quyền được bào chữa, trợ giúp pháp lý cho trẻ em.

- Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật và tái phạm của trẻ em thông qua việc kịp thời hỗ trợ, can thiệp để giải quyết các nguyên nhân, điều kiện vi phạm pháp luật, giúp trẻ em phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng.

- Bảo đảm kịp thời cung cấp các biện pháp phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp an toàn, liên tục, đầy đủ, linh hoạt, phù hợp với nhu cầu, hoàn cảnh, độ tuổi, đặc điểm tâm lý, sinh lý của từng trẻ em trên cơ sở xem xét và tôn trọng ý kiến, nguyện vọng, tình cảm và thái độ của trẻ em.

- Bảo đảm sự liên kết chặt chẽ, kịp thời giữa các cơ quan, tổ chức, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, gia đình, cơ sở giáo dục với các cơ quan tiến hành tố tụng, xử lý vi phạm hành chính.

- Ưu tiên áp dụng các biện pháp phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp hoặc biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính đối với trẻ em vi phạm pháp luật; biện pháp cưỡng chế và hạn chế tự do chỉ được áp dụng sau khi các biện pháp ngăn chặn, giáo dục khác không phù hợp.

- Bảo đảm bí mật đời sống riêng tư của trẻ em; áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm hạn chế trẻ em phải xuất hiện trước công chúng trong quá trình tố tụng.

Như vậy, A là trẻ em nên em có quyền được bảo vệ trong quá trình tố tụng.

***161. Hiện nay, trong xã hội có nhiều vụ việc trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực gia đình. Được biết hiện nay đã Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em hoạt động hiệu quả, thiết thực. Vậy, xin hỏi Tổng đài hoạt động vào thời gian nào? Khi được Tổng đài tư vấn có phải trả phí viễn thông và phí tư vấn không?***

Theo Điều 23 Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em thì Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em hoạt động 24 giờ tất cả các ngày, được Nhà nước bảo đảm nguồn lực hoạt động. Tổng đài được sử dụng số điện thoại ngắn 03 số, không thu phí viễn thông và phí tư vấn đối với người gọi đến Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em. Để bảo đảm nguồn lực hoạt động, Tổng đài còn được tiếp nhận viện trợ, hỗ trợ tài chính, kỹ thuật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; được quảng bá số điện thoại và các dịch vụ của Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em theo quy định của pháp luật. Số điện thoại của Tổng đài là 111.

***162. Xin hỏi, theo quy định của Luật Trẻ em, các biện pháp bảo vệ trẻ em cấp độ phòng ngừa bao gồm những biện pháp nào?***

Cấp độ phòng ngừa gồm các biện pháp bảo vệ được áp dụng đối với cộng đồng, gia đình và mọi trẻ em nhằm nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức về bảo vệ trẻ em, xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh cho trẻ em, giảm thiểu nguy cơ trẻ em bị xâm hại hoặc rơi vào hoàn cảnh đặc biệt (Khoản 1 Điều 48 Luật Trẻ em năm 2016).

Theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật Trẻ em năm 2016 thì Các biện pháp bảo vệ trẻ em cấp độ phòng ngừa bao gồm:

- Tuyên truyền, phổ biến cho cộng đồng, gia đình, trẻ em về mối nguy hiểm và hậu quả của các yếu tố, hành vi gây tổn hại, xâm hại trẻ em; về trách nhiệm phát hiện, thông báo trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi;

- Cung cấp thông tin, trang bị kiến thức cho cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em, người làm việc trong cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em về trách nhiệm bảo vệ trẻ em, kỹ năng phòng ngừa, phát hiện các yếu tố, hành vi gây tổn hại, xâm hại trẻ em;

- Trang bị kiến thức, kỹ năng làm cha mẹ để bảo đảm trẻ em được an toàn;

- Giáo dục, tư vấn kiến thức, kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ em;

- Xây dựng môi trường sống an toàn và phù hợp với trẻ em.

***163. Đề nghị cho biết, các biện pháp bảo vệ trẻ em cấp độ hỗ trợ được hiểu như thế nào và bao gồm những biện pháp nào?***

Theo quy định tại Điều 49 Luật Trẻ em năm 2016 thì cấp độ hỗ trợ bao gồm các biện pháp bảo vệ được áp dụng đối với trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi hoặc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nhằm kịp thời phát hiện, giảm thiểu hoặc loại bỏ nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em.

Các biện pháp bảo vệ trẻ em cấp độ hỗ trợ bao gồm:

- Cảnh báo về nguy cơ trẻ em bị xâm hại; tư vấn kiến thức, kỹ năng, biện pháp can thiệp nhằm loại bỏ hoặc giảm thiểu nguy cơ xâm hại trẻ em cho cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em, người làm việc trong cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em và trẻ em nhằm tạo lập lại môi trường sống an toàn cho trẻ em có nguy cơ bị xâm hại;

- Tiếp nhận thông tin, đánh giá mức độ nguy hại, áp dụng các biện pháp cần thiết để hỗ trợ trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi nhằm loại bỏ hoặc giảm thiểu nguy cơ trẻ em bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi;

- Hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định của Luật này;

- Hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và gia đình của trẻ em được tiếp cận chính sách trợ giúp xã hội và các nguồn trợ giúp khác nhằm cải thiện điều kiện sống cho trẻ em.

***164. Xin hỏi, trách nhiệm của người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã được pháp luật quy định như thế nào?***

Trách nhiệm của người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã được quy định tại Điều 53 Luật Trẻ em năm 2016, theo đó, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã có trách nhiệm:

- Đánh giá nguy cơ và xác định các nhu cầu của trẻ em cần được bảo vệ.

- Tham gia quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi.

- Tư vấn, cung cấp thông tin, hướng dẫn trẻ em và cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em tiếp cận dịch vụ bảo vệ trẻ em, trợ giúp xã hội, y tế, giáo dục, pháp lý và các nguồn trợ giúp khác.

- Tư vấn kiến thức, kỹ năng bảo vệ trẻ em cho trẻ em, cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và các thành viên trong gia đình, cộng đồng.

- Kiến nghị biện pháp chăm sóc thay thế và theo dõi quá trình thực hiện.

- Hỗ trợ trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em là người bị hại, người làm chứng trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng theo quy định tại Điều 72 của Luật này.

***165. Đề nghị cho biết pháp luật quy định về bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm, danh dự, bí mật đời sống riêng tư của trẻ em như thế nào?***

Theo Điều 100 Luật Trẻ em năm 2016, việc bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm, danh dự, bí mật đời sống riêng tư của trẻ em được quy định như sau:

Cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em và các thành viên trong gia đình có trách nhiệm sau đây:

- Trau dồi kiến thức, kỹ năng giáo dục trẻ em về đạo đức, nhân cách, quyền và bổn phận của trẻ em; tạo môi trường an toàn, phòng ngừa tai nạn thương tích cho trẻ em; phòng ngừa trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, có nguy cơ bị xâm hại hoặc bị xâm hại;

- Chấp hành các quyết định, biện pháp, quy định của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền để bảo đảm sự an toàn, bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm, danh dự và bí mật đời sống riêng tư của trẻ em;

- Bảo đảm để trẻ em thực hiện được quyền bí mật đời sống riêng tư của mình, trừ trường hợp cần thiết để bảo vệ trẻ em và vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em, người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm trong việc phát hiện, tố giác, thông báo cho cơ quan, cá nhân có thẩm quyền về hành vi xâm hại trẻ em, trường hợp trẻ em có nguy cơ bị xâm hại hoặc đang bị xâm hại trong và ngoài gia đình.

Cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em có trách nhiệm lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho trẻ em trong quá trình tố tụng theo quy định của pháp luật.

***166. Đề nghị cho biết, nghĩa vụ của người có hành vi bạo lực gia đình theo quy định của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình?***

Nghĩa vụ của người có hành vi bạo lực gia đình được quy định tại Điều 4 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007, theo đó, người có hành vi bạo lực gia đình có nghĩa vụ:

- Tôn trọng sự can thiệp hợp pháp của cộng đồng; chấm dứt ngay hành vi bạo lực.

- Chấp hành quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

- Kịp thời đưa nạn nhân đi cấp cứu, điều trị; chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình, trừ trường hợp nạn nhân từ chối.

- Bồi thường thiệt hại cho nạn nhân bạo lực gia đình khi có yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

***167. Xin hỏi, theo quy định của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình thì nạn nhân bạo lực gia đình có quyền và nghĩa vụ gì?***

Tại Điều 5 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 thì nạn nhân bạo lực gia đình có quyền và nghĩa vụ như sau:

Nạn nhân bạo lực gia đình có các quyền sau đây:

- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền bảo vệ sức khỏe, tính mạng, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình;

- Yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, bảo vệ, cấm tiếp xúc theo quy định của Luật này;

- Được cung cấp dịch vụ y tế, tư vấn tâm lý, pháp luật;

- Được bố trí nơi tạm lánh, được giữ bí mật về nơi tạm lánh và thông tin khác theo quy định của Luật này;

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Nạn nhân bạo lực gia đình có nghĩa vụ cung cấp thông tin liên quan đến bạo lực gia đình cho cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền khi có yêu cầu.

***168.******Do nghi ngờ vợ ngoại tình với đồng nghiệp ở cơ quan, A thường xuyên ghen tuông, có những lời lẽ không đúng mực với vợ. Không chịu nổi cách hành xử của chồng, vợ anh đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ sống ly thân, anh A còn viết thư tố cáo gửi đến cơ quan vợ,  photo, phát tán thư xung quanh khu vợ chồng anh sinh sống nhằm hạ thấp danh dự, nhân phẩm của chị. Hành vi nêu trên của anh A có phải là hành vi bạo lực gia đình không? Sẽ bị pháp luật xử lý như thế nào?***

Tại khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 quy định các hành vi bạo lực gia đình bao gồm:

- Hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khoẻ, tính mạng;

- Lăng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm;

- Cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý gây hậu quả nghiêm trọng;

- Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau;

- Cưỡng ép quan hệ tình dục;

- Cưỡng ép tảo hôn; cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ;

- Chiếm đoạt, huỷ hoại, đập phá hoặc có hành vi khác cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình hoặc tài sản chung của các thành viên gia đình;

- Cưỡng ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính;

- Có hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở.

Như vậy, hành vi nêu trên của anh A là hành vi cố ý xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên gia đình được quy định tại điểm b khoản 1 Điểu 2 Luật Phòng chống bạo lực gia đình.

Hành vi này bị xử phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 11 Nghị định 110/2009/NĐ–CP ngày 10/12/2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình. Ngoài ra, anh còn bị áp dụng hình thức phạt bổ sung là tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm là các tờ rơi có nội dung nói xấu vợ và buộc phải công khai xin lỗi vợ.

***169.******Vì bị******điểm kém trong học tập, X bị bố đánh và phạt không cho ăn cơm, chị N định chạy đi báo Công an xã nhưng đã bị chồng chặn lại. Chị hô hoán lên nhờ hàng xóm giúp đỡ. Khi Công an xã đến thì chồng chị khoá cửa lại không cho ai vào và nói rằng đây là việc riêng của gia đình anh, không ai được can thiệp vào. Hành vi nêu trên của chồng chị N có vi phạm pháp luật không và bị xử phạt như thế nào?***

Hành vi nêu trên của chồng chị N là vi phạm pháp luật tại điểm a khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 “Hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc có hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng”; vi phạm khoản 5 Điều 8 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình “Cản trở việc phát hiện, khai báo và xử lý hành vi bạo lực gia đình”.

Chồng chị N sẽ bị xử phạt vì hành vi bạo lực gia đình với trẻ em. Đồng thời, anh cũng sẽ bị xử lý về hành vi cản trở người khác phát hiện, khai báo hành vi bạo lực gia đình và cản trở việc xử lý hành vi bạo lực gia đình theo điểm c, khoản 1, điều 20 Nghị định 110/2009/NĐ–CP ngày 10/12/2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình.

Mức phạt đối với hành vi cản trở của anh sẽ bị phạt từ 300.000đ đến 500.000đ.

***170. Chị K bị chồng đánh nên đã bỏ trốn đến trạm y tế xã, một nơi đã được chính quyền địa phương thông báo là địa chỉ tin cậy tại cộng đồng giúp những người bị bạo lực gia đình đến lánh nạn. Tuy nhiên sau ba ngày chữa trị vết thương tại đây, trạm trưởng yêu cầu chị K phải thanh toán tiền chữa trị và tiền ăn ở. Hành vi trên của ông trạm trưởng y tế có vi phạm pháp luật không?***

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Nghị định 110/2009/NĐ–CP ngày 10/12/2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình thì việc yêu cầu thanh toán chi phí sinh hoạt của nạn nhân ở Địa chỉ tin cậy cộng đồng nói trên có thể bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000đ đến 300.000đ.

**171.** A**nh A thường xuyên uống rượu, say xỉn, tuy không đánh đập vợ nhưng thường xuyên chửi bới, xúc phạm, thậm chí lăng mạ vợ và cha mẹ vợ. Anh A cũng cấm đoán, thậm chí không cho phép cha mẹ vợ thăm cháu khi chưa được sự đồng ý của anh. Đây có phải là hành vi bạo lực gia đình; vợ anh A có quyền yêu cầu cơ quan chức năng can thiệp, ngăn chặn và bảo vệ hay không?**

Tại Khoản 1 Điều 2 Luật phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 quy định các hành vi bạo lực gia đình; trong đó có quy định hành vi “lăng mạ hoặc hành vi cố ý khác xâm phạm danh dự, nhân phẩm”; hành vi “cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý gây hậu quả nghiêm trọng”; hành vi “ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau” là các hành vi hành vi bạo lực gia đình.

Như vậy, anh A đã có hành vi bạo lực gia đình đối với vợ của anh.

Theo Điều 5 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007, chị B có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền bảo vệ sức khỏe, tính mạng, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình; được yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, bảo vệ, cấm tiếp xúc theo quy định của Luật này và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, theo Điều 18 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007, khi chị bị bạo lực gia đình, người phát hiện bạo lực gia đình cần kịp thời báo tin cho cơ quan công an nơi gần nhất hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cộng đồng dân cư nơi xảy ra bạo lực. Các cơ quan này khi nhận được tin báo, sẽ có trách nhiệm kịp thời xử lý hoặc kiến nghị, yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền xử lý và trong trường hợp cần thiết áp dụng biện pháp bảo vệ người báo tin bạo lực gia đình.

***172. Đề nghị cho biết các biện pháp ngăn chặn, bảo vệ được áp dụng kịp thời để bảo vệ nạn nhân bạo lực gia đình, chấm dứt hành vi bạo lực gia đình, giảm thiểu hậu quả do hành vi bạo lực gây ra?***

Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 19 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 thì các biện pháp ngăn chặn, bảo vệ được áp dụng kịp thời để bảo vệ nạn nhân bạo lực gia đình, chấm dứt hành vi bạo lực gia đình, giảm thiểu hậu quả do hành vi bạo lực gây ra, bao gồm:

- Buộc chấm dứt ngay hành vi bạo lực gia đình;

- Cấp cứu nạn nhân bạo lực gia đình;

- Các biện pháp ngăn chặn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc pháp luật về tố tụng hình sự đối với người có hành vi bạo lực gia đình;

- Cấm người có hành vi bạo lực gia đình đến gần nạn nhân; sử dụng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin khác để có hành vi bạo lực với nạn nhân (sau đây gọi là biện pháp cấm tiếp xúc).

Người có mặt tại nơi xảy ra bạo lực gia đình tuỳ theo tính chất, mức độ của hành vi bạo lực và khả năng của mình có trách nhiệm thực hiện các biện pháp: buộc chấm dứt ngay hành vi bạo lực gia đình; cấp cứu nạn nhân bạo lực gia đình.

***173. Hãy cho biết, các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật?***

Theo quy định tại Điều 26 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 thì cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình là nơi chăm sóc, tư vấn, tạm lánh, hỗ trợ những điều kiện cần thiết khác cho nạn nhân bạo lực gia đình.

Cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình bao gồm:

- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

- Cơ sở bảo trợ xã hội;

- Cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình;

- Cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình;

- Địa chỉ tin cậy ở cộng đồng.

***174. Đề nghị cho biết, các hoạt động trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật?***

Theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 08/2009/NĐ-CP  ngày 04/02/2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống bạo lực gia đình thì Hoạt động trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình là hoạt động nhân đạo, không vì Mục đích lợi nhuận nhằm giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình, bao gồm:

- Chăm sóc sức khoẻ; chăm sóc y tế;

- Tư vấn pháp Luật; tư vấn tâm lý;

- Cung cấp nơi tạm lánh trong trường hợp nạn nhân bạo lực gia đình không có chỗ ở khác, nhằm tránh những hành vi bạo lực tiếp theo của người gây bạo lực gia đình;

- Hỗ trợ một số nhu cầu thiết yếu cho nạn nhân bạo lực gia đình trong trường hợp nạn nhân bạo lực gia đình không tự lo được hoặc không có sự hỗ trợ từ người thân, bạn bè. Hỗ trợ nhu cầu thiết yếu bao gồm cung cấp đồ ăn, nước uống, cung cấp hoặc cho mượn quần áo, chăn màn và các đồ dùng thiết yếu khác.

Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tạo Điều kiện cho các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình hoạt động.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức việc bảo vệ cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình trong trường hợp cần thiết.

***175. Xin hỏi, “Giới”,“Bình đẳng giới”,“Định kiến giới”,“Phân biệt đối xử về giới” nghĩa là gì?***

Tại Khoản 1, 2, 3 điều 5 Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định như sau:

- *Giới* chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội (khác với từ *Giới tính* chỉ các đặc điểm sinh học của nam, nữ).

- *Bình đẳng giới* là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó.

- *Định kiến giới* là nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ.

- *Phân biệt đối xử về giới* là việc hạn chế, loại trừ, không công nhận hoặc không coi trọng vai trò, vị trí của nam và nữ, gây bất bình đẳng giữa nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.

***176. Xin hỏi, Luật Bình đẳng giới nghiêm cấm những hành vi nào?***

Tại Điều 10 Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm:

- Cản trở nam, nữ thực hiện bình đẳng giới.

- Phân biệt đối xử về giới dưới mọi hình thức.

- Bạo lực trên cơ sở giới.

- Các hành vi khác bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật.

***177. Xin hỏi, gia đình có trách nhiệm như thế nào trong bình đẳng giới***

Theo quy định tại Điều 33 Luật Bình đẳng giới năm 2006 thì gia đình có trách nhiệm:

1. Tạo điều kiện cho các thành viên trong gia đình nâng cao nhận thức, hiểu biết và tham gia các hoạt động về bình đẳng giới.

2. Giáo dục các thành viên có trách nhiệm chia sẻ và phân công hợp lý công việc gia đình.

3. Chăm sóc sức khoẻ sinh sản và tạo điều kiện cho phụ nữ thực hiện làm mẹ an toàn.

4. Đối xử công bằng, tạo cơ hội như nhau giữa con trai, con gái trong học tập, lao động và tham gia các hoạt động khác.

***178. Đề nghị cho biết, công dân có trách nhiệm gì trong bình đẳng giới?***

Theo quy định tại Điều 34 Luật Bình đẳng giới năm 2006 thì công dân nam, nữ có trách nhiệm sau đây:

- Học tập nâng cao hiểu biết, nhận thức về giới và bình đẳng giới;

- Thực hiện và hướng dẫn người khác thực hiện các hành vi đúng mực về bình đẳng giới;

- Phê phán, ngăn chặn các hành vi phân biệt đối xử về giới;

- Giám sát việc thực hiện và bảo đảm bình đẳng giới của cộng đồng, của cơ quan, tổ chức và công dân.

***179. Những hành vi nào là hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động?***

Khoản 3 Điều 40 Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động bao gồm:

- Áp dụng các điều kiện khác nhau trong tuyển dụng lao động nam và lao động nữ đối với cùng một công việc mà nam, nữ đều có trình độ và khả năng thực hiện như nhau, trừ trường hợp áp dụng biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới;

- Từ chối tuyển dụng hoặc tuyển dụng hạn chế lao động, sa thải hoặc cho thôi việc người lao động vì lý do giới tính hoặc do việc mang thai, sinh con, nuôi con nhỏ;

- Phân công công việc mang tính phân biệt đối xử giữa nam và nữ dẫn đến chênh lệch về thu nhập hoặc áp dụng mức trả lương khác nhau cho những người lao động có cùng trình độ, năng lực vì lý do giới tính;

- Không thực hiện các quy định của pháp luật lao động quy định riêng đối với lao động nữ.

Người nào có hành vi vi phạm pháp luật trên thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luậtvề bình đẳng giới mà gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật (Điều 42 Luật Bình đẳng giới năm 2006).

***180. Những hành vi nào là hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực gia đình?***

*Tại Điều 41 Luật Bình đẳng giới năm* 2006 quy định các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình, bao gồm:

- Cản trở thành viên trong gia đình có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tham gia định đoạt tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình vì lý do giới tính.

- Không cho phép hoặc cản trở thành viên trong gia đình tham gia ý kiến vào việc sử dụng tài sản chung của gia đình, thực hiện các hoạt động tạo thu nhập hoặc đáp ứng các nhu cầu khác của gia đình vì định kiến giới.

- Đối xử bất bình đẳng với các thành viên trong gia đình vì lý do giới tính.

- Hạn chế việc đi học hoặc ép buộc thành viên trong gia đình bỏ học vì lý do giới tính.

- Áp đặt việc thực hiện lao động gia đình, thực hiện biện pháp tránh thai, triệt sản như là trách nhiệm của thành viên thuộc một giới nhất định.

Người nào có hành vi vi phạm pháp luật trên thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới mà gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật (Điều 42 Luật bình đẳng giới năm 2006).